



Nàng Lika

Ivan Bunin



IVAN BUNIN
(1870-1953)



NÀNG LIKA

Thông tin về ebook:

Tên sách: Nàng Lika

Tác giả: Ivan Bunin

Dịch giả: Phan Hồng Giang

Đánh máy: Lika

Nguồn: <http://vnthuquan.net/diendan>

Kiểm tra và thực hiện ebook: BeforeTheWinter

Ngày hoàn thành: 06/04/2007

MỤC LỤC

Mở đầu

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

XIII

XIV

XV

X

XVII

XVIII

XIX

XX

XXI

XXII

XXIII

XXIV

XXV

XXVI

XXVII

XXVIII

XXIX

XXX

XXXI

Mở đầu

“*Nàng Lika*” là phần cuối (phần V) của bộ tự tện *Cuộc đời Arxênhép*, tác phẩm chủ yếu mà nhờ đó Bunhin đã được tặng giải thưởng Nôben (1933). Sinh thời Bunhin cũng như sau này ở Liên Xô nhiều lần phần này của bộ tự truyện đã được in riêng như một tác phẩm độc lập bởi sự hoàn chỉnh về hình thức cũng như chủ đề. Gọi là “tự truyện” cũng chỉ là tương đối, vì ở đây cái thật cái hư xen lẫn nhau. Địa danh, tên người phần lớn đều được thay đổi. Hình mẫu của *nàng Lika Vácvara Pasencô*, người mà Bunhin đã cùng chung sống suốt mấy năm, khi ông mới bước vào đời. Trong truyện của Bunhin, so với Vácvara, *Lika* đẹp lên rất nhiều cả về nội tâm cũng như ngoại hình. *Lika* mất ngay sau khi chia tay, còn ngoài đời thật thì Vácvara đã kịp đi lấy *Bibicốp*, con một nhà buôn giàu có và sống với y hơn 20 năm.

Lika của Bunhin là hiện thân của vẻ đẹp cổ điển Nga, – yếu đuối, chân thành, cả tin, hồn hậu mà cũng rất bạo liệt vào những khúc rẽ ngoặt của cuộc đời. Còn nhân vật “tôi” thì đã phải trả giá cho cách sống quá phóng đãng của mình. Anh yêu *Lika*, yêu tận cuối lòng, nhưng lại nhân danh “chất nghệ sĩ” tự cho mình cái quyền đón nhận mọi cảm giác mới lạ của những chuyến phiêu du. *Lika* không chấp nhận được bất cứ sự san xẻ tình cảm nào, *nàng* đã tự chọn con đường ra đi... Nhưng có lẽ cái kết thúc ấy đã giữ cho tình yêu của *nàng* trọn vẹn...”

I

Những ngày lang bạt đầu tiên vào mùa xuân năm ấy là những ngày cuối cùng của thời niên thiếu đầy chay tịnh của tôi.

Ngày đầu tiên ở Ôriôn, khi tỉnh dậy, tôi vẫn cảm thấy mình y hệt như lúc còn trên đng đi – vẫn cô đơn bình thản, chẳng bị ràng buộc gì và xa lạ với khách sạn, với thành phố. Tôi tỉnh dậy vào cái giờ khác thường đối với cuộc sống thị thành, lúc ấy trời chỉ vừa tang tảng sáng. Nhưng sang ngày hôm sau thì tôi đã dậy muộn như mọi người. Tôi chăm chút ăn mặc quần áo, nhìn ngắm mình trong gương... Hôm qua ở toà sạn, tôi đã cảm thấy ngượng ngùng với cái nước da digan găm găm, với vẻ gầy gò sương gió của mình, tóc tai tôi xõa xượi. Cần phải nghiêm chỉnh tân trang cái hình thể của mình, bởi tình thế của tôi hôm qua bỗng bất ngờ được cải thiện. Không những tôi được mời cộng tác mà còn được ứng trước một số tiền, tôi đã đỏ bừng mặt khi họ đưa, nhưng rồi vẫn nhận. Thế rồi tôi đi ra đường phố chính, ghé vào hiệu thuốc lá mua một bao loại đắt tiền, rồi vào hiệu cắt tóc. Tôi bước ra khỏi đó với mái đầu gọn lại đẹp đẽ, thơm tho với cảm giác hưng phấn đặc biệt thường thấy ở người đàn ông vừa ngồi ở hiệu cắt tóc. Ngay lúc đó tôi muốn trở lại toà soạn, để sớm được hưởng tiếp những ấn tượng hào hứng, tươi mới mà hôm qua số phận đã hào phóng dành cho tôi. Nhưng không thể nào đi ngay được: “Sao, anh lại đến à? Lại đến từ sáng sớm à?!” – Tôi đành dạo quanh thành phố. Cũng giống như hôm qua, tôi bắt đầu xuôi theo phố Bônkhôpxkaia, từ đó rẽ sang phố Maxcôpxkaia, một phố buôn bán khá dài dẫn ra nhà ga, tôi cứ đi tiếp trên phố đó cho tới cái cổng khá hoàn bảm đầy bụi, qua bên kia cổng thì con phố trông đã trởng trải, hoang tàn, từ đấy tôi rẽ sang đầu ô Puskarnaia. Khi xuôi từ phố ấy sang vùng Ôrôlich, tôi phải qua một cái cầu gỗ rung lên kẽo kẹt dưới bánh xe ngựa, rồi lên phía các công sở. Chuông các nhà thờ đổ dồn, và di dọc theo đại lộ, ngược lại trước mắt tôi là một cỗ xe với hai con ngựa lớn màu đen đều nhịp vó chạy nhanh, tương phản một cách xứng đáng với những hồi

chuông rung. Trên xe là Đức giáo chủ luôn giơ tay chào ban phát vinh hạnh cho mọi khách hai bên đường.

Ở toà soạn rất đông người, nhộn nhịp không khí làm việc; chị Avilôva nhỏ nhắn ngồi sau chiếc bàn to tướng của mình đang say sưa đọc cái gì đó, chỉ khẽ mỉm cười dịu dàng với tôi rồi lại cúi xuống bàn.

Bữa ăn sáng kéo dài vui vẻ, sau đấy tôi ngồi nghe nàng Lika sôi nổi chơi đàn dương cầm, rồi cùng nàng và chị Ôbôlenxkaia đánh đu trong vườn. Uống trà xong, chị Avilôva đưa tôi đi xem các phòng trong nhà. Tại phòng ngủ, tôi nhìn thấy trên tường một tấm chân dung – từ trong khung nhìn ra là một người với gương mặt đầy râu ria, đeo kính, với đôi vai bè bè xương xẩu. “Ông chồng quá cố của tôi đấy”, – Avilôva nói thoáng qua, – và tôi cảm thấy hơi sững sờ, tôi ngạc nhiên trước sự quái dị của mối quan hệ mật thiết giữa người đàn ông ốm o kia với người phụ nữ linh lợi, xinh đẹp vừa bất ngờ gọi ông ta là chồng mình. Tiếp đó Avilôva lại ngồi làm việc, Lika sang sửa lại trang phục rồi nói với chúng tôi bằng thứ ngôn ngữ có nét đặc biệt làm tôi phải ái ngại thay cho nàng: – “Thôi nhé, các con ơi ta biến đây!” – rồi nàng ra khỏi toà soạn đi đâu đó, còn tôi thì đi cùng Ôbôlenxkaia về việc của chị. Chị ta tỏ ý muốn tôi cùng đi tới phố Kalatriốpkaia, và nói rằng chị cần ghé chỗ bà thợ may đồ lót; tôi cảm thấy thích thú về sự gần gũi vừa bất chợt hình thành do đề nghị đầy tính chất riêng tư kín đáo của cô. Cũng với cảm giác như vậy, tôi đi với cô ra ngoài phố, nghe giọng nói rành rẽ của cô, ở chỗ bà thợ may tôi đặc biệt khoan khoái kiên nhẫn đứng chờ cô bàn bạc thương lượng xong mọi chuyện. Khi chúng tôi quay lại phố Kulatriốpkaia thì hoàng hôn đã xuống. “Anh có thích Turghênnhép không?” – Cô hỏi. Tôi im lặng lúng túng – biết tôi sinh ra và lớn lên ở làng quê nên người ta ở đâu cũng hỏi tôi như vậy với hàm ý rằng thể nào tôi cũng yêu Turghênnhép. – “Thể nào thì thể, – cô nói – điều này cũng sẽ làm anh thú vị đấy. Cách đây không xa có trang ấp của nhà văn ấy đấy, nghe đâu đã được mô tả lại trong cuốn “Tổ ấm quý tộc”. “Anh có muốn xem không?” – Và chúng tôi đi đâu đó ra phía ngoại ô, tới một con phố vắng vẻ lẫn giữa những khu vườn, nơi trên bờ đất cao ven sông Orólích, trong khu vườn cổ xưa đầy những cây xanh như vào độ tháng tư hiện ra ngôi nhà bỏ

hoang từ lâu màu sẫm xám với những ống máng xiêu vẹo mà quạ đã đến làm tổ. Chúng tôi đứng nhìn vào đấy qua hàng dậu thấp, qua cả một khu vườn lơ thơ cây cối, in trên bầu trời hoàng hôn trong sáng... Lika, Lavretski, Lemmơ... và tôi bỗng cảm thấy khao khát tình yêu.

Buổi tối tất cả chúng tôi đều tới công viên thành phố, nơi có sân khấu ngoài trời, tôi ngồi trong bóng tối mờ mờ bên cạnh Lika, thích thú cùng nàng thưởng thức tất cả cái ngu xuẩn ồn ào diễn ra vừa dưới dàn nhạc, vừa trên sân khấu, một khoảnh nhỏ được chiếu sáng từ phía dưới, nơi mà theo tiếng nhạc khiêu vũ âm ỉ các cô gái thị thành xin xắn cùng đám lính hoàng gia đua nhau nện gót giày xuống sàn và lách cách chạm những chiếc cốc bằng thiếc. Xem kịch xong, chúng tôi ăn tối ngay ở trong công viên, tôi ngồi ngoài hiên rộng rãi đông đúc người, bên cạnh mấy phụ nữ cùng đi và uống rượu với đá lạnh. Chốc chốc lại có những người quen đến chỗ mấy người phụ nữ ngồi cạnh tôi; họ giới thiệu tôi làm quen, tất cả đều tỏ ra rất thân mật với tôi. Trừ một vị chỉ khẽ nghiêng mình quay về phía tôi chào rồi sau đó không hề để ý gì đến tôi nữa: Đó là một người sau này – cũng với vẻ vô ý như thế – gây ra cho tôi nhiều nỗi đau tinh thần. Anh ta là một sĩ quan đáng người cao lênh khênh, gương mặt dài ngoẵng với nước da mai mái ngăm ngăm, đôi mắt đen bất động, bộ râu quai nón đen tía gọn, mặc chiếc áo đẹp xẻ tà dài quá gối, quần chật bó sát chân, có dính nếp bằng màu. Nàng nói cười luôn miệng, để lộ hàm răng tuyệt đẹp, nàng biết mọi người đang ngăm nhìn mình, còn tôi thì đã không thể bình tâm mà nhìn bọn họ, tôi ớn lạnh sống lưng khi thấy viên sĩ quan trước lúc đi khỏi bàn chúng tôi đã giữ lấy bàn tay nàng hơi lâu trong bàn tay to tướng của mình.

Vào ngày tôi ra đi, đã nghe thấy những tiếng sấm đầu tiên. Tôi còn nhớ tiếng sấm ấy, nhớ cái xe ngựa nhẹ nhõm đơn sơ đưa tôi cùng với Avilôva ra ga, nhớ cái cảm giác hãnh diện về chiếc xe và sự gần gũi với Avilôva, cùng cảm giác là lạ về sự chia lìa với nàng. Lúc này tôi đã hoàn toàn tin vào mỗi tình tưởng tượng của mình đối với nàng, một cảm giác bao trùm lên tất cả là cảm giác dường như tôi đã tìm gặp được niềm hạnh phúc của mình ở xứ Ôriôn ấy. Ngoài sân ga tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy những người quý phái, sang trọng trông thật cao to, họ đang đứng chờ tàu ở đấy; còn những

vị chức sắc nhà thờ thì dù ăn vận cầu kỳ, trông nét mặt vẫn bình dị, họ cầm thánh giá và bình hương trong tay và đứng trước tất cả mọi người. Vào cái giây lát, khi đoàn tàu của đại công tước nặng nề tiến vào ga và làm mọi người lóa mắt vì tấm vải đỏ vắt ngang chiếc đầu máy khổng lồ màu nâu bóng, thì mọi thứ dường như rối ren lẫn lộn, tôi không còn nhớ thêm gì nữa, ngoài cái không khí lạnh lạnh, âm đạm, trang nghiêm của một lễ tang. Tiếp đó chiếc đầu máy to lớn cắm những lá cờ đen lại thở phì phò, gầm gào, kéo giật nhịp nhàng để lộ những thanh thép sáng loáng nơi ống đẩy, đưa tất cả đoàn tàu với những toa sơn xanh bóng loáng in hình chim đại bàng... Tôi nhìn theo những chiếc bánh xe đúc mỗi lúc quay một nhanh hơn dưới các toa tàu, nhìn lên những đệm díp và guốc hãm – và chỉ còn thấy một điều rằng: tất cả đoàn tàu này phủ đầy bụi trắng, thứ bụi kỳ lạ của con đường dài từ phía Nam, từ Krưm. Con tàu âm âm chuyển động, khuất dần sau tầm mắt, tiếp tục cuộc hành trình tang tóc nghiêm trang của mình qua suốt nước Nga, đi về nơi đầu não của nó, còn cả con người tôi thì đã đến xứ Krưm huyền ảo, trong những ngày đầy sức cuốn hút của nhà thơ thần thoại Puskin.

Con tàu đơn sơ khiêm nhường chạy trong huyện của tôi đang chờ tôi ở tuyến đường xa trên mép rìa sân ga, tôi đã cảm thấy vui thú sắp được hưởng cảnh nghỉ ngơi còn lại một mình trên con tàu đó. Avilôva đứng bên tôi cho tới tận khi con tàu chuyển bánh, nàng luôn miệng cười nói, hi vọng chẳng bao lâu nữa sẽ lại gặp tôi ở Ôriôn. Nàng mỉm cười như thể chỉ tôi hiểu rằng nàng đã thấy rất rõ cái nỗi khổ ngộ nghĩnh vừa xảy ra với tôi. Khi hồi chuông thứ ba rung lên, tôi cúi xuống nồng nhiệt hôn tay nàng, còn nàng thì khẽ thơm vào má tôi. Tôi nhảy vọt lên toa tàu vừa giật mạnh rồi chuyển bánh. Tôi ló đầu ra ngoài cửa sổ nhìn theo bóng nàng đang đứng trên sân ga khẽ vẫy tay chào tôi, dần dần lùi lại phía sau...

Sau đấ đường đi tất cả đều gây cho tôi niềm xúc động: cả con tàu ngừng nghỉ này, con tàu khi thì ì ạch chạy, khi thì bỗng lao đi vun vút lắc mạnh và kêu lên âm âm, cả quang cảnh những nhà ga vắng tanh, những ga xép nơi con tàu chẳng biết vì sao dừng lại rất lâu, và cả những gì thân quen hiện ra ngay quanh tôi: những cánh đồng với gò đất thoai thoải lùi lại ngoài cửa sổ,

những cánh đồng còn trơ trọi và vì thế mà trông mờ mờ không rõ, những mảnh rừng bạch dương trơ cành trụi lá đang lặng lẽ chờ mùa xuân, và chân trời vắng vẻ... Buổi chiều tà cũng nhuộm màu vắng vẻ, lạnh lạnh tiết xuân, với bầu trời thâm thấp nhàn nhạt.

II

Từ Ôriôn ra đi, tôi ấp ủ một mơ ước, làm sao có thể tiếp tục, càng sớm càng tốt những gì đã bắt đầu ở Ôriôn, tôi càng ít nhớ về thành phố đó hơn, khi nhìn qua cửa sổ, nhìn ánh chiều tháng tư mãi không tắt hẳn. Thế rồi bóng tối đã buông xuống, trong toa, ngoài cửa sổ, trên cánh rừng sồi phía bên trái con tàu: – cánh rừng trơ trụi lá, cành khẳng khiu, phía dưới gốc cây ngập đầy những lá màu sẫm từ năm trước vừa lộ ra khỏi lớp tuyết mùa đông. Tôi đã đứng dậy tay cầm chiếc túi, lòng mỗi lúc một thêm hồi hộp, đây đã là rừng Xúpôchin, qua đó là tới ngay ga Pixarevô. Con tàu tung vào khoảng không trống rỗng một hồi còi buồn bã như cảnh tỉnh cho ai đó, tôi vội bước ra đầu toa, mưa bay lất phất như từ buổi nguyên khai ẩm ướt, trước ga là một toa hàng đơn độc. Con tàu chạy vòng quanh nó, tôi nhảy xuống đất ngay khi con tàu còn chưa dừng bánh. Sau đó tôi chạy dọc theo sân ga, đi qua nhà ga tiêu điều, ánh đèn chập choạng, đầy những người dân quê, rồi bước ra một cái cổng tôi tối. Trong khoảng sân tròn tròn trước đó là một mảnh vườn nhỏ bẩn thỉu sau mùa đông, thấp thoáng hiện ra giữa bóng tối mờ mờ là một con ngựa của người xà ích thôn quê. Ông này có khi cả tuần không kiếm ra khách đi, ba chân bốn cẳng chạy về phía tôi, trầm trồ tán thưởng từng câu nói của tôi, sẵn sàng đưa tôi đi tới ng trời cuối đất và với giá cả thế nào cũng được. – “Chắc Ông không làm tôi phật ý đâu!” – một phút sau tôi đã ngồi trên chiếc xe nhỏ của ông ta: mới đầu đi dọc qua một làng tối tăm, hoang sơ, tiếp đó xe mỗi lúc một đi chậm hơn qua những cánh đồng tối sẫm lặng im, xa lạ với cả thế giới, giữa một biển đất đen, phía chân trời xa tít tắp cuối biển đất ấy có cái gì đó thấp thoáng màu xanh lục dưới những đám mây nhỏ mạn tây bắc. Cơn gió đông ban đêm thổi tới ẩm ướt mùi mưa tháng tư, đâu đó xa xa có con chim cun cút nào vỗ cánh bay như lượn theo chiều gió. Dưới bầu trời thâm thập đầy vẻ nước Nga, ẩn hiện sau làn mây lác đác mấy vì sao... Rồi lại có tiếng chim cun cút bay,

mùa xuân, mặt đất – vẫn là tuổi trẻ trước đây của tôi, âm thầm, xơ xác! Con đường dài khổ ải: mùi dấm đi qua cánh đồng với người dân quê Nga đâu có ngăn ngại gì. Người xà ích im lặng, đầy bí ẩn, tỏa ra mùi áo cừu sờn cũ; ông ta chẳng trả lời gì khi tôi yêu cầu cho đi nhanh, gặp chỗ đường dốc lên là ông ta nhảy từ chỗ ngồi phía trước xuống rồi thong thả đi bên cạnh con ngựa chậm chạp bước một của mình, tay cầm dây cương, mặt ngoảnh sang bên... Khi xe tới làng Vaxilepxkoie, có cảm tưởng rằng, đêm đã về khuya lắm, chẳng thấy một ánh đèn nào, chung quanh in lặng như tờ. Mắt đã quen với bóng đêm, có thể nhìn rõ từng căn nhà, từng bóng cây thùy liễu trụi trụi mọc trước nhà trên con đường rộng đi sâu vào làng, tiếp đó tôi nhìn thấy và có cảm giác đang dần dần đi xuống vùng đất bằng thâm thấp đầy mùi vị ẩm ướt của tháng tư; bên trái là cây cầu bắc ngang sông, còn bên phải là con đường dẫn lên một trang ấp màu tối sẫm chẳng có vẻ gì vồn vã chào đón. Lòng tôi lại bỗng rộn lên niềm xúc động: quang cảnh xung quanh vừa thật là thân quen, vừa có gì mới mẻ bởi cái đêm mùa xuân giữa làng quê xơ xác dửng dưng này! Người đánh xe đã hầu như kiệt sức, uể oải bước lên đồi. Bỗng từ phía sau hàng thông trong khu vườn nhỏ thấy lóe sáng ánh đèn. Nhờ ơn trời, thế là còn người thức! Lòng bỗng cảm thấy nôn nao, mừng rỡ, và cả cái cảm giác ngỡ ngàng ngừng của đứa con trai mới lớn chợt ập đến, khi cuối cùng chiếc xe ngựa dừng lại bên thềm và đến lúc bước xuống để mở cửa phòng ngoài, vào trong nhà rồi thấy cảnh mọi người mỉm cười ngắm nghía mình ra sao...

Hôm sau tôi lên yên ngựa rời làng Vaxilepxkoie trong một buổi sáng yên lành, trời mưa lất phất, đôi lúc tạnh rồi lại mưa, qua những cánh đồng mới cày vỡ, sương mù còn bao phủ. Dân quê đang cày và gieo hạt. Bác thợ cày đi chân đất, bước theo sau chiếc cày, mình đi nghiêng ngả, bàn chân giẫm lên đường đất mịn mới vỡ, chú ngựa đi đặng trước gắng sức gò lưng ra kéo. Một con quạ lông đen mượt đang nhảy nhót trên đường cày, chốc chốc lại vớ được một chú giun đất màu mận đỏ; phía sau con quạ là một ông lão để đầu trần, đều đều bước từng bước dài, vai đeo bình hạt giống tay phải nhịp nhàng vung vãi hạt xuống luống đất.

Ở Baturiôn tôi bàng hoàng xúc động cảm nhận tình yêu, niềm vui của người thân gặp gỡ đón tôi. Điều tôi sửng sốt nhất thậm chí không phải là niềm vui của mẹ, mà là sự mừng rỡ của em gái, – tôi lặng người sung sướng đón tình thương, niềm vui trên nét mặt cô em gái vừa thoáng nhìn thấy tôi qua cửa sổ, đã chạy bổ ra thềm đón. Cả con người cô thật là đáng yêu – toàn thân toát ra sự trinh trắng, trẻ thơ, tươi mát kể từ bộ váy áo mới lần đầu tiên cô mặc vào hôm ấy để đón tôi. Cả ngôi nhà cũng làm tôi cảm mến bởi vẻ đẹp thô sơ, cổ kính của nó. Trong buồng tôi mọi thứ đều vẫn nguyên như cũ, chẳng khác nào tôi chỉ vừa mới ra khỏi đó, đồ đạc vốn ở đâu vẫn ở đấy, thậm chí trên chiếc đèn bằng sắt vẫn còn nửa cây nến cháy dở trên bàn viết của tôi từ ngày tôi rời nhà mùa đông năm ngoái. Tôi bước vào, đưa mắt nhìn quanh; những tấm ảnh thánh khung đen đặt ở góc tường, ngoài khung cửa sổ cổ xưa (kính trên trần màu tím và màu đen), có thể nhìn thấy cây cối và bầu trời xanh nhàn nhạt, mưa bụi đang rơi trên những cành lá xanh mới nhú, – trong phòng thì hơi tối, rộng rãi, thâm nghiêm... trần nhà màu sẫm làm bằng gỗ phẳng phiu, tường nhà cũng ghép bằng những súc gỗ màu sẫm, nhẵn nhụi như thế... Chiếc giường bằng gỗ sồi với những chân tròn tr nặng nề, bóng nhẵn.

III

Để có một chuyến đi mới tới Ôriôn, bỗng xuất hiện một lý do công việc, cần phải chuyển lợi tức lên nhà băng. **Và tôi đã chuyển những chỉ trả cho ngân hàng một phần, còn lại thì tiêu mất.** Đây không phải là việc có thể đùa bỡn, nhưng không biết có điều gì đã xảy ra với tôi mà tôi chẳng coi trọng chuyện này. Tôi luôn luôn hành động với thái độ quả quyết đầy vô tâm, nhẹ nhõm. Trên đường đi Ôriôn, tôi bị nhờ tàu khách, – tôi bèn nhảy ngay lên tàu hàng. Tôi còn nhớ mình trèo lên cái bậc sắt cao chui vào một chỗ bẩn thỉu, thô ráp rồi đứng nhìn. Mấy người thợ máy quần áo dính đầy dầu mỡ, đen bóng, mặt họ cũng lấm lem, bóng láng như vậy, cặp mắt trắng dã lạ lùng của người da đen, lông mi đều bị tô đen như những diễn viên cố ý trang điểm. Anh thợ trẻ sức mạnh xẻng vào đồng than đá nằm trên sàn tàu, gạt tấm che của lò xuống nơi ngọn lửa hồng rực rỡ lộ cả ra ngoài, anh hất mạnh than vào cái đĩa ngục lửa ấy, còn bác thợ cả thì lau lau tay bằng một cái giẻ gôm ghiếc đầy dầu mỡ, quăng khăn đi rồi giật giật, xoay xoay cái gì đó... Một tiếng còi xé tai vang lên, hơi nước trắng xóa nóng hổi từ đâu đó tỏa ra, tiếng máy bỗng gầm gào át hết mọi âm thanh – đầu tàu chậm chậm kéo đoàn toa đi... Sau này âm thanh chát chúa đó còn dữ dội vang lên mãi, sức mạnh và tốc độ của chúng cứ mỗi ngày một tăng lên thêm, mọi thứ xung quanh đều như rung lên, quay tít, nhảy chồm. Thời gian như ngưng đọng lại, hóa đá, như có rồng lửa đang chạy làm rung con đường sắt được tôn cao, từng khoảng cách giữa hai toà tàu vượt qua thật mau! Mỗi lần tàu dừng lại, giữa ga đêm yên bình, tĩnh mịch, có thể cảm thấy rõ hương rừng ban đêm, và từ khắp các bụi cây tiếng họa mi bay đi đong đả, thanh bình...

Ở Ôriôn tôi ăn vận không được nghiêm trang cho lắm, – đôi ủng sang trọng bằng da mỏng, áo khoác ngoài mỏng màu đen, áo sơ mi lụa đỏ, chiếc mũ lưỡi trai đen quý phái ền đỏ, – tôi mua bộ yên hiệp sĩ tuyệt hảo còn thơm mùi da đến nỗi, đi đêm về, mãi tôi không ngủ được vì niềm vui có cái yên đặt bên cạnh. Tôi lại đến Pixarevo – với dụng ý mua thêm con ngựa – vào dịp đó ở đây đang có hội chợ bán ngựa trong làng. Tại hội chợ, tôi

đánh bạn với mấy chàng trai trạc tuổi tôi, họ cũng mặc áo khoác, đội mũ lưỡi trai viền đỏ, và những khách thăm thường xuyên từ lâu của các hội chợ; được sự mách bảo của họ, tôi mua được con ngựa nòi cái còn ít tuổi (mặc dù một tay digan đã ra sức thuyết phục tôi mua con ngựa thiếu già nua – “Ông chủ ơi, mua con ngựa Misa này đi, suốt đời ông sẽ yêu quý tôi vì có con ngựa này.”).

Mùa hè tiếp đó là cả một chuỗi ngày vui liên tục của tôi – suốt ba ngày liền tôi không về Baturion mà làm khách ở nhà những người bạn mới quen, và khi nàng từ Ôriôn trở về, tôi lại mất tâm trong thành phố. Liền sau khi nhận được mảnh giấy của nàng ghi hàng chữ ngăn ngủi: “Em đã về, khao khát gặp anh”, tôi vội phi ngựa ra ga, mặc dù cảm thấy hơi khó xử trước vẻ khôn ngoan ngồ ngộ của hàng chữ đó, mặc dù trời đã tối, mây đang ùn ùn kéo tới, và khi đã vào trong toa rồi, tôi cảm thấy mình như say say với nhịp tàu lao đi vun vút, con tàu như lao nhanh hơn trong cơn giông đang nổi đến, trong tiếng bánh xe rầm rập chạy hoà lẫn với tiếng sấm, tiếng mưa ào ào đổ trên nóc toa, ánh chớp xanh lè chốc chốc lại hắt lên kính cửa tối đen soi rõ những dòng nước mưa sủi bọt nhảy ròn ròn.

Dường như chẳng còn gì ngoài cảm giác thỏa thê về những lần gặp gỡ đầy vui thú. Thế rồi – chuyện này xảy ra đã vào cuối hạ, – một trong số những người bạn ấy sống cùng với em gái và ông bố già ở một trang ấp cách thành phố không xa trên bờ cao dòng sông Ixta, anh này cũng đã từng đến nhà nàng, anh đã mời khá đông bạn bè đến dự tiệc nhân ngày thánh lễ của mình. Anh ta đích thân đi đón nàng, cùng nàng đi trên chiếc xe nhỏ một ngựa kéo, còn tôi thì cưỡi ngựa phía sau. Tôi cảm thấy lòng mình khoan khoái giữa một ngày đầy ánh mặt trời, cánh đồng khô ráo mênh mông, những cánh đồng thoáng dang dường như toàn đất cát lô nhô vô số những đồng rạ hình chóp nón. Tự nhiên tôi thèm được làm điều gì đó khác lạ phi thường. Tôi thúc ngựa đi như điên, rồi kìm nó lại, sau đó lại lao như bay qua những đồng rạ, móng sắc cứa vào cổ chân ngựa đến tóe máu.

Bữa tiệc ngoài ban công cũ kỹ kéo dài đến tối, đêm tới lúc nào không biết, cảnh tượng thật vui, – dưới ánh đèn sáng, rượu mùi, những bài hát hoà lẫn tiếng đàn ghita. Tôi ngồi bên nàng, và chẳng còn chút e dè gì, tôi đã

cầm lấy tay nàng và nàng để yên không rút ra. Khi đêm đã khuya, hết như thỏa thuận ngầm với nhau, chúng tôi đứng dậy, rời ban công xuống vườn tối sẫm. Nàng dừng lại giữa khu vườn đêm ấm áp, lưng tựa vào thân cây, hai tay đưa lại phía tôi, – tôi không thể nào trông thấy nhưng ngay lập tức tôi cảm thấy được cử chỉ đó của nàng... Đêm trôi qua nhanh, vườn cây dần ngả màu xám xám, khắp trang ấp vang lên tiếng gà gáy khàn khàn, nghe xa vắng êm đềm, và chỉ ít lúc sau cả khu vườn đã hừng sáng trong vừng đông đỏ rực hiện lên từ mãi cuối cánh đồng vàng thoi thỏi trải rộng bên kia sông... Chúng tôi đi ra phía bờ cao bên kia sông và dừng lại, nàng nhìn chân trời như đang bốc cháy, không còn để ý đến tôi, nàng khe khẽ hát bài “bình minh” của Traicôpxki. Đến một nốt cao, giọng nàng không lên được, bài hát bị dừng ở đây, nàng nâng gấu váy bằng vải mỏng màu xanh sẫm rồi chạy về nhà. Tôi đứng lại sững sờ, chân không còn đứng vững, chưa nói tới chuyện nghĩ ra được điều gì. Tôi đi đến gốc cây bạch dương già mọc giữa đám cỏ khô ráo trên sườn dốc thoi thỏi bên bờ sông rồi nằm xuống đấy. Một ngày mới đã đến, mặt trời đã lên; vào cuối mùa hè bao giờ cũng thế, hễ thời tiết đẹp là bao giờ cũng chói chang ngay từ buổi sáng. Tôi gối đầu lên rễ cây bạch dương và thiếp đi ngay. Nhưng mặt trời mỗi lúc một gay gắt hơn, – ít lúc sau thì tôi tỉnh dậy giữa bầu không khí oi nồng, nắng tràn lóa mắt, tôi đứng dậy, ngật ngưỡng đi tìm bóng râm. Ngôi nhà hiện ra giữa ánh nắng chói loà, mọi người trong nhà vẫn còn đang ngủ. Chỉ một mình ông già chủ trang trại là còn thức. Từ phía cửa sổ phòng ông mở toang, nơi cạnh đó có cây xiren đơn độc cành lá sum sê, vọng ra tiếng ho khan của ông, tiếng ho dường như thoát ra từ cái thú được hút tẩu thuốc đầu tiên buổi ược uống cốc trà đặc buổi sáng trộn với mút quả. **Nghe tiếng chân tôi và tiếng đàn chim sẻ bay rào rào lên từ bụi cây xenri lóa nắng, ông già nhìn qua cửa sổ, khép lại trên ngực tà áo dài cũ kỹ bằng lụa hoa Thổ Nhĩ Kỳ, có thể trông rõ khuôn mặt già nua nhăm nhúm của ông với đôi mắt sưng húp và bộ râu xồm xoàm trắng bạc.** Ông già nở nụ cười thật hiền hậu. Tôi nghiêng mình chào như có lỗi, đi qua lối hiên vào phòng khách cửa rộng mở; căn phòng này trông thật hấp dẫn đáng yêu với cảnh vắng vẻ, tĩnh mịch buổi sáng, với mấy chú bướm đang bay lượn, tường trong phòng dán giấy trang

trí màu xanh đã cũ, ghế bành, đi-văng kê ngay ngắn. Tôi nằm xuống một chiếc đi-văng rất không thuận tiện vì quá trũng, rồi lại thiếp đi ngủ rất say. Nhưng dường như liền sau đó, – chỉ là cảm giác, thực ra giấc ngủ của tôi khá lâu, – có ai bước lại gần, khẽ cười, miệng nói nói điều gì, lấy tay xoa xoa vào mái tóc tôi. Tôi choàng tỉnh – trước mặt tôi là hai người trẻ tuổi trong gia chủ, anh trai và em gái, cả hai nước da đều ngăm ngăm, mắt sáng, đẹp kiểu Tactal. Người anh mặc áo lụa vàng, người em cũng mặc áo lụa vàng giống như vậy. Tôi chồm dậy: hai người cùng nói với giọng thật hiền hoà rằng đã đến lúc phải dậy và ăn sáng, rằng nàng đã rời trang trại, không phải một mình mà đi với Kuzmin, – của nàng. Tôi liền nhớ tới Kuzmin – đôi mắt sôi nổi, dữ dội, màu ong. Tôi cầm lấy mẫu giấy, đi sang phòng cổ kính dành riêng cho các cô, – ở đây một bà già vận toàn đồ đen đang thong thả ngồi chờ tôi trên chiếc ghế đẩu đặt cạnh một cái chậu, bàn tay gầy guộc lấm tấm hạt kê, đang cầm chiếc bình đựng nước. Vừa đi, tôi vừa đọc lời nàng ghi “đừng cố tình gặp em nữa”. Tôi tới chỗ rửa mặt. Nước lạnh như băng, giá buốt – “nước ở đây từ mạch nguồn, từ giếng lên đây mà”, – bà già nói và đưa cho tôi một chiếc khăn rất dài bằng vải lanh. Tôi đi vội ra phòng ngoài, cầm lấy chiếc mũ và chiếc dây da, chạy qua sân nắng chang chang vào chuồng ngựa... Con ngựa khê hí hí rầu rĩ đón tôi từ trong bóng tối, – nó vẫn mang bộ yên trên lưng, đứng bên cạnh máng ăn rỗng không, bụng hóp lại, tôi nắm lấy dây cương, nhảy lên yên, trong lòng vẫn còn tự kìm giữ mình một cây hoang dại say sưa, rồi quất ngựa lao vút ra sân.

Ra ngoài trại, tôi rẽ quặt sang cánh đồng, để ngựa muốn đi đâu thì đi giữa cánh đồng còn trơ gốc rạ; gặp đồng rơm đầu tiên, tôi cho ngựa đứng lại, tôi tụt khỏi yên rồi ngồi xuống bên cạnh. Con ngựa nhe răng kéo từ đồng rơm những sợi vàng óng, châu chấu nhảy lách tách trên những gốc rạ, trong rơm, cánh đồng sáng loáng chung quanh trải dài như một biển cát – còn tôi thì chẳng nghe thấy gì, trong đầu chỉ ám ảnh một ý nghĩ rành rẽ: hoặc là nàng sẽ trả lại cho tôi con người của mình, trả lại cho tôi cái đêm này, buổi sáng này, màu xanh sẫm của làn vải mỏng khê xao xác, thấp thoáng trên đôi chân nàng bước trên bãi cỏ, hoặc là cả hai sẽ không sống nữa!

Với cảm giác điên loạn ấy, với niềm tin rồ dại vào những điều ấy, tôi lao nhanh vào thành phố.

IV

Sau lần ấy tôi ở lại thành phố rất lâu, suốt bao ngày ngồi cạnh nàng trong khu vườn nhỏ đầy bụi nằm sâu trong sân nhà của người bố góa vợ – bố nàng (là một bác sĩ sống vô lo, có đầu óc tự do) chẳng hề gò ép nàng điều gì. Kể từ cái phút khi tôi phi ngựa qua mặt sông Ixta đến với nàng, và nhìn thấy mặt tôi, nàng áp hai tay lên ngực, từ phút ấy đã không thể nào biết được rằng tình yêu của ai mãnh liệt hơn, hạnh phúc hơn, mất trí hơn, – tình yêu ở tôi hay ở nàng (không biết bất ngờ từ đâu xuất hiện). Cuối cùng, để cho cả hai được sống bình thường dù chỉ một chút thôi, chúng tôi quyết định xa nhau một thời gian. Điều này là cần thiết còn vì lý do rằng thuê chỗ ở trong khách sạn “Quý tộc”, tôi bị rơi vào cảnh nợ nần không trả được. Thêm nữa, trời mưa dầm dề. Tôi cứ trì hoãn mãi cuộc chia tay – cuối cùng thì tôi đã thu hết nghị lực, đợi trời mưa tầm tã mà lên đường về nhà. Đạo đầu ở nhà tôi chỉ ngủ, lặng lẽ đi từ phòng này sang phòng khác, không làm gì ghê ngại điều gì. Dần dần một câu hỏi cứ xoáy vào óc tôi: điều gì vậy đã xảy ra với tôi và rồi nó sẽ kết thúc ra sao? Có lần anh trai tôi là Nhicôlai đến, vào phòng tôi, ngồi xuống, không bỏ mũ ra và nói:

– Thế này, chú em ạ, cảnh sống thơ mộng của chú vẫn đang tiếp tục đấy. Mọi chuyện vẫn như xưa: “Cáo đưa tôi vào chốn rừng sâu, qua bao núi cao”, điều gì sẽ đến sau khu rừng, dãy núi ấy – chẳng ai biết được đâu. Anh biết cả rồi, nghe nhiều rồi, phần còn lại thì tự đoán ra – những chuyện này nói chung đều na ná như nhau cả mà. Anh cũng biết rằng bây giờ thì chú chẳng thể suy nghĩ tinh táo được đâu. Tuy nhiên anh vẫn muốn hỏi: vậy thì những dự định sắp tới của chú là thế nào?

Tôi đáp lại đùa đùa:

– Ai cũng bị một chú cáo nào đó dẫn đi. Còn đi đâu, để nhằm mục đích gì thì tất nhiên không ai biết. Điều này trong sách “Pixanhi” đã nói: “hỡi chàng trai, chàng hãy đi đi trong tuổi trẻ của chàng, đi đâu trái tim chàng mách bảo và đôi mắt chàng nhìn tới!”.

Người anh tôi im lặng nhìn xuống sàn nhà như đang lắng nghe tiếng mưa rơi lao xao trên mảnh vườn thu xơ xác, một lát sau anh buồn bã nói:

– Nào thì đi đi, đi đi...

Tôi tự hỏi mình mãi một câu: biết làm gì bây giờ? Có thể biết rõ phải làm gì. Nhưng tôi càng cố tự thuyết phục mình rằng ngay ngày mai phải viết ngay một bức thư dứt khoát vĩnh biệt – khả năng này vẫn còn vì chúng tôi vẫn chưa bước qua ranh giới của sự gần gũi cuối cùng, – lòng tôi tràn ngập tình cảm dịu dàng với nàng, niềm thán phục nàng, cảm giác hàm ơn sâu nặng trước tình yêu của nàng đối với tôi, trước vẻ đẹp tuyệt vời của đôi mắt nàng, của gương mặt, tiếng cười, giọng nói... Vài hôm sau vào buổi chiều tối, trước sân trang ấp tôi, bỗng xuất hiện một người cưỡi ngựa ướn sừng từ đầu đến chân, đưa cho tôi một bức thư hỏa tống nhèm: “Em không thể chịu được nữa, chờ anh”. Suốt đêm cho tới sáng, tôi không thể nào ngủ được, bàng hoàng với ý nghĩ rằng chỉ vài giờ nữa thôi là tôi lại được nhìn thấy nàng, nghe được nàng...

Cả mùa thu của tôi trôi qua như thế, lúc ở nhà, khi lên thành phố. Tôi đã bán yên, bán ngựa, tôi không ngụ tại khách sạn “Quý tộc” nữa, mà ở trọ của bà Nhiculina tại quảng trường Sépnaia. Thành phố bây giờ đã khác xa cái thời tôi sống ở đó khi còn thơ ấu. Cảnh sắc xung quanh vẫn bình thường, dung dị, – chỉ có đôi lúc, khi đi trên đường phố Uxpnextkaia qua chỗ khu vườn và nhà trường, tôi cảm nhận được một điều gì gần gũi thân thiết mà tôi đã từng nếm trải. Từ lâu tôi đã quen hút thuốc, quen cạo râu trong hiệu, nơi ngày xưa tôi đã từng là đứa bé ngoan ngoãn ngồi yên, mắt liếc nhìn những món tóc vàng của mình lá tả rơi xuống sàn dưới tiếng lách cách của kéo.

Nàng và tôi suốt ngày ngồi trên chiếc đi-văng kiểu Thổ Nhĩ Kỳ trong phòng ăn, chung quanh không có một ai: bác sĩ thì vắng nhà từ sáng sớm, cậu em trai nàng là học sinh thì đến trường. Sau bữa ăn sáng, bác sĩ ngủ một lúc rồi lại lên xe đi đâu đó, cậu em trai thì đùa nghịch đuổi nhau với chú chó Vôntrời màu hung, vừa sủa, vừa giả vờ cắn xé, hết chạy xuống rồi lại chạy lên gác hai theo cầu thang gỗ. Một thời gian cái cảnh ngồi đơn điệu trên đi-văng và có thể là cả sự âu yếm cuồng nhiệt thái quá đã làm nàng

chán ngấy – nàng bắt đầu kiểm soát đi ra khỏi nhà, thăm các cô bạn gái, thăm người quen, còn tôi thì ngồi một mình trên đi-văng, nghe tiếng hát, tiếng cười hô hố của cậu học sinh và tiếng sửa giả vờ của con Vôntrôi đang lăn lộn trên cầu thang. Mắt nhoà lệ, tôi nhìn qua cửa sổ rèm che một nửa ra ngoài bầu trời trong xám xám, hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác... Ít lâu sau có điều gì đó lại xảy ra với nàng: nàng lại bắt đầu ngồi lì ở nhà, lại dịu dàng nương nhẹ với tôi như trước, khiến tôi không thể hiểu được nàng là người như thế nào. “Anh thân yêu – có lần nàng nói với tôi – biết thế nào được, chắc là phải thế thôi!” – nàng mỉm máo cười rồi lại hút thút. Lần đó là sau bữa ăn sáng, khi mọi người trong nhà đều rón rén đi lại cốt giữ yên lặng cho ông bác sĩ nghỉ ngơi. “Em chỉ thấy thương ba thôi, với em trên đời này chẳng còn ai thân quý hơn!” – nàng nói, và lại một lần nữa tôi ngạc nhiên trước tình yêu thái quá của nàng với bố. Liên sau đó, hệt như là sắp đặt trước, cậu em trai chạy tới, lơ đễnh lâu bầu rằng bác sĩ cho gọi tôi lên gặp ông. Mặt nàng bỗng tái nhợt. Tôi hôn tay nàng và đĩnh đạc đi ra.

Bác sĩ đón tôi bằng vẻ mặt dịu dàng vui vẻ của người vừa ngủ dậy giấc và mới rửa mặt xong; ông vừa hút thuốc vừa khe khẽ hát.

– Anh bạn trẻ thân mến – ông vừa nói vừa đưa thuốc mời tôi, – từ lâu tôi đã muốn nói chuyện với anh, – chắc anh hiểu là vì điều gì. Anh biết quá rõ tôi là người không có đầu óc cố hủ gì. Nhưng tôi rất quý hạnh phúc của con gái tôi, nên cũng rất thương anh. Vì vậy tôi muốn nói thẳng với anh như giữa hai người đàn ông. Dù điều này có lạ lùng chẳng nữa thì tôi vẫn phải nói rằng quả là tôi không biết gì về anh cả. Anh hãy cho tôi biết: anh là ai? – Ông nói miệng nở nụ cười.

Mặt tôi đỏ bừng nóng ran rồi lại tái nhợt đi, tôi cố kéo dài thời gian. Tôi là ai vậy? Tôi muốn trả lời một cách kiêu hãnh như Goto (dạo đó tôi vừa đọc xong cuốn sách của Êch két man). “Tự tôi không biết mình là ai, ôi lạ chúa, xin đừng để tôi tự biết mình!”. Tuy nhiên tôi đáp lại bằng giọng khiêm nhường:

– Thưa bác, cháu viết văn ạ... Cháu sẽ còn viết nữa, sẽ trau dồi thêm trong công việc này...

Và bất ngờ nói thêm:

– Có thể là cháu sẽ chuẩn bị thi vào trường đại học tổng hợp...

– Trường tổng hợp à, điều này tất nhiên là tuyệt quá rồi, – bác sĩ trả lời. – Nhưng chuẩn bị thi vào đấy đâu phải là chuyện đùa. Mà anh dự định tương lai sẽ h động trong lĩnh vực nào mới được? Anh sẽ chỉ hoạt động văn học hay là tham gia cả vào lĩnh vực hoạt động xã hội, phụng sự nhà nước?

Một ý nghĩ lẩn thẩn lại len vào đầu tôi – tôi lại muốn nhắc lại lời Gótr: “Tôi muốn sống giữa thời đại với cảm giác về sự hữu hạn đầy ghê sợ của mọi thứ trên đời... Chính trị không bao giờ lại có thể là việc của thi ca...”

– Hoạt động xã hội không phải là việc của nhà thơ. – Tôi trả lời.

Bác sĩ nhìn tôi với vẻ hơi ngạc nhiên:

– Thế như Nêkraxốp chẳng hạn theo anh không phải là nhà thơ sao? Mặc dù vậy chắc anh vẫn có theo dõi ít nhiều đời sống xã hội đương diễn ra, anh có biết vào thời điểm này mọi người Nga trung thực, có văn hóa quan tâm tới điều gì chứ?

Tôi ngẫm nghĩ và hình dung ngay ra những gì tôi đã biết: tất cả đều nói đến sự hà khắc, đến thủ lĩnh các hội đồng tự quản, nói đến “sự suy sụp hoàn toàn từ những ý định tốt đẹp ban đầu của thời kỳ cải cách vĩ đại”... nói rằng Tônxtôi đang kêu gọi mọi người ẩn mình vào “biệt phòng dưới bóng cây vân sam”... rằng quả là chúng ta đang sống trong “hoàng hôn” của Sêkhốp... Tôi chợt nhớ tới quyển sách mỏng gồm những câu châm ngôn của Mắc Avrêli do những người theo thuyết “tự hoàn thiện” của Tônxtôi truyền bá: “tôi được dạy rằng tâm hồn của những người quý phái thật là cạn hẹp” – Tôi nhớ đến ông già buồn bã người Ucraina, người đã cùng tôi mùa xuân vừa qua đi tàu dọc sông Đơniép. Ông già này là một người theo đạo, thường hay đọc lại cho tôi theo cách riêng của mình lời nói của thánh Paolô: “Nếu tạo hóa đã tôn Đức Chúa Krixtô lên thiên đàng, lên cao hơn hết thầy mọi chức vị, quyền lực, mọi tên tuổi không chỉ trong quá khứ mà còn cả trong tương lai, thì chúng ta không giao chiến chống lại con người mà chống lại các nhà cai trị vốn là thế lực hắc ám của thời đại...” Từ lâu đã tự thấy mình là môn đệ của học thuyết Tônxtôi, vừa giải thoát khỏi mọi ràng buộc xã hội, vừa tuyên chiến với các thế lực hắc ám mà tôi căm ghét, – và lúc này tôi bèn đứng ra truyền bá học thuyết của Tônxtôi.

– Vậy là theo anh, con đường duy nhất cứu thoát khỏi mọi điều ác và bất hạnh là nằm trong cái gọi là “bất hành động”, “bất bạo loạn” chẳng? – bác sĩ hỏi lại bằng giọng thờ ơ một cách cố ý.

Tôi vội trả lời rằng tôi ủng hộ việc hành động và cả việc chống đối, chỉ có điều, đó là sự chống đối “rất đặc biệt”. Thiện cảm của tôi với học thuyết Tônxtôi được hình thành từ nhiều cảm xúc trái ngược gợi ra từ các nhân vật Pie Bêdukhốp và Anatoli Kurakin, công tước Xécpukhốp trong truyện “người đo vải” và Ivan Ilích, từ những lời đại loại như “Vậy thì chúng ta phải làm gì đây” và “Con người có cần nhiều đất không” từ những cảnh tượng bản thủ nghèo nàn của cuộc sống thành phố được miêu tả lại trong bài báo về cuộc thống kê dân số ở Matxcơva, từ ước mơ đầy thi vị về cuộc sống giữa thiên nhiên, giữa dân chúng mà truyện “Những người Kadắc” và ấn tượng của riêng tôi về vùng Tiểu Nga đã đem đến cho tôi.

Thật là hạnh phúc biết bao khi có thể đoạn tuyệt hoàn toàn với cuộc đời vô nghĩa lý và thay bằng một cuộc sống lao động trong sạch tại một làng nào đó giữa thảo nguyên, trong một ngôi nhà tường trát bằng đất sét quét vôi trắng bên bờ sông Đơnhép. Tôi đã nói lại với bác sĩ ít nhiều từ những cảm nghĩ trên, tránh nhắc đến cái “ngôi nhà đất sét”. Có cảm giác rằng ông chăm chú nghe, nhưng với thái độ kẻ cả lộ quá rõ. Có lúc tôi thấy đôi mắt sùm sụp của ông hơi lơ đãng ngái ngủ, cảm ông run run vì cố kìm giữ cho khỏi ngáp, ông đã tránh được cử chỉ đó, cho hơi thoát ra ngoài đường mũi.

Ông nói:

– Vâng, vâng, tôi nghe anh đây... Có nghĩa rằng anh không tìm kiếm những tiện nghi bình thường của cuộc sống trần tục ư? Nhưng mà ngay cả chuyện ăn đâu có phải chỉ là việc riêng. Như tôi đây chẳng hạn, tôi không lấy gì làm ngưỡng mộ dân chúng cho lắm, rất tiếc là tôi hiểu biết dân chúng quá kỹ, và tôi rất ít tin rằng dân chúng là ngọn nguồn của mọi điều thông thái, rằng tôi có nghĩa vụ phải cùng họ dựng xây trái đất này, nhưng chẳng lẽ thế là tôi không cần mang ơn, không mắc nợ họ điều gì sao? Tuy nhiên, tôi không dám bảo ban anh về phương diện này. Bây giờ tôi muốn trở lại điều tôi đã nói tới lúc đầu. Tôi sẽ nói ngắn, và xin lỗi anh, sẽ nói hoàn toàn dứt khoát. Vô luận tình cảm giữa anh và con gái tôi sâu nặng đến thế nào,

bất kể tình cảm ấy đang ở giai đoạn phát triển nào, tôi muốn nói trước rằng: Lika tất nhiên là một cô gái hoàn toàn tự do, nhưng nếu giả sử nó muốn gấn bó mật thiết đời mình với anh và hỏi ý kiến tôi thì nó sẽ nhận được sự từ chối thẳng thừng. Tôi rất có cảm tình với anh, tôi mong muốn cho anh gặp mọi điều tốt lành, nhưng ý tôi là như vậy. Vì sao? Tôi xin trả lời một cách hoàn toàn thực dụng: Tôi không muốn thấy anh và Lika bất hạnh, sống leo lắt trong cảnh nghèo túng vô định. Và sau nữa, cho phép tôi được nói hoàn toàn thẳng thắn: Anh và Lika tính nết có gì giống nhau đâu! Lika là một cô bé xinh xắn, và chẳng nói giấu gì anh, tính tình nó khá thất thường, – hôm nay nó say mê điều này, mai lại thay đổi rồi – tất nhiên là nó không mơ ước được sống trong cái “biệt phòng dưới bóng cây vân sam” của ông Tônxtôi, – anh cứ để ý mà xem nó ăn mặc thế nào, mặc dù đây là chốn hẻo lánh. Tôi hoàn toàn không muốn nói rằng nó là đứa con gái hư hỏng, tôi chỉ nghĩ rằng nó hoàn toàn không xứng đôi với anh đâu...

Nàng đứng dưới chân cầu thang chờ tôi, nàng đón nhìn tôi bằng cặp mắt dò hỏi, sẵn sàng đón nhận niềm giận dữ. Tôi hấp tấp truyền đạt lời nói cuối cùng của bác sĩ. Nàng cúi đầu xuống.

– Đúng thế đấy, chẳng đời nào em đi ngược lại ý muốn của ba em đâu, – nàng nói.

V

Sống ở nhà trọ của bà Nhiculina, thỉnh thoảng tôi ra khỏi đây lang thang dạo chơi trên quảng trường Sepnaia, rồi tới cánh đồng trống trải phía sau tu viện, nơi có một nghĩa trang lớn bao bọc bởi bức tường cũ kỹ. Ở đây chỉ có gió thổi – buồn bã và hoang vắng, những cây thánh giá, tấm bia vĩnh viễn đứng yên bị mọi người bỏ rơi, quên lãng, có cái gì trống rỗng tựa như một ý nghĩ mơ hồ, đơn độc về một điều gì đó. Trên cổng nghĩa trang có vẽ một bãi đất bằng menh mông màu xám lố nhố những ngôi mộ bị đào xới, các tấm bia đổ nghiêng, phía dưới đó lộ ra những bộ xương răng nhe ra và hình những ông bà già chẳng còn biết tự thừa nào nằm trong vải niệm nhờ nhờ xanh lục. Một nữ thần cầm ống tiêu đang bay và thổi tiêu trên bãi đất bằng ấy, những dải áo màu xanh nhạt bay phấp phới, đôi chân trần thiếu nữ co lại để lộ phía sau bàn chân dài trắng trắng...

Ở nhà trọ vẫn là một cảnh mùa thu ở một huyện lẻ, chung quanh cũng vắng vẻ – người từ làng quê lên hầu như không có. Tôi trở về bước vào trong sân – đi ngược lại phía tôi từ dưới mái che ngoài sân là bà đầu bếp chân đi ủng đàn ông, tay cầm con gà trống “tôi mang vào nhà đây, – bà ta nói rồi cười không biết vì điều gì, – con gà này già quá hóa ngớ ngẩn rồi, thôi cho nó ở ghé với tôi trong phòng vậy...”. Tôi bước lên bậc thềm rộng bằng đá, đi qua phòng ngoài, rồi vào gian bếp ấm áp với tấm gỗ kê trên sàn nhà, rồi vào phần nhà dành để ở, – một phòng là nơi ngủ của bà chủ, một phòng để hai chiếc divăng lớn dùng làm chỗ cho các khách trọ ít ỏi là thường dân và chức sắc nhà thờ, thường thì chỉ có mình tôi. Chung quanh vắng lặng, trong thanh vắng nghe rõ tiếng đều đều tích tắc của chiếc đồng hồ báo thức từ trong buồng ngủ của bà chủ... “Anh đi chơi về đây à?” – bà chủ bước ra khỏi buồng cất tiếng hỏi dịu dàng. Nhoẻn miệng cười độ lượng. Thật là một giọng nói hài hoà, tuyệt diệu. Bà ta người đầy đà, khuôn mặt tròn tròn. Có lúc tôi không thể bình thản nhìn bà ta – nhất là vào những buổi tối, khi bà ta từ nhà tắm nước nóng trở về, da dẻ hồng hào ửng đỏ, bà ngồi

uống trà rất lâu, mái tóc đen còn chưa khô, đôi mắt nhìn mệt mỏi, lặng lẽ mặc chiếc áo ngủ màu trắng, thân hình thoải mái ngả trong chiếc ghế bành; con mèo trắng với những khoang vàng tơ được chủ yêu nằm gọn trên đầu gối đầy đà mà kêu gừ gừ. Từ phía ngoài vọng vào tiếng lạch xạch: đó là bà đầu bếp đang cài then ngoài cổng, rồi lại vào trong phòng đóng chặt lại các cửa sổ – điều này có gì gợi nhớ tới thời xưa nguy hiểm. Bà Nhiculina đứng dậy cài thêm chốt sắt vào cánh cửa rồi lại ngồi uống trà tiếp; không khí trong phòng càng trở nên ấm cúng hơn...

Những ý nghĩ, những tình cảm rồ dại chợt hiện ra trong đầu tôi lúc ấy: thôi thì vứt bỏ hết và mãi mãi ở lại nơi đây, trong căn nhà trọ này trong tiếng đều đều tích tắc của chiếc đồng hồ báo thức! Phía trên một chiếc đi văng có treo bức tranh: một cánh rừng xanh rì rậm rạp, phía dưới là **túc nhà** làm bằng các súc gỗ tròn, bên cạnh nhà là một ông già hiền lành đang cúi lom khom, tay đặt lên đầu một chú gấu màu nâu xám trông cũng hiền lành, ngoan ngoãn như thế; phía trên chiếc đi văng còn treo một thứ hoàn toàn quái gở đối với ai phải ngồi hay nằm ở đây: đó là tấm ảnh chụp thi hài một ông già nằm trong quan tài, mặt trắng nhợt, oai vệ, áo màu đen, – ông già là người chồng quá cố của bà Nhiculina. Từ phía bếp hoà trong buổi tối mùa thu dài dặc, vọng lại tiếng dao thớt và giọng hát ê a: “Xe ngựa đỗ trước nhà thờ, đám cưới ồn ào vừa cử hành trong ấy...” – Đó là mấy cô gái làm công vừa thái bắp cải để dành mùa đông vừa hát. Và trong tất cả những điều ấy, – trong bài hát dân gian này, trong tiếng dao thớt đều đều, trong bức tranh lòe loẹt, thậm chí cả trong tấm hình người quá cố mà cuộc đời dường như vẫn còn đang tiếp diễn trong quang cảnh bình yên vô nghĩa của nhà trọ, toát ra một nỗi buồn ngọt ngào, cay đắng...

&nb

VI

Đến tháng mười một, tôi trở về nhà. Khi chia tay, chúng tôi thỏa thuận sẽ gặp lại nhau ở Ôrion; nàng đi lên đó ngày 1 tháng 12, còn tôi thì giữ ý chừng một tuần sau mới lên. Thế rồi đúng ngày mùng 1, vào một đêm trăng sáng, tôi vội lên xe ngựa tới ga Pixarevo để kịp lên đúng chuyến tàu đêm mà nàng phải đi. Tôi như còn được nhìn, còn cảm thấy rõ mồn một cái đêm tuyết vời huyền diệu ấy. Tôi thấy mình đi trên con đường đi từ Baturino đến Vaxilepxcoie, giữa cánh đồng tuyết bằng phẳng. Sương mù bay bay, con ngựa đi nước đại mà cứ như chạy tại chỗ, những mảnh tuyết bị hất lên từ móng sắt bóng loáng... Có lúc ngựa đi chệch khỏi đường, sa vào chỗ tuyết dày, nó lúng túng chồm lên, dây choàng ách trùng xuống, nhưng rồi nó rướn mạnh lên, vượt qua chỗ tuyết lún... Tất cả như đang bay đi, lao tới – nhưng đồng thời lại cứ như đứng nguyên tại chỗ mà chờ đợi; lớp tuyết trắng bất động lấp loáng dưới ánh trăng bàng bạc, trắng nhợt nhạt lấp loáng dưới ánh trăng bàng bạc, trắng nhợt nhạt mờ ảo sau màn sương giá lạnh thâm thấp bất động phía chân trời, một quầng mây ngũ sắc bí ẩn buồn bã bao quanh trăng, còn tôi thì như lặng đi trong chiếc xe đang lao trên đường, trong cái cảnh bất động xung quanh, như hóa đá trong tâm trạng nôn nóng chờ đợi. Tôi chìm đắm trong một hồi xa xưa: cũng vào một đêm thế này trên con đường dẫn tới Vaxilepxcoie, nhưng dạo đó là mùa đông đầu tiên của tôi ở Baturino, tôi còn trong trắng, thơ ngây, vui niềm vui của những ngày trẻ trung đầu tiên, vui niềm say mê thi ca trong thế giới của những tập sách cổ kính chuyển đến từ Vaxilepxcoie, với những bài thơ tứ tuyệt, những bản bi ca và ba-lát:

“Ngựa đang phi, bốn bề trống trải.

Thảo nguyên in trong mắt Xvetlana...” “Bây giờ những thứ đó còn đâu!” – tôi thầm nghĩ như thế, tuy vậy vẫn không phút nào rời tâm trạng bao trùm là đợi chờ, tê tái. “*Ngựa đang phi, bốn bề trống trải*” – tôi thầm nhắc lại câu thơ theo nhịp ngựa phi (theo cái nhịp điệu bao giờ cũng có sức cuốn

hút tôi lạ lùng) và tự cảm thấy mình giống như một hiệp sĩ cổ xưa nào đang lao đi, đầu đội mũ chỏm cao, mình khoác chiếc áo lông gấu. Chỉ có người xà ích ngồi phía trước mặc chiếc áo dài bằng vải thô đầy tuyết bám là bắt tôi nhớ rằng tôi đang ở giữa cuộc đời thực, bên cạnh đồng rơm kiều mạch mùi ngai ngái lấm tấm bụi tuyết chất đầy dưới chân tôi tê tái.

Đến quá Vaxilepxcoie, hụt xuống một cái hố trên đường dốc, ngựa bị ngã là gãy càng xe, – lúc ấy, khi người xà ích buộc lại càng, tôi bàng hoàng, hoảng sợ bị lỡ tàu. Vừa đến ga, tôi liền rút hết số tiền còn lại để mua vé hạng nhất, – nàng thường đi trong toa hạng nhất, – rồi chạy vào sân ga. Tôi còn nhớ ánh trăng mờ mờ hoà trong màn sương phủ quanh những ngọn đèn vàng vàng và ô cửa sổ của phòng điện báo. Tàu đã sắp vào ga, tôi nhìn quanh: trải dài tận chân trời là một màu tuyết trắng huyền ảo, trong lòng cảm thấy lạnh băng mà run rẩy, bồi hồi, tiếng các cửa đóng đập lại âm ầm, tiếng chân của những người ra khỏi ga bước thành thịch, thế rồi đã thấy đầu tàu đen đen hiện ra từ xa qua màn khói, ánh lửa đỏ lừ ghê sợ đang tiến lại trong tiếng thở phì phò nặng nề của đầu máy... Đoàn tàu khó nhọc vào ga, mình bám đầy tuyết, bánh xe nghiêng ken két lên đường ray... Tôi nhảy vội vào đầu toa, mở toang cửa vào trong toa – nàng ngồi trong bóng tối mờ mờ, dưới chiếc đèn chao bị tấm rèm che phủ, cả toa tàu chỉ có một mình nàng, mắt chăm chăm nhìn tôi...

Toa tàu cũ kỹ, nóc cao, chạy trên ba đôi bánh xe, cửa toa và thành tàu rung lên lọc xọc, băng bám thành vân hoa trên kính cửa... Chúng tôi như ở một nơi nào rất xa, đêm đã về khuya lắm... Chuyện đã xảy ra như tự nó đến, ngoài ý muốn, ngoài lý trí của chúng tôi... Nàng đứng dậy với gương mặt đỏ bừng, ngơ ngác; nàng sửa lại mái tóc, nhắm mắt lại rồi thu mình vào góc toa, không thể nào với tới...

VII

Suốt mùa đông chúng tôi sống ở Ôrion.

Làm sao có thể diễn tả được cảm xúc của chúng tôi, khi sáng sớm bước ra khỏi tàu, về toà soạn, khi giữa hai chúng tôi đã có sự gần gũi gắn bó thâm kín.

Tôi đến ở một khách sạn nhỏ, còn nàng thì vẫn ở nhà Avilôva. Gần như suốt ngày chúng tôi ở đấy, còn vào những giờ chúng tôi hằng mong đợi thì ở bên nhau trong khách sạn.

Đấy là một niềm hạnh phúc không dễ dàng, đầy nhọc nhằn cả về tinh thần và thể xác.

Tôi còn nhớ: có lần vào buổi tối nàng ở ngoài sân băng, còn tôi thì ngồi làm việc ở toà soạn, – ở đấy người ta đã bắt đầu giao việc cho tôi, tôi đã nhận được một khoản tiền thù lao, – cả ngôi nhà trống không vắng lặng. Avilova đi dự một hội nghị ở đâu đó, buổi tối kéo dài gần như vô tận. Ngoài cửa sổ, trên con phố vắng, có ngọn đèn nào hiu hắt sáng, chẳng biết cần cho ai. Tiếng bước chân người qua đường, khi gần lại, khi xa dần, tiếng băng vỡ lạo xạo dưới giày của họ hết như đã đem đi, lấy mất đi cái gì đó của tôi; lòng tôi se lại vì buồn bã, vì giận hờn, vì ghen tỵ, – đấy tôi phải ngồi một mình thế này, tự hạ mình làm cái việc vô nghĩa, ngô nghê, cốt chỉ vì nàng, còn nàng thì đang ở đâu đó ngoài hồ đóng băng, chung quanh là những đồng tuyết trắng và hàng thông sẫm tối, vang tiếng nhạc của kèn hơi, chan hoà ánh sáng màu tím ngắt và nhốn nháo những bóng người lướt qua, lướt lại, – ở đấy chắc nàng thật vui...

Bỗng có tiếng chuông rung, rồi nàng bước vào rất nhanh. Nàng mặc bộ váy áo màu xám, đội chiếc mũ bằng lông sóc màu xám, tay cầm đôi giày trắng bóng loáng: cả căn phòng như bỗng sáng lên bởi sự trẻ trung tươi mát, bởi vẻ đẹp của gương mặt nàng ửng hồng lên vì lạnh. “Ôi, – nàng thốt lên, – em mệt quá!” rồi đi sang phòng của mình. Tôi bước theo nàng, nàng gieo mình ngồi xuống đi vắng, với nụ cười mỗi mệt ngả đầu ra đằng sau, tay

vẫn cầm đôi giày trượt. Với cảm giác khắc khoải quen thuộc tôi nhìn lên mu bàn chân cao cao. Nhìn đôi chân nàng đi tất xám lộ ra dưới chiếc váy ngắn màu xám, – chỉ một làn vải dạ dày dày đó thôi đã khiến tôi khổ sở, nôn nao cả người. Tôi bắt đầu trách móc nàng, – suốt một ngày rồi tôi có được gặp nàng đâu! –Sau đó, bất ngờ tôi lạng người đi trong cảm giác dịu dàng, thương mến khi chợt thấy nàng đã thiếp ngủ... Choàng tỉnh dậy nàng trả lời với giọng hiền hoà, buồn buồn: “Em hầu như nghe thấy hết đấy. Anh đừng giận, em rất mệt anh ạ. Năm vừa rồi em đã gặp bao nhiêu là rắc rối”

VIII

Để kiếm cơ sống ở Orion, nàng bắt đầu học nhạc. Tôi cũng đã tìm được lý do làm việc ở toà báo “tiếng nói”. Dạo đầu điều này thậm chí làm tôi cảm thấy vui thú, tôi mừng vì cuộc sống của tôi đã đi vào nề nếp, tôi mừng vì đời tôi trước đây vốn vô nghĩa, thì nay đã phần nào có nghĩa vụ rõ ràng. Nhưng rồi dần dần một ý nghĩ thường hay thoáng qua đầu tôi hơn: có đúng là mình mơ ước một cuộc đời như vậy không? Đấy, như tôi đây có thể là đang ở thời kỳ đẹp đẽ nhất của đời mình, khi mà cả thế giới chung quanh như phải thuộc về tôi, thì tôi lại thậm chí không có được một đôi giày cao su! Tình trạng này chỉ là tạm thời bây giờ thôi ư? Vậy thì cái gì sẽ đến sắp tới?

Tôi bắt đầu cảm thấy rằng không phải tất cả đều xuôi xẻ, êm thấm trong sự gần gũi của chúng tôi, trong sự hoà hợp những cảm xúc suy nghĩ, ý thích của chúng tôi, trong tình yêu của nàng đối với tôi. “Sự xung khắc cố hữu giữa ước mơ và hiện thực, cái cảm giác thường trực không thỏa mãn về sự hoàn thiện, đẩy dạn của tình yêu đã giày vò tôi suốt mùa đông với sức mạnh mới mẻ, với tình trạng bất hợp pháp của tôi trước mặt mọi người.

Tôi thường bị dẫn vật hơn cả những khi cùng nàng dự các buổi vũ hội, hay làm khách ở nhà ai đó. Khi nàng nhảy với người nào trông điển trai, uyển chuyển, vẻ mặt nàng đầy linh hoạt, hưng phấn, tà váy áo nàng loáng thoáng đung đưa theo nhịp bước chân; tiếng nhạc vang say sưa như châm buốt vào tim tôi, điệu van êm đềm khiến lòng tôi rưng rưng. Mọi người đều nhìn ngắm nàng nhảy với Turotrannghinop, – chính cái chàng sĩ quan cao quá khổ, để râu quai nón, mặt dài ngăm ngăm đen, đôi mắt đen bất động. Nàng cũng khá cao mà chưa đứng đến vai y; y ôm mình nàng sát lại, nhịp nhàng mềm mại quay nàng theo tiếng nhạc; cặp mắt chăm chăm nhìn từ trên xuống, gương mặt nàng ngược lên; trông vẻ mặt nàng vừa sung sướng vừa bất hạnh, vừa xinh đẹp lại vừa đáng ghét với tôi. Lần đó tôi đã thầm khẩn ông trời sao cho một chuyện dị thường xảy ra, – sao cho anh chàng sĩ

quan bất chợt cúi xuống và hôn nàng, chỉ điều đó mới giải thoát, chấm dứt mọi lo âu phấp phỏng của trái tim tôi!

– Anh chỉ nghĩ đến mình thôi. Anh chỉ muốn mọi việc diễn ra theo ý anh, – có lần nàng nói với tôi. – Chắc là anh sẵn sàng thích thú tước bỏ của em quyền có cuộc sống riêng, quyền được giao thiệp với mọi người, ngăn cách với tất cả như tự ngăn cách mình...

Và đúng thế, như tuân theo một thứ luật lệ bí ẩn đòi hỏi phải có tình thương, tình đồng cảm dịu dàng trong mọi tình yêu, nhất là trong tình yêu với phụ nữ, tôi rất không ưa – đặc biệt là ở chỗ đông người – những phút nàng vui vẻ, hoạt bát, nàng tỏ ra muốn nổi bật lên, muốn mọi người phải thích mình. Ngược lại tôi rất yêu những lúc nàng sống giản dị, lặng lẽ, khiêm nhường, yếu đuối, trong những lúc nàng thút thít khóc, môi nàng mọng lên như con trẻ. Ở chỗ đông người quả tình tôi thường tách biệt, thu mình lại, đóng vai người quan sát đầy khắt khe, lại còn thầm thích thú với vẻ xa lánh nghiêm nghị của mình, nhờ đó mà tôi như nhạy cảm hơn, tinh tường hơn, thấu suốt hơn với những khuyết điểm của người đời. Tuy nhiên tôi luôn luôn khao khát được gần gũi nàng và chịu bao đau khổ, dẫn vật vì không đạt được điều ấy!

Tôi hay đọc thơ cho nàng nghe.

– Em nghe nhé. Thật là đáng kinh ngạc em ạ! – Tôi thốt lên. – *“Hãy đưa hồn anh về chốn xa xăm. Nơi nỗi buồn như trăng treo rừng vắng”*

Nhưng nàng chẳng thấy kinh ngạc chút nào.

– Câu thơ hay thật đấy anh ạ., – nàng nói, ngả người thỏ má trên đivăng, nàng lặng lẽ nhìn nghiêng, vẻ lãnh đạm. – Nhưng sao lại *“như trăng treo rừng vắng”*? Đây là giọng của Phết phải không? Nói chung ông ấy mô tả thiên nhiên quá nhiều.

Tôi đai lại: mô tả là thế nào! – Tôi cố chứng minh cho nàng thấy rằng chẳng bao giờ có một thiên nhiên nào tách biệt khỏi con người, rằng mỗi chuyển động li ti nhất của làn không khí xung quanh cũng chính là chuyển động của cuộc đời chúng ta. Nàng cười:

– Anh yêu ơi, chỉ có lũ nhện mới sống như thế!

Tôi đọc mấy câu thơ:

*Buồn làm sao! con đường xanh bóng lá.
Từ tình mơ lại biến mất trong sương
Và rãn bạc lại trườn qua gò tuyết...*

Nàng hỏi lại:

– Con rãn nào v

Tôi phải giải thích cho nàng rằng đó là lời ví von với bão tuyết, tới những làn gió thổi tuyết chạy đi.

Tôi xúc động đọc:

*Đêm giá lạnh, sương mù bao phủ
Trên túp lều phiêu bạt của tôi
Sau cánh rừng, sao núi, qua mây
Thấp thoáng hiện ánh trăng mờ run rẩy.*

– Anh yêu quý ời, – nàng nói, – cảnh này em có thấy bao giờ đâu!

Tôi đọc tiếp, trong lòng thầm trách móc:

*Tia nắng mặt trời xuyên qua mây nóng bỏng.
Bên ghế, em ngồi vạch hình trên cát trắng...*

Nàng tán thưởng lắng nghe, nhưng chắc chỉ vì tưởng tượng ra mình đang ngồi trong vườn lấy đầu ô nhọn vẽ hình trên cát.

– Mấy câu này quả là dễ thương lắm anh ạ, – nàng nói. – Nhưng thôi, thơ thế là đủ rồi, anh lại gần đây với em... Anh lúc nào cũng không vừa ý về em!

Nhiều lần tôi kể lại cho nàng nghe về thời thơ ấu của mình, về tuổi thiếu niên, về vẻ đẹp đầy thi vị nơi trang ấp của tôi, về bố, mẹ và em gái tôi. Nàng nghe với vẻ dừng dừng đến ghê sợ. Tôi mong mỗi đón nhận từ nàng nổi buồn thương cùng sự đồng cảm, khi kể cho nàng nghe về cảnh nghèo túng có lúc đã đến với cuộc sống gia đình tôi, – chẳng hạn có lần chúng tôi phải tháo dỡ hết các khung ảnh thánh cổ kính của mình và mang lên thành phố cầm tại tiệm của bà Mêsêrinova, một bà già độc thân với khuôn mặt phương đông đáng sợ, mũi khoằm, có ria mép, lòng trắng mắt lồi ra, mặc đồ lụa, quàng khăn voan, mấy ngón tay đeo nhẫn; ngôi nhà rộng của bà ta để ngổn ngang các thứ đồ cổ bảo tàng, suốt ngày trong nhà đều có tiếng vệt

kêu khàn khàn man dại. Thay vì nổi buồn thương và sự đồng cảm, tôi được nghe nàng đáp lại bằng sự lơ đãng:

– Ờ, ờ, kinh thật đấy.

Tôi càng sống lâu hơn ở thành phố, càng cảm thấy mình lạc lõng cô đơn hơn ở đây. Thậm chí đến cả Avilôva không hiểu sao cũng trở nên khô khan giễu cợt đối với tôi. Cuộc sống thành phố của tôi càng trở nên u ám, buồn tẻ bao nhiêu thì tôi lại càng khao khát được một mình bên cạnh nàng nhiều hơn để đọc sách, để kể chuyện, bày tỏ cho nàng nghe mọi cảm nghĩ của mình. Căn phòng của tôi ở khách sạn hẹp vanh vách, thiếu ánh sáng, tôi tự thấy thương hại mình ghê gớm khi nhìn lên chiếc va li nhỏ bé và mấy cuốn sách mỏng là cả gia tài của tôi; tôi buồn cho những đêm dài đơn độc trong căn buồng nghèo nàn, lạnh lẽo; không phải là tôi đã ngủ qua đêm mà đúng hơn là khắc khoải chịu đựng cảnh đêm thâu dài dặc ấy, chấp chờn qua cơn mơ mà chờ đợi ban mai, chờ đợi tiếng chuông đầu tiên từ tháp chuông gần đây tán ra, ngân nga giữa sáng mùa đông băng giá. Căn buồng nàng cũng chật hẹp, ở tận cuối hành lang gần cầu thang đi lên căn gác nhỏ, tuy vậy cửa sổ trong phòng hướng ra phía vườn, căn phòng tĩnh mịch, ấm áp, đồ đạc gọn gàng ngăn nắp, chiều chiều lò sưởi trong phòng nàng được nhóm lên, còn nàng thì có thể nằm hết sức thoải mái trên đi văng, thân hình co lại. Tôi nói với nàng:

Nửa đêm bão tuyết gào

Giữa rừng sâu thanh vắng

Anh cùng em bên nhau

Lửa bập bùng lóe sáng...

Nhưng tất cả những cảnh bão tuyết, rừng đêm, ánh lửa và niềm vui ấm áp hoang sơ đầy thi vị đối với nàng đều xa lạ.

Một thời gian dài tôi cứ tưởng rằng chỉ cần nói với nàng: “Em có biết những con đường mùa thu in dấu chân ngựa lấp lánh hiện lên dưới ánh chiều vàng rực rỡ?” là đã có thể gợi được niềm say mê cho nàng. Tôi kể cho nàng nghe chuyện có lần vào cuối mùa thu tôi đã cùng anh Ghêorghì đi mua gỗ bạch dương: trần nhà bếp của gia đình tôi bỗng sọt xuống, suýt giết

chết ông già ngày xưa đã từng nấu ăn cho nhà tôi, ông già chuyên nằm ngủ trong lò xây trong nhà bếp. Thế là chúng tôi phải vào rừng mua bạch dương làm cột đỡ. Dạo ấy trời mưa liên miên, ngày này qua ngày khác (những hạt mưa li ti rơi nhanh dưới ánh mặt trời), chúng tôi ngồi trên xe ngựa đi nước kiệu cùng mấy người dân quê, mới đầu thì thì theo con đường lớn, sau đó qua một cánh rừng nằm bên bãi cỏ còn xanh màu nhưng sũng ngập nước mưa lấp loáng ánh mặt trời trông đẹp như tranh, đầy vẻ khoáng đãng và lạng lẽ. Tôi kể lại rằng tôi đã thương xót thật lòng cái cây bạch dương cành lá sum suê ấy, khi mấy người dân quê chậm chạp, ngật ngưỡng đi vòng quanh gốc ngắm nhìn, rồi nhổ toẹt một cái vào lòng bàn tay chai sần của mình, cầm lấy búa rìu và nhíp nhàng đâm vào gốc cây loang lỗ trắng đen...”. Em không thể hình dung được lúc ấy rừng cây ẩm ướt đáng sợ thế nào, tất cả lấp loáng trong nắng!” tôi thốt lên như vậy rồi thú nhận rằng tôi ấp ủ ý định viết một truyện ngắn về chuyện đó. Nàng nhún vai:

– Anh yêu ơi, chuyện đó thì có gì đáng viết đâu! Sao lại cứ đi tả thiên nhiên mãi thế!

Một trong những nỗi đam mê bí ẩn và đầy khắc khoải của tôi là âm nhạc. Khi nàng chơi một bản đàn nào tuyệt diệu, tôi yêu nàng xiết bao! Lòng tôi như lặng đi ngây ngất trong tình thương đầy dịu dàng ngưỡng mộ đối với nàng! Tôi ao ước được sống thật lâu, thật lâu! Nghe nàng chơi đàn, tôi thường nghĩ: “Nếu một lúc nào đó chúng mình phải sống xa nhau, anh làm sao có thể nghe được bản nhạc này mà thiếu vắng em! Làm sao anh có thể yêu được một cái gì đó, vui mừng về một điều gì đó mà không chia sẻ được với tình yêu này, nỗi vui này!”. Nhưng nếu gặp bản đàn nào tôi không thích thì tôi chê bai rất gay gắt khiến nàng nổi nóng:

– Chị Nadia! – Nàng gọi tên Avilova, rời tay khỏi phím đàn và quay ngất về phía buồng bên cạnh. – Nadia, chị sang mà xem anh ấy nói bừa!

– Và sẽ còn nói bừa nữa đấy! – tôi thốt lên. – Ba phần tư mỗi bản xônát này là tầm thường, lộn xộn, nhảm nhí! Chỗ này thì nghe có tiếng xéng đào mồi. – Chỗ kia thì các tiên nữ đang nhảy múa trên đồng cỏ, chỗ nọ thì thác nước réo ào ào! Cái gọi là “tiên nữ” là một trong những từ anh khó chịu nhất! Tồi tệ hơn nữa là các từ khuôn sáo của báo chí!

Nàng tự cho mình là phải có tình yêu say mê đối với sân khấu, còn tôi thì căm ghét cái sân khấu đó: càng ngày tôi càng tin rằng tài năng hơn người của phần lớn các nam nữ diễn viên là giỏi biến thành tầm thường, giỏi bắt chước theo những mẫu người tồi tàn nhất là các nhà sáng tác, các nghệ sĩ đã dựng nên. Đó là các cụ mỗi vấn khăn màu xanh dưới lần khăn san Thổ Nhĩ Kỳ, với vẻ mặt đáng điệu xun xoe, giọng nói ngọt ngào nịnh bợ trước bọn người đại loại như Tít Titút, bọn này thế nào cũng kiêu hãnh thái quá vênh mặt lên, bàn tay trái xòe ra áp vào tim cạnh chiếc túi bên của cái áo vạt dài. Đó là đám cảnh sát ngu si đần độn, bọn hoạt khẩu như kiểu Kholetxtacop, bọn này mặt ủ ê, giọng khàn khàn như Ôxip, kẻ thì dê mặt như Rêpêchilốp, hăng hái băng nhăng như Tratzki; hay bọn Phamuxop tay đeo dây nhẫn, môi dày mọng như quả mận chín tề ra. Rồi đủ thứ Ham lét khoác áo bọn rước đuốc trong lễ đám ma, đầu đội mũ cài lông chim, đôi mắt tô đen đầy vẻ mệt mỏi, trác táng, quần nhung đen bó sát đùi, bàn chân bèn bẹt như vẫn thấy ở đám bần dân. Tất cả những thứ đó khiến tôi rùng mình ghê tởm. Lại còn ca kịch nữa chứ! Nào là anh chàng Rigôlétô lưng lom khom, chân gioăng ra một cách quái dị, hai đầu gối chập vào nhau! Còn Xuxanhin thì râu rĩ và sùng kính ngược mắt lên bầu trời cất giọng hát ngân nga: “Ôi bình minh, người sẽ đến!”. Anh xay bột trong vở “Nàng tiên cá” thì tay dài khăng khiu như que củi, run rẩy giơ ra (trên ngón còn quên chưa tháo nhẫn cưới), quần thì rách như xơ mướp tựa hồ như bị một đàn chó điên cắn xé!

Trong những cuộc tranh luận về sân khấu chúng tôi không bào giờ đạt được sự thỏa thuận nào: chẳng ai chịu nhượng bộ ai, chẳng thế nào hiểu được nhau nữa. Có lần một diễn viên tình lẻ nổi tiếng đến biểu diễn ở Ôrion, sắm vai trong vở “Nhật kí người điên”. Tất cả khán giả đều chăm chăm thán phục dõi theo anh ta ngồi trên một chiếc giường bệnh viện, khoác áo dài, khuôn mặt đàn bà, đôi mắt nhìn chăm chăm đầy đau khổ, mỗi lúc một lộ thêm vẻ ngạc nhiên đần độn đầy vui thú, sau đó anh ta từ từ giơ ngón tay lên, rồi với cử chỉ chậm rề rề, điệu bộ diễn cảm lồ bịch, cằm dưới dề ra như một con thú và cất tiếng nói một cách rành rọt từng âm một: “kê – từ – ngày – hôm – nay...” Thế rồi, sang ngày hôm sau, anh ta lại giỏi

giang hơn trong việc đóng giả là Liubim Torxop; đến ngày thứ ba thì đóng vai Mácmêlát mặt mày nhẵn nhụa, mũi xám ngoét: “Thưa ngài, xin ngài cho phép tôi được thưa chuyện đúng đắn với ngài”. Một nữ diễn viên nổi tiếng đóng cảnh viết thư trên sân khấu – bất thành linh bà ta quyết định viết một lá thư đầy bất hạnh. Bà ta ngồi thoắt xuống bên bàn, chấm bút khô vào lọ mực khô, rồi trong nháy mắt gạch ba dòng thẳng trên giấy, gấp lại cho vào phong bì, giật chuông gọi cô hầu gái xinh đẹp khoác chiếc tạp dề trắng rồi với giọng khô khốc vắn tắt ra lệnh cho cô hầu: “Cho người mang bức thư này đi ngay!”. Mỗi tối đi xem kịch về như thế là chúng tôi lại to tiếng tranh luận đến ba giờ đêm làm Avilova mất cả ngủ. Lúc ấy tôi không chỉ nguyên rủa nhân vật điên của Gôgon, dè bieu Torxop và Macmêlát mà còn chê bai cả Gôgon, Oxtoropxki, Đoxtopepzki nữa...

– Ừ thì cứ cho là anh đúng đi, – nàng gào lên, mặt tái nhợt, đôi mắt tối sầm và vì thế trông càng hấp dẫn, – vậy thì vì lẽ gì mà anh lại nổi sung lên thế? Chị Nadia, chị hỏi anh ấy đi!

– Vì rằng, – tôi hét lên đáp lại, – chỉ cần diễn viên phát âm từ “arômát” lại ê a kéo dài thành “a-rô-mát” là tôi sNn sàng vặ cổ anh ta!

Cũng những lời la hét na ná như vậy nhiều lần nổ ra giữa chúng tôi sau mỗi lần tiếp xúc với đủ loại người ở Ôriôn. Tôi rất muốn chia sẻ với nàng cảm giác thích thú với những quan sát của mình, với những nhận xét ngày càng tỷ mỉ của tôi, tôi muốn truyền sang cho nàng thái độ khắt khe với thế giới xung quanh nhưng lại thất vọng thấy rằng mọi chuyện diễn ra hoàn toàn ngược lại với ý tôi muốn nàng trở thành người cùng chung cảm xúc và suy nghĩ với nàng. Có lần tôi nói:

– Giá như em biết rằng anh có nhiều kẻ thù đến thế nào!

– Kẻ thù nào, ở đâu? – Nàng hỏi.

– Đủ loại kẻ thù, khắp nơi: ở khách sạn, ở cửa hàng, ngoài phố, sân ga...

– Ai là những kẻ thù đó?

– Tất cả mà, tất cả! Vô số những bộ mặt và thân hình ghê tởm! Chính sứ đồ Paven đã nói: “Không phải xương thịt nào cũng như nhau, ở người là một kiểu, ở súc vật lại là kiểu khác...”. Một số trông thật phát khiếp! Có những người đặt bàn chân một cách quái dị, thân mình đổ về phía trước, hết

như hôm qua mới từ bỏ thời kỳ đi bằng bốn chân. Đấy, như hôm qua, trên phố Bônkhôpxcaia, anh vừa đi theo sau rất lâu một viên cảnh sát trường vai ngang bè bè, thân hình vạm vỡ; anh không thể rời mắt khỏi tấm lưng béo ú ních trong tấm áo dạ dài, chân đi ủng căng tròn bóng loáng; chà, anh cứ phải ngấm mãi cặp giò đó. Mùi giày da, tấm dạ xám làm áo, mấy cái cúc trên dây đai đặng sau lưng, và cả con vật bốn mươi tuổi thu mình trong bộ quân phục ấy!

– Anh không thấy lưng tâm cắn rút à! Nàng nói với vẻ ghê tởm. – Chẳng lẽ anh quả thật là một kẻ xấu xa độc ác vậy sao! Nói chung là em không thể nào hiểu anh được. Con người anh như được kết toàn bằng những gì kỳ quặc, trái ngược!

IX

Tuy vậy, mỗi buổi sáng đến toà soạn, càng ngày tôi càng sung sướng hơn, thân thiết hơn khi thấy trên mặc chiếc áo lông màu xám mà trong đó ẩn chứa con người nàng, – chiếc áo như đã thành cái phần mềm mại của nàng. Phía dưới mặc áo là đôi ủng xinh xinh màu xám mà chỉ thoáng nhìn thấy thôi lòng tôi đã nôn nao một niềm xúc động. Vì nôn nóng sớm được nhìn thấy nàng nên tôi đến sớm hơn tất cả, ngồi vào bàn làm việc của mình, – đọc và sửa những tin bài gửi từ các tỉnh về, đọc các báo thủ đô, dựa vào đó mà sáng tác các “tin điện của bốn báo”, hầu hết phải chép lại hoàn toàn một số truyện ngắn của các tác giả tỉnh lẻ. Vừa làm tôi vừa lắng tai nghe chờ đợi, – và thế rồi cuối cùng đã nghe thấy tiếng chân nàng rảo bước, tiếng váy áo sột soạt! Nàng chạy vào, toàn thân trông thật là mới mẻ, với đôi tay thơm thơm mát lạnh, với cặp mắt trẻ trung sáng long lanh, tươi tỉnh sau một giấc ngủ ngon lành. Nàng vội vã nhìn quanh rồi hôn tôi. Nhiều lần nàng cũng chạy đến như vậy với tôi ở khách sạn, cả người toát lên mùi lạnh giá của chiếc áo lông mặc giữa mùa đông. Tôi hôn lên khuôn mặt đang lạnh ngắt, ôm tấm thân nàng ấm áp, mềm mại sau chiếc áo bông. Nàng cười khanh khách, cố né người đi, – “bỏ em ra, em đến chỗ anh có việc cơ mà!” – nàng gọi người phục vụ tới bảo ông ta dọn dẹp căn phòng tôi ở rồi góp một tay vào dọn...

Có lần tôi tình cờ nghe được cuộc chuyện trò giữa nàng với Avilova, – một buổi tối hai người ngồi trong phòng ăn và cởi mở nói về tôi vì tưởng rằng tôi đang ở nhà in. Avilova nói:

– Nay Lika, cô em yêu quý, sắp tới mọi chuyện sẽ ra sao? Chắc em biết thái độ của chúng tôi với anh ta: anh ta tất nhiên là rất dễ mến, chị hiểu là em mê anh ta... Nhưng rồi sẽ ra thế nào chứ?

Tôi như rơi xuống một vực thẳm. Ra thế, tôi chỉ là người “rất dễ mến” thôi, không hơn, còn nàng thì chỉ “mê” chút đỉnh thế thôi!

Câu trả lời còn kinh khủng hơn:

– Nhưng em có thể làm gì được? Em chẳng thấy có lối thoát nào...

Nghe những lời đó tôi như phát điên, tôi đã định lao vào phòng ăn mà kêu lên rằng có lối thoát đấy – đó là sau 1 giờ nữa thì tôi sẽ biến mất khỏi Ôrion, – thì bỗng nghe thấy giọng nàng nói tiếp:

– Chị Nadia ạ, sao chị lại không thấy rằng quả tình là em yêu anh ấy ghê gớm lắm! Sau nữa, lẽ nào chị lại không biết rằng thực chất anh ấy ngàn lần tốt hơn cái vẻ bề ngoài mà ta tưởng...

Phải rồi, tôi đã có thể tỏ ra xấu hơn nhiều so với con người thực của mình. Tôi sống trong niềm lo âu, căng thẳng, thường xử sự gay gắt khinh khi với mọi người, dễ lâm vào tâm trạng buồn nản, tuyệt vọng; tuy nhiên tôi cũng dễ dàng thay đổi, giả dụ như nếu thấy rằng không có gì đe dọa quan hệ xuôn xẻ của tôi với nàng, không có ai định mon men chiếm đoạt nàng thì cái bản tính nhân hậu, giản dị, chân thành lại trở lại với tôi. Nếu tôi biết rằng một buổi tối dạ hội nào đó mà chúng tôi sửa soạn cùng dự sẽ không đem tới cho tôi điều gì bức bối, đau đớn, thì tôi sẽ chuẩn bị với đầy đủ sự hưng phấn; tôi tự hài lòng với chính mình, khi nhìn vào gương, tự ngắm nghía đôi mắt mình, nước da ngăm ngăm, chiếc áo sơ mi trắng toát! Các buổi vũ hội đã là niềm hạnh phúc thế nào với tôi, nếu ở đấy lòng ghen tuông của tôi không bị dẫn vật! Trước mỗi lần vũ hội tôi phải trải qua những phút kinh hoàng, tôi phải mặc chiếc áo đuôi tôm của người chồng quá cố của Avilova, tuy thực ra là chiếc áo này hoàn toàn mới, chưa lần nào được mặc, nhưng nó vẫn như châm buốt vào cơ thể tôi. Nhưng những phút ấy cũng bị quên nhanh – chỉ cần bước chân ra khỏi nhà, hít thở bầu không khí lạnh giá, nhìn lên bầu trời chi chít những vì sao, rồi vội vàng ngồi lên chiếc xe trượt...

Có trời mà biết được vì sao người ta lại đi trang hoàng cổng vào nơi vũ hội bằng mái hiên phủ những tấm vải sọc đỏ, vì sao trước cửa lai có mấy ông cảnh sát ra oai nạt nộ điều khiển các xe cộ đưa khách đến! Dù thế nào thì đây cũng là vũ hội với cổng vào lạ lùng, đèn chằng sáng choang soi rõ bãi tuyết trắng lóa trước cửa, với tiếng hô rành rọt của mấy vị cảnh sát có ria mép vênh lên, những đôi ủng bóng loáng giẫm lên tuyết, những đôi găng tay trắng toát để hờ bên mép túi. Hầu như gần hết số đàn ông đến dự

là mặc đồng phục, – hồi đó ở Nga còn rất nhiều loại đồng phục khác nhau, tất cả bọn họ đều lộ vẻ oai nghiêm, hãnh diện với những thứ chức tước trang phục của mình. Ngay từ dạo ấy tôi đã có nhận xét rằng những người thậm chí suốt đời chiếm giữ những vị trí và tước hiệu cao nhất cũng không thể quen với cái đó. Những kẻ mới đi xe đến đó bao giờ cũng như chọc tức tôi và ngay lập tức trở thành đối tượng của sự quan sát sắc sảo đầy khó chịu của tôi. Ngược lại, các khách phụ nữ thì hầu như là xinh đẹp, dễ thương. Họ yếu điệu cởi bỏ ngoài hành lang áo mũ của mình và chỉ lát sau đã có cái vẻ ngoài lộng lẫy của những người đáng được bước trên tấm thảm đỏ trải trên lối đi lên rộng rãi giữa đám khách sang trọng như đông thêm lên vì được soi mình trong những tấm gương lớn. Trước giờ vũ hội bắt đầu, căn phòng lộng lẫy rộng thênh thang còn trống rỗng, mát lạnh thanh khiết với những chùm đèn treo tỏa sáng lấp lánh, những khung cửa sổ lớn không che rèm, nền nhà phẳng lì bóng loáng, thoang thoảng mùi hương hoa, mùi phấn son. Người đến dự mỗi lúc một đông thêm, tất cả đều đang nôn nóng chờ đợi tiếng nhạc nổi lên rồi cặp trai gái đầu tiên bất ngờ xuất hiện giữa căn phòng tráng lệ đó, – thường là cặp khiêu vũ uyển chuyển nhất, tự tin nhất.

Tôi đến chỗ vũ hội bao giờ cũng sớm hơn tất cả. Khi tôi đến nơi rồi, mọi người còn lục tục đến. Dưới hành lang, người ta còn tới tập đưa áo lông, áo bành tô cho các nhân viên phục vụ cất. Tôi mặc chiếc áo mượn của người, đầu chải mượt, tôi cảm thấy mình gầy đi, thanh thoát hơn, đơn độc, xa lạ với mọi người. Tôi như một chàng trai trẻ nào đó kiêu hãnh một cách lạ thường, đóng một vai mờ nhạt trong toà báo, mới đầu tự cảm thấy tỉnh táo, rõ ràng khác nào một tấm gương lạnh giá. Sau đó người đến mỗi lúc một đông thêm, cười nói ồn ào, tiếng nhạc vang vang đều đều, mọi người đã chen chúc ngoài cửa, số phụ nữ trở nên đông thêm, không khí trở nên ấm áp hơn, bớt thoáng hơn, nhìn cánh đàn ông với vẻ kênh kiệu hơn, lách qua đám đông người một cách khéo léo hơn, nhờ chạm phải sống áo ai là lịch sự xin lỗi ngay.

Thế rồi tôi bỗng thấy họ, – họ đã đến, miệng hé nở nụ cười ngượng ngập, thận trọng đi giữa đám đông, – tìm tôi bỗng dưng dịu dàng se lại, một cảm giác thân thiết pha chút ngượng ngùng, lạ lẫm: đúng là họ mà không còn là họ nữa.

Đặc biệt là nàng, hoàn toàn không còn giống nàng nữa! Lần nào cũng vậy, tôi đều sững sốt bàng hoàng trước vẻ đẹp trẻ trung thanh khiết của nàng, nàng thắt đáy lưng ong, bộ váy áo vũ hội trinh trắng, cánh tay để trần từ găng đến vai lộ những vết tím rìm vì bị rét cồng, gương mặt ngượng ngùng e ấp... Chỉ có mái tóc chải cao lên như ở các phụ nữ quý phái, trông vừa hấp dẫn vừa như ẩn chứa ý muốn thoát khỏi tôi, sẵn sàng thay lòng đổi dạ với tôi để sống một cuộc sống tội lỗi thầm kín. Lát sau có một anh chàng nào đó chạy đến gần nàng, vội vã cúi mình chào theo dáng điệu thường thấy trong vũ hội; nàng đưa quạt cho Avilova, rồi giả như lơ đãng, yếu điệu đặt tay lên vai chàng kia, quay người nhẹ lướt đi mất hút vào đám đông đang quay cuồng nhảy múa trong tiếng nhạc ồn ào. Tôi nhìn theo nàng như vĩnh biệt, với cảm giác ớn lạnh thù hận.

Nàng Avilova nhỏ nhắn, linh hoạt, lúc nào trông cũng vui vẻ đĩnh đạc, cũng làm tôi ngạc nhiên trong buổi vũ hội bởi dáng vẻ trẻ trung, gương mặt rạng rỡ xinh xắn. Đến đêm vũ hội lần này tôi mới chợt hiểu rằng nàng mới hai mươi sáu tuổi, v lần đầu tiên không dám tin hẳn vào ý nghĩ của mình, tôi đã thầm đoán ra cái lý do mà nàng đã có thái độ khác lạ với tôi mùa đông năm ấy, – có thể rằng nàng đã yêu tôi và ghen tức với Lika.

X

Sau đó chúng tôi xa nhau rất lâu.

Mọi chuyện bắt đầu từ sự xuất hiện bất ngờ của vị bác sĩ.

Có lần trong một buổi sáng mùa đông lạnh giá đầy ánh mặt trời, tôi bước vào hành lang toà soạn; tôi bất chợt ngửi thấy mùi thuốc lá khét nặng rất quen thuộc, nghe thấy tiếng cười nói ồn ào từ phía phòng ăn. Tôi đứng lại, – cái gì thế này? Hóa ra đó chính là bác sĩ đã hút thuốc, nhả khói đầy nhà, đó chính là ông đang nói, – với vẻ hoạt bát linh hoạt của loại người, khi đã có tuổi rồi, tính tình vẫn chẳng hề thay đổi gì liên bao năm trời, tự vui thú thưởng thức trạng thái tinh thần khỏe mạnh, khoan khoái, hút thuốc liên miên và chuyện trò luôn miệng. Tôi sửng người lại, chuyển đi bất ngờ này có ý nghĩa gì vậy? Ông đặt yêu cầu gì với nàng? Tôi vào đây thế nào đây, xử sự thế nào đây? – Tuy nhiên, trong những phút đầu tiên cũng đã không có chuyện gì ghê gớm xảy ra. Tôi tự trấn tĩnh lại rất nhanh, bước vào và tỏ vẻ ngạc nhiên, vui mừng... Vốn tính đôn hậu, bác sĩ thậm chí còn hơi lúng túng nữa là đằng khác, ông cười cười như tỏ ra xin lỗi, rồi vội nói rằng ông lên đây “để nghỉ chùng một tuần thoát khỏi cuộc sống tỉnh lẻ”. Tôi nhận ngay ra lúc đó rằng nàng đang bị xúc động. Không hiểu vì sao Avilova cũng xúc động. Dù thế nào thì cũng có thể phỏng đoán rằng bác sĩ là nguyên nhân của mọi chuyện. Ông đã xuất hiện như một vị khách bất ngờ, như một người vừa ở huyện lên tỉnh và bởi vậy, sau một đêm ngồi trên tàu hỏa, đã hào hứng uống trà nóng trong phòng ăn của một người xa lạ. Tôi bắt đầu cảm thấy yên tâm. Nhưng liền ngay đó tôi bị một đòn bất ngờ: qua những lời trò chuyện của bác sĩ, tôi chợt hiểu ra rằng ông không đi một mình mà đi với Bôgômôlốp, một người trẻ tuổi, giàu có và thậm chí còn là một nhà sản xuất đồ da nổi tiếng ở thành phố này. Anh ta từ lâu đã để ý tới nàng. Sau đó tôi nghe thấy tiếng cười của bác sĩ:

– Anh ta nói là phải lòng con đến mất trí, Lika ạ. Anh ta đã tới đây với những dự định dứt khoát nhất! Cho nên bây giờ số phận của anh chàng bất

hạnh ấy là hoàn toàn tùy thuộc vào ý con: nếu con muốn thì con ban phát hạnh phúc cho anh ta, nếu không muốn thì sẽ làm đời anh ta tan nát...

Bôgômôlốp không phải chỉ giàu có, anh còn thông minh, tính tình linh hoạt dễ chịu, tốt nghiệp trường đại học tổng hợp, từng sống ở nước ngoài, biết hai ngoại ngữ. Thoạt mới nhìn, hình thù của anh ta có thể làm người ta phát khiếp: mái tóc hung hung đỏ, chải mượt rẽ ngôi giữa, mặt tròn vành vạnh, béo tròn trũng trục, – trông không hẳn đứa trẻ con được chăm sóc thái quá nên phát phì một cách tự nhiên, không hẳn như một con lợn Y-oóc-sai to tướng, nung núc những mỡ. Tuy nhiên cái thân hình phì nộn ấy lại toát ra một vẻ thanh sạch, khỏe mạnh, dễ chịu, khoan khoái: đôi mắt xanh biếc màu xanh da trời, nước da mịn màng trắng hồng như trẻ con, một cái gì đó ngượng ngập dễ thương lộ ra trong cách cư xử, trong tiếng cười, giọng nói, trong khước mắt đôi môi. Chân anh ta lại nhỏ bé xinh xắn, trang phục may bằng vải Anh; áo sơ mi, tất và cà vạt đều bằng lụa. Tôi thoáng nhìn sang nàng và nhìn thấy nụ cười thiếu tự nhiên của nàng... Bỗng nhiên mọi cái xung quanh tôi đều trở nên lạ lẫm, xa xôi, tôi tự thấy xấu hổ thấy mình trở nên thừa, không cần thiết với cả cái nhà này, một nỗi thù ghét nàng bỗng choáng lấy tâm trí tôi...

Sau buổi sáng đó, tôi không thể ngồi một mình cạnh nàng dù chỉ một giờ, bên nàng lúc nào cũng có bố hoặc anh chàng Bôgômôlốp. Còn Avilôva thì lúc nào cũng tùm tùm cười nụ, nàng đối xử với Bôgômôlốp vồn vã, hồ hởi đến nỗi ngày từ ngày đầu tiên anh ta đã trở thành người thân trong nhà, anh ta đến đó từ sáng sớm, ngồi lì ở đó cho tới tối rồi mới về khách sạn ngủ.

Thêm nữa dạo ấy bắt đầu những buổi tập của nhóm kịch nghiệp dư mà Lika là thành viên, – nhóm kịch chuẩn bị diễn một vở kịch vào dịp lễ tổng tiền mùa đông. Qua Lika người ta còn mời Bôgômôlốp và cả bác sĩ nữa tham gia đóng các vai phụ. Nàng nói nàng tiếp nhận sự tán tỉnh của Bôgômôlốp chỉ vì để vừa lòng bố, không muốn làm méch lòng Bôgômôlốp vì thái độ gay gắt với anh ta. Tôi luôn tỏ ra vui vẻ, làm như thể tin vào lời nàng, thậm chí còn tự buộc mình phải dự những buổi tập kịch, bằng cách đó cố giấu đi nỗi ghen tuông ghê gớm và cả những nỗi khổ sở mà tôi phải

chịu đựng những lúc ấy; tôi không biết đưa mắt nhìn đi đâu vì gương thay cho nàng, gương thay cho cố gắng thảm hại của nàng, nhằm “nhập vai” cho nhuyễn. Và nói chung đấy quả là sự trưng bày ghê gớm sự bất tài của con người!

Các buổi tập là do diễn viên nhà nghề thất nghiệp; anh ta tất nhiên là tự huỷ hoại hoặc coi mình là một tài năng lớn, hãnh diện về kinh nghiệm sân khấu xấu xa của mình; trông anh ta không rõ thuộc lứa tuổi nào, mặt bì bì mai mái với những nếp nhăn hằn sâu đến nỗi có thể tưởng đấy là do anh ta cố ý tạo ra. Chốc chốc anh ta lại nổi nóng chỉ ra cách cần phải đóng vai này vai nọ thế nào. Anh ta chửi rủa thô lỗ, đầy bực bội đến nỗi gân xanh nổi hằn to trên thái dương: khi thì anh ta đóng vai nam, khi thì đóng vai nữ, và mọi người ra sức bắt chước anh ta, chọc tức tôi bằng từng giọng nói, từng cử chỉ, hành động: dù vị diễn viên chuyên nghiệp kia có đáng ghét đến đâu, thì những kẻ bắt chước y còn đáng ghét hơn. Vì sao, vì lẽ gì họ lại đóng những vai ấy? Trong bọn họ còn có bà vợ viên sĩ quan đồn trú thường thấy ở mọi thành phố tỉnh lẻ – đó là một bà xương xẩu, tự phụ, trợn trạo; còn có một chị quá lứa, ăn mặc đom đàng, lúc nào cũng lo âu chờ đợi một điều gì đó, học được cách đánh môi đỏ chót; lại còn có cả hai chị em mà cả thành phố biết vì lúc nào cũng kè kè bên nhau và giống nhau như tạc: cả hai đều cao to, mái tóc đen thô, lông mày đen rậm rì, mặt mày nghiêm nghị; phải kể đến một viên chức chuyên nhận nhiệm vụ đặc biệt của ngài thị trưởng, viên chức này còn rất trẻ nhưng đầu đã hói, cặp mắt xanh lồi ra, hàng mi đỏ mọng, người cao lêu đêu, cổ áo cũng dựng cao, điệu bộ thì lịch sự trang trọng một cách khó chịu; khó bỏ qua một vị luật sư nổi tiếng thân hình to béo phì nộn, ngực nở, vai bè bè vạm vỡ, bàn chân nặng nề, – khi có lần tôi trông thấy ông ta trong bộ áo đuôi tôm ở buổi vũ hội, tôi cứ tưởng ông ta là người hầu chính tại đấy; cũng không thể kể thiếu chị họa sĩ trẻ vận chiếc váy nhung đen, mái tóc đen dài, cặp mắt ti hí đượm vẻ hư hỏng, đôi môi mọng mịn màng và ngăm nhìn thật mất tự nhiên...

Rồi đến lúc vở kịch được diễn. Trước giờ mở màn, tôi ra sau hậu trường: ở đấy mọi người tất tả như điên, kẻ thay trang phục, người hóa trang, tiếng cãi vã hò hét ầm ĩ, kẻ chạy ra khỏi phòng hóa trang, người này va phải

người kia, không nhận ra nhau, – lúc này ai cũng ăn vận khác hẳn thường ngày, – có người còn mặc áo đuôi tôm màu nâu và quần màu tím, những mái tóc giả, rậm rạp trông thật ngô nghê, những bộ mặt trát phấn hóa trang trông thật vụng về, mắt tô đen. Cặp mi cũng tô đen trông dài như vẫn thấy ở đám manơcanh. Tôi va phải nàng và cũng không nhận ra nàng. Tôi ngạc nhiên trước vẻ búp bê của nàng – nàng vận chiếc váy màu hồng kiểu cổ, mái tóc giả màu hung sáng, gương mặt đẹp như vẽ. Bôgômôlốp sắm vai anh quét sân tóc vàng, – người ta hóa trang anh một cách thật diễn cảm, sao cho giống một kiểu “người bình thường”. Còn bác sĩ thì sắm vai một ông già là vị tướng về hưu: Chính ông mở đầu vở kịch. Ông ngồi tại nhà nghỉ ngoại ô trên chiếc ghế mây đan, dưới bóng cây xanh dựng ngay giữa sân trồng trôn, mặc chiếc áo lụa dày mới. Mặt ông cũng trát đầy phấn hồng, bộ ria mép màu trắng sữa. Ông ngả người trên ghế, cau có nhìn lên tờ báo rộng mở. Mặc dầu lúc đó là cảnh trang trí một sáng mùa hè đẹp trời, cả người ông vẫn được chiếu sáng bởi nhiều ngọn đèn đặt phía dưới sân. Đầu tuy bạc trắng, nhưng vẻ mặt ông trông trẻ hơn tuổi nhiều. Theo kịch bản thì ông phải cất tiếng lầu bầu một câu gì đó khi đọc báo; nhưng rồi ông cứ nhìn lên tờ báo mà không thể nói được lời nào, mặc dù từ hốc bên sân khấu người nhắc vở đã mấy lần tuyệt vọng nhắc ông: “xuyt, xuyt!” Chỉ đến khi nàng lao ra từ phía cánh gà (với tiếng cười lạnh lót, thơ trẻ, đáng yêu) và choàng tay từ phía sau bịt lấy mắt ông, miệng kêu lên: “Ai nào? Ai nào?” – chỉ đến lúc đó ông mới kêu lên, rành rọt từng tiếng một: “Bỏ ra, bỏ ra, ta biết rõ là ai rồi!”.

Dưới gian người xem tranh tối tranh sáng, còn trên sân khấu thì sáng lóa đầy ánh mặt trời. Tôi ngồi trên hàng đầu, lúc nhìn lên sân khấu, khi nhìn ra chung quanh: hàng ghế này gồm toàn có những người giàu có nhất, tự gò bó mình trong đủ thứ sắc phục của các quan chức dân sự cao cấp cũng như các sĩ quan quân đội và cảnh sát; tất cả bọn họ đều bị thu hút hoàn toàn vào những gì đang diễn ra trên sân khấu, dáng vẻ đầy căng thẳng, nụ cười dang dở trên miệng...

Tôi không thể ngồi xem đến hết màn một. Khi tôi vừa nghe tiếng gõ khe khẽ trên sân khấu, – đó là dấu hiệu sắp hạ màn, – tôi bèn đứng dậy bỏ ra.

Trên sân khấu lúc ấy các diễn viên đều ủa ra cả, tiếng các diễn viên tranh cãi om sòm vọng xuống phía dưới hành lang sáng ánh đèn, nơi ông già phục vụ đã quen với cảnh này giúp tôi mặc lại áo bành tô. Lát sau tôi đã đâm bổ ra ngoài phố. Một cảm giác cô đơn như sắp đến giờ tận thế khiến tôi ngây ngất. Chung quanh quang quẻ, vắng tanh, những ngọn đèn đường lạng lẽ tỏa sáng. Tôi không về nhà, – ở đây căn buồng chật hẹp trong khách sạn của tôi thật đáng sợ, – mà tới toà soạn. Tôi đi qua các công sở, rẽ sang quảng trường vắng ngắt, nơi có ngôi nhà thờ hiện ra sừng sững với tháp tròn mạ vàng lấp lánh dưới trời sao... Tôi nghe trong tiếng tuyết băng rạn vỡ dưới chân tôi một cái gì huyền bí ghê sợ.

Ngôi nhà ấp áp quen thuộc nằm yên trong tĩnh vắng, từ phía phòng ăn sáng ánh đèn vọng ra tiếng đồng hồ đều đều gõ nhịp. Đứa con trai nhỏ của Avilova đã ngủ, bà vú em ra mở cửa cho tôi, ngái ngủ nhìn tôi rồi bỏ đi. Tôi vào ngay căn buồng vừa quen thuộc vừa đặc biệt khác thường đối với tôi nằm ở góc cầu thang, trong bóng tối chiếc đi văng quen thuộc giờ đây chỉ còn gợi cho tôi nỗi buồn đau ngang trái... Tôi vừa chờ đợi vừa kinh sợ cái phút giây mà mọi người sẽ về, tiếng bước chân dồn dập vào nhà, ồn ào cười nói. Họ sẽ ngồi xuống bên ấm trà xamôva, trao đổi cảm tưởng về vở kịch vừa diễn, – và tôi sợ hãi nhất cái thoáng lát mà tiếng cười, giọng nói của nàng sẽ vang lên... Căn phòng đầy ắp hình bóng nàng, khi có nàng cũng như khi nàng vắng mặt, mùi hương thân quen phảng phất trong phòng, từ mùi nước hoa nàng dùng đến mùi chiếc áo khoác mềm mại đang để bên chiếc gối tròn cạnh tôi... Ngoài cửa sổ, đêm mùa đông tối sẫm đầy hoang vắng, những vì sao lấp lánh sau bóng cây trơ cành trụi lá...

Vào tuần lễ ăn chay đầu tiên nàng rời thành phố cùng bố và Bôgômôlốp (sau khi đã từ chối anh ta). Đã lâu tôi không chuyện trò gì với nàng nữa. Nàng sửa soạn ra đi, mắt lúc nào cũng rân rấn lệ; nàng phấp phỏng hy vọng rằng bất ngờ tôi sẽ giữ nàng ở lại, không cho nàng đi.

XI

Đang là những ngày lễ ăn chay ở tỉnh lẻ. Đám xà ích ế khách uế oải đứng rét cóng ở góc phố, thỉnh thoảng lại tuyệt vọng giơ tay làm dấu, rụt rè mời mọc vị sĩ quan qua đường: “Thưa ngài, ngài hạ cố dùng xe chứ ạ?” Đàn qua như cảm thấy mùa xuân sắp đến, chúng riu rít kêu lên loạn xạ; bọn qua đen thì còn phát ra những âm thanh quàng quạc chói tai.

Đêm đêm tôi càng thấm thía hơn nữa nỗi ghê sợ của sự chia ly. Bừng tỉnh giấc giữa đêm, tôi bàng hoàng tự hỏi: “Sống làm sao bây giờ đây, biết vì lẽ gì mà sống? Chẳng lẽ tôi mà lại là cái kẻ chẳng biết vì sao lại đang nằm giữa bóng tối của cái đêm vô nghĩa này, giữa cái thành phố tỉnh lẻ với hàng nghìn vạn người xa lạ, trong căn buồng nhỏ với khung cửa sổ hẹp đen sẫm suốt đêm như hình một con quỷ câm lặng dài ngoẵng! Trong cả thành phố này người gần gũi chỉ còn lại duy nhất Avilova. Nhưng có đúng là gần gũi không? Một sự gần gũi đầy trắc trở và khó xử...”

Bây giờ thì tôi đến toà soạn muộn hơn. Từ trong phòng khách Avilova nhìn thấy tôi bước vào hành lang, nàng mỉm cười vui vẻ, – nàng lại đối xử thân mật dịu dàng với tôi, thỉnh thoảng vẫn cười diễu tôi. Giờ đây tôi đã thấy rõ một tình cảm thương mến bình yên của nàng đối với tôi, nàng luôn tỏ ra quan tâm, săn sóc tôi, thường cùng tôi ngồi chơi nhiều buổi tối, – nàng chơi đàn cho tôi nghe rất lâu, còn tôi thì ngả người tựa lưng vào thành divăng lấy tay che đôi mắt đăm lệ vì niềm hạnh phúc mà bản đàn đã đem đến cho tôi, cùng với cảm xúc ấy bao giờ tôi cũng thấy càng thêm đau đớn, lòng tràn ngập niềm dịu dàng đầy nương nhẹ, bao dung. Bước vào phòng khách, tôi hôn lên bàn tay nhỏ, đầy đặn của nàng rồi sang phòng dành riêng cho các cộng tác viên thường xuyên. Bên phòng ấy đang có một vị tư tưởng cấp tiến, vẻ mặt trầm ngâm; anh bị chuyển đến Ôriôn cư trú dưới sự quản thúc của cảnh sát. Hình dáng anh ta khá kỳ dị; râu ria xồm xoàm như thường dân, mặc chiếc áo khoác ngoài màu nâu xám bằng vải mộc thô, đi ủng bôi mỡ hải cẩu tỏa mùi dễ chịu. Anh thuận tay trái, cánh tay phải bị

mất một nửa, nửa còn lại giấu sau tay áo anh dùng để giữ tờ giấy xuống bàn, còn tay trái thì viết: anh ngồi rất lâu, nghĩ ngợi, nhả thuốc khói um, rồi bỗng nhiên anh ghì giữ chặt tờ giấy, tay trái viết rất nhanh, rất nhanh với vẻ mạnh mẽ và khéo léo của khi.

Sau đó ông già thấp bé đeo kính bước vào; ông là một quan sát viên nước ngoài, ông cởi bỏ áo khoác ngoài bằng lông thỏ và chiếc mũ Phần Lan che kín cả tai ở ngoài hành lang, rồi đi nguyên đôi ủng của mình, mặc chiếc quần rộng và áo sơ mi bỏ ngoài quần, thắt dây lưng, trông rất nhỏ bé và linh lợi như một chú bé mười tuổi. Mái tóc dày xám bạc của ông dựng lên trông rất dữ tợn, tỏa ra mọi phía khiến ông ta giống như một kẻ dị dạng, cặp kính lạ lùng của ông trông cũng đáng sợ. Ông thường đến toà soạn với hai cái hộp trong tay, một hộp giấy cuộn thành ống nhỏ và một hộp thuốc lá; suốt thời gian làm việc lúc nào cũng nhồi thuốc

Tiếp đến người thợ lên khuôn và sửa bản in đến. Người thợ lên khuôn đi vào với dáng vẻ bình thản, tự tin: trông ông thật khác thường bởi vẻ lịch sự, im lặng, kín đáo; ông rất gầy và khô héo, tóc đen như người di-gan, mặt tái xanh, ria mép đen, môi thâm xám. Ông ăn vận lúc nào cũng hết sức chỉnh tề, sạch sẽ: quần đen, áo sơ mi màu xanh với cái cổ cao hồ cứng. Thịnh thoảng tôi có trò chuyện với ông trong nhà in: lúc đó ông bỏ cái kính kín đáo im lặng, ông bình thản nhìn thẳng vào mặt tôi bằng cặp mắt đen nhánh và đều đều nói như cái máy về một đề tài cố hữu không đổi: về sự bất công ngự trị trên thế giới, – mọi nơi, mọi lúc, mọi lĩnh vực.

Thịnh thoảng người sửa bản in cũng ghé sang – khi thì gặp chỗ không hiểu, khi thì tỏ sự bất đồng với một bài nào đó mà anh ta đang sửa. Anh yêu cầu tác giả bài báo phải giải thích thêm cho rõ, hoặc phải thay đổi đi: “xin lỗi ông, chỗ này diễn đạt chưa được nhuyễn lắm”. Anh ta thân hình to béo, dáng điệu vụng về, mái tóc xoắn xoắn trông như hơi bị ướt, lưng cúi lom khom vì lo sợ mọi người nhận thấy anh ta bị nghiện rượu nặng; khi đề nghị ai nói rõ thêm điều gì, anh ta đều phải né mình nín thở, từ xa run run chỉ tay lên dòng chữ mà anh ta không hiểu và cho là chưa đạt. Ngồi trong căn phòng này, tôi lơ đãng sửa đủ thứ bản thảo của những người xa lạ, nhiều

khi tôi chỉ đưa mắt nhìn ra cửa sổ và nghĩ: chính mình rồi sẽ viết thế nào đây?

Bây giờ tôi lại chịu thêm một nỗi dằn vặt thâm kín mới, một sự không toại nguyện đầy cay đắng. Tôi lại bắt đầu viết một cái gì đó, – bây giờ thì phần nhiều là văn xuôi, – rồi lại bắt đầu gửi đăng những gì đã viết. Nhưng tôi lại không nghĩ về những cái gì đã viết và đã in. Tôi day dứt với khát khao viết một cái gì đó hoàn toàn khác, không giống những gì tôi có thể viết và đã viết: muốn viết cái gì đó ngoài khả năng của mình. Từ những gì cuộc sống đã mang tới định hình cho được trong mình điều gì đó thật sự đáng ghi lại – đó quả là một hạnh phúc hiếm hoi, một việc đòi hỏi bao sức lực tinh thần! Và thế là đời tôi càng ngày càng biến thành một cuộc xung đột mới liên tục với điều “không toại nguyện”, biến thành sự tìm tòi, nắm bắt cái hạnh phúc vô hình đó, biến thành nỗi ám ảnh, thường xuyên rượt đuổi hạnh phúc ấy.

Gần đến trưa thì người ta mang bưu phẩm đến. Tôi bước ra phòng khách, lại nhìn thấy mái đầu chải chuốt rất đẹp lúc nào cũng cúi xuống bàn, gặp lại cảm giác dễ chịu được gọi lên từ đôi giày da đen bóng dưới gầm bàn của nàng, còn vương lại phản quang của một ngày đông u ám với bầu trời âm u, lạnh giá ngoài khung cửa sổ.

Tôi chọn ra từ gói bưu phẩm một số tạp chí mới xuất bản ở thủ đô, vội vã rọc ra... Một truyện ngắn mới của Sêkhốp! Chỉ mới nhìn thấy cái tên này thôi trong lòng tôi đã cảm thấy nao nao, tôi chỉ liếc qua truyện ngắn mà không đọc nổi mấy dòng đầu bởi một linh cảm vừa như đau đớn ghen tị vừa như khoan khoái say mê.

Ngoài phòng khách hết người này vào lại đến người khác ra: nào là những người đến xin đăng rao vặt, nào là đủ kiểu người cũng mắc chứng đam mê viết văn. Ở đây có thể gặp một ông già đẹp lão, cổ choàng khăn lông, đi găng tay lông, mang tới một xấp dày toàn giấy rẻ tiền khổ to bên ngoài để chữ “Bài ca và trầm tư” viết nắn nót bằng bút lông ngỗng. Có thể gặp một chàng sĩ quan trẻ, mặt đỏ hồng ngượng ngập, anh ta đưa bản thảo kèm theo một lời đề nghị ngắn ngủi lịch sự, rõ ràng là đọc giùm anh ta và nếu đăng được thì tuyệt đối không được đề tên thật – “Xin chỉ đề tên tắt,

nếu nguyên tắc của toà soạn cho phép”. Tiếp theo chàng sĩ quan là một viên trợ tế đứng tuổi mặt lấm tẩm mồ hôi vì hồi hộp và mặc áo lông, muốn đăng “Những bức tranh quê” dưới bút danh Spectator. Sau ông ta là một nhân viên toà án huyện... Ông này là một người cẩn trọng khác thường, với những động tác chậm rãi một cách lạ lùng, ông ta cởi bỏ ngoài hành lang đôi giày cao su còn mới, tháo đôi găng tay lông mới, cởi chiếc bành tô lông chồn với chiếc mũ mới sang trọng. Trút bỏ l vỏ ngoài ông hiện ra với thân hình gầy gò, cao lêu kêu, gương mặt đầy vẻ giễu cợt, sạch sẽ. Ông ta lấy chiếc khăn mùi xoa trắng như tuyết lau đi lau lại bộ ria mép có lẽ đến nửa giờ đồng hồ, trong khi đó thì tôi chăm chú theo dõi từng cử chỉ của ông ta và tự nhấm nháp thói quen quan sát của người viết văn.

– Phải rồi, phải rồi, ông ta trông phải sạch sẽ cẩn thận, chậm chạp, hết sức chăm chú đến mình nếu hàm răng ông ta thưa đến kia và ria mép dày như vậy... nếu cái trán dô của ông ta đã bắt đầu hói, đôi mắt sáng quắc, lưỡng quyền cao ửng đỏ như bị lao, bàn chân to bèn bẹt, bàn tay cũng to và bẹt như thế với những móng tay dài cắt tròn!

Đến gần bữa sáng bà vú em dẫn đứa bé trai đi dạo về, Avilova chạy ra lối vào nhà, dịu dàng ngồi xuống, gót chân nhón lên, nàng cởi chiếc mũ lông cừu trắng trên đầu đứa bé, cởi cúc chiếc áo khoác màu xanh với cổ lông cừu trắng rồi hôn lên đôi má mịn màng ửng hồng của nó. Còn tôi thì lơ đãng nhìn sang phía khác, theo đuổi một ý nghĩ nào đó xa xôi của riêng mình, bất chợt nhận ra mình đang ghen tị với cảnh diễn ra trước mắt – ghen tị với vẻ vô tư đầy sung sướng của đứa bé, với hạnh phúc làm mẹ của Avilova, với tuổi già bình yên của bà vú em. Tôi ghen tị với những ai có cuộc sống đầy ắp những việc, những điều quan tâm thường xuyên lặp lại chứ không phải chờ đợi, nghiền ngẫm, tưởng tượng ra điều này điều nọ cho một cái nghề lạ lùng nhất của loài người được gọi là nghề viết văn. Tôi ghen tị với tất cả những ai có việc làm đơn giản cụ thể, rõ ràng mà nếu hôm nay hoàn thành nó thì có thể hoàn toàn tự do và yên tâm đến mai.

Sau bữa sáng tôi ra thành phố. Những bông tuyết mơ màng rơi lả tả trên bầu trời thành phố, thứ tuyết hay bắt gặp vào dịp lễ ăn chay, vẫn thường làm người ta lầm tưởng rằng mùa xuân đã sắp đến với vẻ mịn màng sắc

màu trắng toát. Trên con đường ngập tuyết, một chiếc xe nhẹ êm lao vút qua bên tôi, người xà ích dường như mới uống rượu qua loa ở đâu đấy, vẻ mặt điềm nhiên vô tâm như đang sắp sửa gặp điều gì đấy tốt lành, may mắn... Cảnh đó có gì khác thường đâu? Nhưng lúc này dường như mỗi ấn tượng thoáng qua đều làm tôi xúc động, trong giây lát gợi cho tôi niềm khát khao không để cho ấn tượng đó bị bỏ qua, biến mất đi; lóe chớp trong đầu tôi ước muốn biến nó thành sở hữu của mình, rút ra được một cái gì đó. Đấy, như người xà ích này, anh ta hiện thoáng qua trước mắt tôi, khắc sâu vào kí ức tôi, biến thành hình ảnh lạ lùng chốc lát, khiến tôi còn vương vấn rất lâu!

Tiếp đó là cái cổng của một ngôi nhà giàu có, bên hè trước cổng có một chiếc xe mui màu đen bóng đang đỗ hiện ra dưới làn tuyết trắng, đôi bánh xe sau to tướng, phần ngập trong tuyết phần bám đầy những bông tuyết mịn mềm mới rơi. Tôi lững thững đi qua, liếc mắt nhìn cái thân hình lực lưỡng của người xà ích đang ngồi trên ghế trước, đầu đội chiếc mũ vuông to bè bè như cái gối. Tôi bỗng thấy đằng sau cửa kính xe, trong chiếc két bằng vải lụa có một con chó nhỏ xinh đang ngồi, run run chăm chú nhìn ra như muốn nói một điều gì đó, tai nó dài đẹp như một cái nơ to. Cảnh tượng đó lại thoáng hiện qua như ánh chớp, như niềm vui vụt sáng: đừng quên, hãy đừng quên con chó nhỏ với đôi tai lạ kỳ!

Tôi ghé vào thư viện. Đây là một thư viện cổ, rất ít nơi có kho sách phong phú như ở đó. Nhưng trông thật tiêu điều, chẳng ai cần đến nó cả! Một ngôi nhà cũ kỹ hoang tàn, với những hành lang rộng trống trải, cầu thang lạnh lẽo dẫn lên tầng hai, cánh cửa bọc dạ loang lỗ ra sau lớp vải nhựa. Từ trên gác xuống dưới nhà có ba phòng lớn xếp đầy những sách đã sờn gáy, nhàu nát. Một cái bàn thấp dài, một căn buồng nhỏ, nơi làm việc của bà phụ trách thư viện, người thấp bé ngược lép, vẻ mặt thờ ờ lãnh đạm, mặc bộ đồ đen, bàn tay gầy gò nhợt nhạt, vấy mực ở ngón giữa. Còn có một cậu bé nhếch nhác, mặc áo sơ mi màu xám, đầu nhỏ như đầu chuột, tóc bờm xồm lâu không cắt, cậu ta thừa hành những việc bà kia giao cho...

Tôi vào phòng đọc, một căn phòng hình tròn ám đầy mùi khói, giữa kê một chiếc bàn tròn trên đặt mấy tờ báo “Tin giáo xứ”, “Người hành hương

Nga”. Bên cạnh bàn có một chàng học sinh gầy gò đang ngồi, lưng cúi xuống, với vẻ như giấu diếm lật lật các trang một cuốn rất dày; cậu ta mặc chiếc áo dạ ngắn sờn cũ, luôn tay cầm khăn mùi xoa cẩn thận lau mũi... Còn ai ngồi ở đây nữa đâu, ngoài hai chúng tôi, hai kẻ kỳ dị như nhau về sự cô độc, cũng như về những gì chọn đọc. Cậu học sinh đọc một cuốn sách hoàn toàn là quái gở với lứa tuổi đó – cuốn “đường cày”. Phần tôi, bà phụ trách thư viện cũng nhiều lần nhìn với đầy vẻ ngạc nhiên khó hiểu: tôi hỏi mượn các báo cũ như “Con ong phương Bắc”, “Tin Matxcova”, “Sao bắc đẩu”, “Bông hoa phương Bắc”, “Người đồng thời” của Puskin... Tuy nhiên, tôi cũng có mượn cả những cái mới in nữa – tỷ dụ như là đủ loại “Tiểu sử các danh nhân”: tôi đọc những sách này để cố tìm trong đó sự nâng đỡ tinh thần, để với cảm giác đầy ghen tỵ tự so sánh mình với các danh nhân kia... Ôi các danh nhân! Trên trái đất này đã có vô số nhà thơ, nhà tiểu thuyết, thế rồi còn lại nguyên vẹn được bao nhiêu người? Quanh đi quẩn lại vẫn gặp bấy nhiêu cái tên bất tử qua thời gian, năm tháng! Hôme, Hôraxơ, Viécginlơ, Đantơ... Sêchxpia, Bairo, Senli... Rồi mấy tiểu thuyết “Đôn Kihôtê”, rồi vẫn là mấy chuyện “Nàng Manông Lexcô”... Tôi còn nhớ trong căn phòng này đầu tiên tôi được đọc Rađisép với cảm giác đầy khâm phục: “tôi nhìn ra xung quanh – lòng tôi bỗng đau như cắt trước nỗi thống khổ của nhân loại!”.

Đến chập tối tôi rời khỏi thư viện, lặng lẽ đi dọc những con phố sắp vào đêm. Đây đó vang vang từng hồi chuông chầm chầm điểm. Lòng nặng trĩu những ý nghĩ buồn rầu về mình, về nàng, về ngôi nhà thân thiết ở nơi xa, tôi ghé vào nhà thờ. Ở đây cũng có những cái gì đó mà không ai thiết đến. Bên trong trống trải, bóng tối mờ mờ, vài ngọn nến leo lắt sáng thấp thoáng bóng vài ông già bà già. Sau cái bực đặt mấy ngọn nến là viên trụ tế nhà thờ đang đứng yên bất động, nhẵn nại, mái tóc màu xám rêu ngôi như kiểu người dân quê, mắt nhìn qua nhìn lại với vẻ nghiêm nghị của một thương nhân. Lã nhà thờ lê đôi chân mỏi mệt đến chỗ này thì sửa lại ngón nến bị đặt nghiêng cháy quá sáng, ở chỗ kia thì thổi tắt ngọn nến đã cháy gần hết tỏa ra mùi khói và mùi sáp, sau đó bàn tay già nua của ông lão vo vo lại những mẩu nến thừa thành cục sáp to. Có thể thấy rằng ông lão chán ngấy

đến tận cổ tất cả sự tồn tại khó hiểu trên trần gian này của chúng ta, ngán ngẩm với tất cả sự bí ẩn của nó: nào là lễ khai sinh đặt tên, nào là lễ uống rượu vang cùng bánh thánh, nào là lễ kết hôn rồi cầu hôn, cùng bao ngày lễ khác quanh năm suốt tháng lần lượt nối tiếp nhau. Vị linh mục mặc chiếc áo thụng, mái tóc dài như phụ nữ, quay mặt về phía tượng chúa, cúi gập người khiến chiếc vòng thánh giá treo trên cổ cũng thông xuống: giọng ông lên bổng xuống trầm lan đi trong khoảng không trống rỗng mờ mờ âm đạm: “Giêsuma, lạy chúa tôi...”

Lặng lẽ bước ra khỏi nhà thờ, tôi lại hít thở khí trời lành lạnh cuối đông, nhìn thấy chiều hoàng hôn u ám. Với vẻ nhẫn nhục cố ý, một kẻ hành khất đầu bạc trắng cúi mình xuống trước tôi, lòng bàn tay khum khum chìa ra. Khi nhận thấy đồng năm xu, lão liền nắm tay lại, nhìn thoáng qua mặt tôi và chột làm tôi ngạc nhiên: lão ta có đôi mắt xanh ươn ướt, đôi mắt của một kẻ nghiện ngập từ lâu, mà một cái mũi to như trái cà chua hằn lên ba múi lớn... Tôi lại vớ được một chi tiết kỳ thú đầy sức ám ảnh: cái mũi cà chua hằn lên ba múi!

Tôi đi xuôi theo phố Bônkhôpxcaia, mắt nhìn lên bầu trời đang uể oải màu xám sẫm – trong mắt tôi là hình thù, đường nét của những mái nhà cũ kỹ chứa đựng một vẻ đẹp êm đềm khó hiểu. Một mái nhà xưa cũ của con người – ai đã từng viết về điều này? Đèn đường đã thắp lên, ánh sáng ấm áp tỏa ra từ các cửa hiệu, những bóng đen lăm lăm đi trên vỉa hè, bóng tối đã trùm lên thành phố ngọt ngào êm dịu... Tôi như một thám tử theo dõi hết kẻ bộ hành này đến người khác, nhìn lên lưng họ, giày ủng họ... Phải viết thôi! Cần phải viết về những mái nhà, những đôi ủng, những cái lưng...

Tôi rảo bước đi tới bờ sông Ôro. Hoàng hôn đã nhường chỗ cho bóng đêm, ngọn đèn đường thắp bằng khí đốt trên bên cầu tỏa sáng. Dưới cột đèn là một người đi lang thang, trên mình mặc mỗi chiếc áo vải rách bươm, quần cộc màu hồng, bàn chân không giày, cước đỏ giẫm trên tuyết, mặt phù nề sần sùi, đôi mắt bé đùng đục lạnh băng; người này cúi nhìn xuống, hai tay cặp vào dưới nách, run như cây sậy liếc nhìn tôi với đầy vẻ khúm núm sợ sệt và ngọng nghịu cất tiếng: “Dạ thưa ngài!..” Rất nhanh, như một tên trộm, tôi túm lấy anh ta, kéo anh ta nép bên mình rồi cúi hẳn cho anh ta

một hào... Cuộc sống thật ghê sợ! Nhưng liệu có đúng là ghê sợ không? Có thể nói rằng nó là một cái gì đó hoàn toàn khác hơn nhiều so với cái gọi là “ghê sợ”? Cách đây vài ngày tôi cũng đã dúm cho một kẻ chân đất rách rưới như thế và ngây ngô kêu lên: “Dù sao thì người sống thế này cũng đáng sợ quá đấy!”. Và thật là lạ, anh ta đã bất ngờ táo tợn mà đáp lại sự ngô nghê của tôi bằng giọng khàn khàn, rần rỏi, đầy bức bối: “Hoàn toàn không có gì đáng sợ đâu, anh bạn trẻ ạ!” Bên kia cầu, ở tầng dưới một ngôi nhà lớn, ánh đèn sáng choang tỏa ra từ tủ kính trưng bày của một cửa hiệu chuyên bán giò chả, những súc giò, những súc thịt giãm–bông lớn đủ loại treo đầy trong đó”. “Những nghịch cảnh của xã hội!” Tôi chua chát nghĩ thầm, rồi bước theo ai đó qua ánh sáng lộng lẫy của tủ kính bày hàng... Ở phố Maxcopxcaia tôi ghé vào một quán trà, nơi những người xà ích thường lui tới; tôi ngồi lại ở đây trong tiếng chuyện trò ầm ào, trong cảnh chật chội đầy hơi ẩm, tôi nhìn lên những gương mặt đỏ au, đầy đặn với bộ râu màu hung, nhìn lên cái khay hoen rỉ, mố meo trên đó có đặt hai chiếc ấm trắng với sợi dây ướn buộc từ nắp xuống quai... Đó là sự quan sát cảnh sinh hoạt dân dã chẳng? Không đâu, tôi chỉ quan sát cái khay này, cái sợi dây ướn nhèm này thôi!

XII

Có lần tôi đi ra ga. Phía ngoài i cổng khái hoàn là bắt đầu một vùng đen tối, cảnh đêm hoang vu của một vùng hẻo lánh. Tôi tự hình dung ra cho mình một thị trấn nhỏ bé nào đó, không ai biết tôi, chưa từng tồn tại, chỉ có trong trí tưởng tượng của tôi nhưng lại là nơi mà cả cuộc đời tôi đã trôi qua. Tôi nhìn thấy những con phố rộng phủ đầy tuyết, ngôi nhà tôi tàn sẫm tối hiện ra trên tuyết và một ánh đèn đỏ quạch sau cửa sổ một ngôi nhà... Và với niềm cảm hứng say sưa tôi dứt khoát tự nhủ mình: phải rồi, phải rồi, phải viết như thế, chỉ cần ba chữ: tuyết, ngôi nhà và ngọn đèn trong đó..., không cần thêm gì nữa! Ngọn gió đồng mùa đông đưa lại tiếng xình xịch của đầu máy xe lửa đang chạy ở đâu đó và cái mùi than đá đang cháy, gợi nên một cảm giác ngọt ngào đầy náo nức về những khoảng trời xa. Những chiếc xe đen sẫm chở đầy hành khách lao ngược chiều về phía tôi– chuyến tàu đưa thư báo từ Matxcova đã tới chăng? – Đúng thế. Phòng điếm tâm nóng bức đầy người, đầy mùi xào nấu, mùi trà đưa từ ấm xamôva: đám hầu bàn người tácta chạy đi chạy lại, tà áo choàng phất phơ, trông anh nào chân cẳng cũng vòng kiềng, da dẻ sẫm nâu, gò má cao, mắt to như mắt ngựa, cái đầu tròn vo với mái tóc màu chì cắt ngắn. Sau chiếc bàn dài là cả đám lái buôn, bọn quan thị thì ngồi ăn cá chiên nguội với củ cải khoren: những bộ mặt trông như đàn bà to bè bè và vàng như nghệ, những cặp mắt ti hí, những áo lông chồn...

Quán sách ngoài ga bao giờ cũng có vẻ hấp dẫn kỳ thú đối với tôi,– và thế rồi tôi như con sói đói đi vòng quanh quán, vươn mình nhìn ngó những đầu đề trên gáy sách màu vàng, màu xám của nhà xuất bản Xuvôrin. Những cái đó làm thức dậy trong tôi niềm khát khao vĩnh cửu mơ tới những toa tàu, những con đường xa lạ, khiến tôi trào lên nỗi nhớ nàng, người con gái mà nếu được cùng nàng đi đâu đó tôi đã cảm thấy mình hạnh phúc khôn tả. Tôi vội vàng rời khỏi ga, nhảy lên một chiếc xe ngựa, trở vào thành phố, đến toà soạn. Sự pha trộn giữa cảm giác về tốc độ và nỗi đau nhói trong tim

bao giờ cũng dễ chịu! Ngồi trên chiếc xe trượt lúc lao xuống chỗ trũng, lúc lại trôi trên gò cao, tôi ngẩng đầu lên, hóa ra đêm nay lại có trăng: vàng trăng mờ nhạt trắng trắng loáng thoáng hiện ra sau màn mây lạnh lẽo với mọi người! Mây vẫn lững lờ trôi đi, lúc để lộ vàng trăng, khi che khuất nó – còn nó thì vẫn đứng đưng, dường như chẳng thèm để ý gì đến mây! Tôi ngửa cổ ra phía sau, không rời mắt nhìn trăng và cố tìm hiểu, nhận biết nó mỗi khi nó vụt hiện ra khỏi mây và tỏa sáng: trăng là cái gì vậy? Là tấm mặt nạ trắng của một thiên thể đã chết ư? Nó tỏa sáng từ bên trong nhưng là thế nào mới được. Nó như sáp trắng chẳng? Phải rồi, phải rồi, sáp trắng! Một lúc nào sau này tôi sẽ nói như vậy!

Ở hành lang toà soạn tôi bắt gặp Avilova với vẻ mặt đầy ngạc nhiên: “Ồ anh đến đúng lúc quá! Chúng ta đi nghe hoà nhạc nhé!” Nàng mặc bộ váy áo màu đen viền đăng ten rất đẹp, làm thân hình nàng như thon nhỏ lại, để lộ đôi vai, cánh tay và phía trên ngực mịn màng, nàng chải đầu trong hiệu, da đỏ hơi đánh phấn một chút, vì thế mà đôi mắt như sáng thêm, đen thêm. Tôi khoác cho nàng chiếc áo lông, cố gắng lắm mới tôi mới tự kiềm chế được để bất ngờ khỏi cúi xuống hôn lên đôi vai trần gần gũi thân thiết, mái tóc quấn thơm ngát mùi hương...

Trên sân khấu của Lễ đường quý tộc với những chùm đèn treo sáng rực là các diễn viên nổi tiếng từ Thủ đô tới. Một nữ ca sĩ xinh đẹp và một chàng danh ca tóc đen cao lớn; như hầu hết các nam ca sĩ khác, anh này làm mọi người ngạc nhiên về sức lực cường tráng khác thường, có vẻ gì thô thô, gợ tới một chú ngựa nòi. Anh ta đi đôi giày da đen bóng loáng to tướng, chiếc áo đuôi tôm may rất đẹp, áo sơ mi trắng toát với chiếc vạt cũng màu trắng; anh ta cất giọng khát khỏe vang, đầy vẻ táo tợn, cương nghị và nghiêm khắc đáng sợ. Còn nàng lúc thì hát theo một giai điệu riêng, lúc thì hoà cùng giọng hát, vội vàng đối đáp lại lại anh ta, ngắt lại giọng hát bằng những lời trách móc dịu dàng, lời than vãn buồn tha thiết cùng niềm vui đầy mê say với những nốt luyến láy nhanh nhanh, ngậy ngậy...

XIII

Tôi thường choàng tỉnh dậy khi trời còn chưa sáng. Liếc nhìn lên đồng hồ nhiều lần chưa thấy tới bảy giờ. Tôi rất thèm chui vào chăn trở lại, nằm thêm một lúc mà hưởng cái ấm áp: căn buồng tôi ở vừa lạnh vừa tôi tối, giữa cảnh yên lặng của khách sạn mà mọi người trong đấy còn đang ngủ chỉ nghe tiếng động nào đấy rất sớm sủa – ở tận cuối hành lang người phục vụ đang lau cọ sàn nhà. Nhưng một nỗi sợ ghê gớm chợt đến với tôi, – nỗi sợ hãi lại tiêu phí vô bổ một ngày nữa, tôi nóng ruột được sớm ngồi vào bàn, sớm chừng nào hay chừng ấy, để bắt tay vào việc viết một cách nghiêm chỉnh! Tôi bỏ ra rung chuông, tiếng chuông dai dẳng lan đi dọc theo hành lang. Mọi thứ chung quanh tôi thật xa lạ và đáng ghét – cái khách sạn này với người hầu phòng nhếch nhác đang lép nhép cọ sàn, với cái bồn rửa bằng sành nhem nhuốc có vòi nước lạnh buốt tóe lên mặt! Thân hình trẻ trung mà gầy gò trong chiếc áo ngủ mỏng của tôi sao mà thảm bại thế, còn chú bồ câu đậu trên bậu cửa sổ đầy tuyết ngoài lớp kính thì co ro thu mình lại không nhúc nhích. Một ý nghĩ táo tợn đầy vui thú bỗng lóe lên trong đầu tôi: thôi, bây giờ thì trở về ngay Baturino thôi, về với ngôi nhà êm ấm, thân yêu! Tuy nhiên, sau khi uống qua quít cốc nước chè, nhặt nhanh mấy cuốn sách nằm trên chiếc bàn thấp nhỏ đặt cạnh bồn rửa mặt gần cửa dẫn sang căn buồng khác, nơi có một phụ nữ vẻ mặt xanh xao, buồn buồn xinh đẹp sống với đứa con 8 tuổi, tôi lại bị cuốn hút vào cái việc bình thường diễn ra sáng sáng: “Chuẩn bị cho mình tâm trạng để viết, – tôi cố tách bạch những ý nghĩ, tình cảm đang ẩn chứa trong lòng, cố tìm ra trong mình điều gì đó đang định hình, đang rõ nét... Tôi chờ đợi cái phút ấy tới – nhưng cảm thấy sợ hãi rằng mọi chuyện rồi sẽ kết thúc bằng chờ đợi, bằng nỗi lo âu mỗi lúc một thêm bồn chồn, bằng đôi tay lạnh giá rồi tiếp đó là sự tuyệt vọng hoàn toàn đến lúc phải bỏ chạy ra ngoài phố, tới toà soạn.

Mọi ý nghĩ trong đầu lại xáo trộn nên tất cả, có cái gì đ đ dẫn vật đau đớn chẳng có gì mạch lạc, lẫn lộn giữa bao tình cảm, suy tư khác biệt nhau nhất... Luôn luôn ám ảnh trong tâm trí tôi chủ yếu là một điều gì đó rất riêng tư, lẽ nào quả tình tôi đã bị thu hút bởi những người khác, cho dù tôi có quan sát họ đến chăm chú đâu? Được rồi, có thể là tôi cứ bắt đầu viết một cái chuyện về chính mình chẳng? Nhưng mà viết thế nào? Đại loại như là “Thời thơ ấu và thiếu niên” chẳng? Hay là đơn giản hơn thế nữa? “Tôi sinh ra ở đâu đó, vào ngày nào đó...”. Nhưng mà lạ chúa, thế thì khô khan, vô nghĩa lý – và chẳng đúng gì cả? Bởi tôi cảm thấy một điều hoàn toàn khác kia! Nói ra điều này thật bất tiện và đáng xấu hổ, nhưng đúng là như thế: tôi sinh ra trong vũ trụ, giữa cái vô tận của thời gian và không gian, nơi vào một lúc nào đó ngày xưa một thái dương hệ đã hình thành, rồi sau đó có cái gọi là mặt trời, có cái được gọi là trái đất... Nhưng thế là thế nào? Tôi biết gì về điều này ngoài từ trống rỗng? Trái đất mới đầu là một vật thể dạng khí tỏa sáng... Hàng triệu triệu năm sau, vật thể khí đó biến thành dạng lỏng, rồi từ lỏng chuyển sang thể rắn; từ đấy hình như lại thêm hai triệu năm nữa trôi qua, trên trái đất bắt đầu xuất hiện những sinh vật đơn bào như cái loại tảo, trùng cỏ... Rồi tiếp đến là động vật không xương sống: giun, sứa... Rồi đến loài lưỡng thể... Sau đó là những bò sát khổng lồ... Rồi xuất hiện một thứ người ăn lông ở lỗ, rồi người đó tìm ra được lửa... Tiếp đó xuất hiện những nền văn minh Khandây, Atxiri, một nước Ai Cập dường như chỉ lo mỗi việc xây kim tự tháp và ướp xác... Một vị tên là Actácxa nào đó đã ra lệnh đánh Genlêxpom, trận Maraton... Tuy nhiên rất lâu trước khi các sự kiện đó xảy ra là những ngày kỳ diệu, khi Avơraam đứng lên cùng đàn súc vật của mình đi đến miền đất hứa... *“Với niềm tin, Avơraam tuân theo thiên chức đi đến miền đất mà ngài được thừa hưởng, và ngài cứ lên đường không biết đi đâu...”* Đúng là không biết! Giống hệt như tôi lúc này đây! *“Với niềm tin, tuân theo thiên chức...”* Nhưng mà tin vào cái gì? Tin vào lòng nhân hậu chan chứa tình yêu mà Thượng đế đã ban phát. *“và cứ lên đườ biết đi đâu...”* Không không, tôi có biết đấy: tôi đang khát khao kiếm tìm hạnh phúc, tức là hưởng tới cái gì tốt đẹp, êm dịu, cái gì đem lại niềm vui, tức là tình yêu, là cuộc sống... Vậy thì tôi lúc nào cũng

đã sống như vậy – đã chỉ sống bằng những gì gợi được tình yêu và nỗi vui...

Từ phía sau cánh cửa gần chiếc bàn nhỏ đã vang sang giọng nói của đàn bà và con trẻ, tiếng tháo nước xối xả. Ấm trà đã pha xong và có tiếng nài ép: “Kônchenca, con ăn bánh mì đi này!” Tôi đứng dậy và đi đi lại lại trong căn buồng. Lại còn cái cậu Kônchenca này nữa chứ... Người mẹ, sau khi cho con uống nước chè xong, thường bỏ đi đâu đó tới trưa. Trở về nhà, bà đun nấu cái gì đó trên bếp dầu, cho con ăn rồi lại đi. Và cũng thật là khổ sở khi phải chứng kiến cái cảnh cậu Kônchenca, – cái cậu bé dường như đã thành một thứ con chung của khách sạn, suốt ngày tha thẩn lân la khắp các buồng, gặp ai ngồi ở nhà, cậu ta rụt rè nói câu gì đó, đôi lúc cố làm điều gì đó cốt làm vừa lòng người này, người nọ, nhưng chẳng ai thèm nghe nó cả, có người còn đuổi nó đi: “Này cậu bé, cậu đi chỗ khác đi, đừng quấy nhiễu như vậy nhé!”

Trong một phòng có bà già nhỏ nhắn ở thuê; bà này trông rất nghiêm nghị. Bà ta tự coi mình cao sang hơn hết thảy những người cùng ở thuê; ngoài hành lang bà ta bao giờ cũng đi mà không thèm nhìn ai, thường rất hay khóa trái nhà vệ sinh và ở trong đó rất lâu, trước khi ra khỏi đó thì xối nước ào ào. Bà này có một con chó lông xù rất to, béo núc ních thành ngăn nơi cổ, đôi mắt lồi trong trong, cái mũi hếch tẹt gí, cái hàm dưới nhô ra đầy vẻ hợm hĩnh, cái lưỡi thè ra giữa hai chiếc răng lạnh như lưỡi cóc. Con chó này hầu như lúc nào cũng có vẻ chăm chú đầy xác xược, nó tỏ ra rất dễ bị kích động. Chẳng hạn như nếu cậu Kônchenca bị ai đó đuổi ra khỏi phòng và gặp con chó này ngoài hành lang, thì liền nghe thấy tiếng chó kêu ăng ăng như bị ngạt thở, rồi chuyển sang thành tiếng sủa vang to, dữ tợn như điên khiến cậu bé Kônchenca khóc thét lên hoảng hốt...

Tôi lại ngồi vào bàn và tự giày vò với sự ngho hèn của cuộc sống cùng tính phức tạp ghê gớm của nó ẩn đằng sau cái vẻ bình thường dung dị. Bây giờ thì tôi muốn chuyển sang nói cái gì đó về cậu bé Kônchenca, về một điều gì na ná như vậy. Chẳng hạn như ở quán trọ của bà Nhiculina có lần một bà thợ may lớn tuổi đến làm thuê chừng một tuần; bà ta pha cắt vải trên bàn thành những mảnh rời, rồi sau đó đặt vào máy khâu và đập máy. Thật

đầy thú vị mà quan sát bà ta: khi cắt vải, mồm bà ta luôn luôn méo mó tựa như cổ lựu theo đường khéo, khi ngồi thưởng thức nước chè bên chiếc ấm Xamôva, bà ta luôn cố nói điều gì đó làm đẹp lòng bà Nhiculina: khi giả vờ nói chuyện hào hứng thu hút bà chủ quán trọ, bà ta làm như vô tình giơ bàn tay to bè bè về phía chiếc làn đựng những chiếc bánh mì trắng và liếc nhìn chiếc lọ lục lăng đựng mức quả! Lại còn người phụ nữ chống nạng mà mấy hôm trước tôi gặp ngoài phố Kalatriópcaia nữa thì sao? Thường thì những người thọt hay lưng gù đều đi với vẻ kênh kiệu, khiêu khích. Còn người phụ này thì khập khiễng đi về phía tôi, hai tay chống hai chiếc nạng đen, mỗi lần nhắc chân lên là một lần nhip nhàng tỳ hai tay vào nạng, hai bả vai nhô cao lên; chị ta chăm chú nhìn tôi, chiếc áo lông ngắn ngắn như của một cô bé, đôi mắt màu nâu trong sáng, linh lợi như mắt trẻ thơ nhưng lại có vẻ hiểu biết cuộc đời với tất cả nỗi buồn vui bí ẩn của nó... Đôi khi ta gặp những con người bất hạnh với vẻ thật đẹp như vậy, cả tâm hồn họ như lộ ra qua đôi mắt!

Sau đó tôi lại trầm ngâm nghĩ ngợi xem thử nên viết về đời mình bắt đầu từ đâu. Phải rồi, từ đâu chứ! Dù sao trước tiên nếu không nói đến vũ trụ, nơi mà tôi xuất hiện vào giờ phút nào đó, thì ít ra cũng phải viết về nước Nga: cần làm cho độc giả hiểu rằng tôi thuộc về đất nước nào, do kết quả của một cuộc sống nào mà tôi đã ra đời. Tuy nhiên, tôi đã biết được cái gì cả về điểm này cơ chứ? Sinh hoạt dòng họ của người Xlavơ, mối bất hoà giữa các dòng họ Xlavơ... Người Xlavơ thường có tầm vóc cao, tóc màu nâu nhạt, tính tình dũng cảm, mến khách; họ thờ mặt trời, sấm chớp, kính nể thần rừng, tiên cá, nói chung là trọng thị “mọi thế lực và hiện tượng của thiên nhiên”... Còn gì nữa? Còn việc mời mọc các công tước về kinh, các sứ thần từ kinh đô tới chỗ công tước Vladimia, việc hất đổ Pêrun xuống dòng sông Đanhép trong tiếng kêu khóc của dân chúng... Rồi công tước Iarôxláp uyên thâm và cuộc tranh chấp giữa đám con cháu của ngài... Rồi còn Vơxêvôlốt Tổ lớn nữa... Nhưng cần nói thêm rằng – tôi thậm chí chẳng biết gì về nước Nga hôm nay! Đại khái là có thể nói tới các vị điền chủ đang phá sản, đám dân quê nghèo đói, các bậc thủ lãnh hội đồng địa phương, đám sen đầm, cảnh sát, các chức sắc nhà thờ ở nông thôn, những

người mang nặng gánh gia đình, – nói theo từ ngữ của các nhà văn... Tiếp đó là cái gì? Đây, như cái xứ Ôriôn này, một trong những thành phố Nga chính cống, – lẽ ra thì phải hiểu rõ ngọn ngành cuộc sống và con người thành phố ấy, nhưng mà tôi đã biết được gì? Phố xá, xe cộ, đường phủ đầy tuyết hằn những vệt bánh xe và các tấm bảng hiệu, – chỗ nào cũng thấy bảng hiệu... Đức giáo chủ, ngài tỉnh trưởng... ngài cảnh sát trưởng Rasépxki to như hộ pháp, đẹp trai và dữ tợn. Còn ngài Palixưn nữa chứ: đó là niềm vinh quang của Ôriôn, một trong những nhân vật rường cột của thành phố, một trong những người kỳ dị mà từ lâu nước Nga vẫn thường nổi tiếng là hay có: ông ta tuổi đã cao, dòng dõi quý phái, bạn của các nhà văn Ácxacốp, Lexcốp, sống trong ngôi nhà theo kiểu lều trại của người Nga cổ xưa, tường nhà xếp bằng gỗ nguyên súc treo đầy những bức tranh thánh cổ hiếm gặp; ông ta thường mặc chiếc áo dài rộng thùng thình có đính những miếng da mỏng nhiều màu, mái tóc cắt trông như cái nồi úp nện đầu, gương mặt rắn rỏi, đôi mắt ti hí nheo nheo, trí tuệ rất sắc sảo, theo lời đồn đại thì ông ta học vấn uyên thâm, đọc thiên kinh vạn quyển... Nhưng rồi tôi biết gì về cái ông Palixưn này? Hoàn toàn mù tịt!

Nhưng liền ngay đó tôi cảm thấy tức tối: vì sao mà tôi buộc phải hiểu hoàn toàn đầy đủ về một điều gì đó về một ai đó; vì sao tôi lại không viết như mình biết, như mình cảm nhận! Tôi lại đứng phắt dậy, đi lại trong phòng, thích thú với cảm giác tức giận của mình, níu vào đây như níu vào tấm lan can nường tựa... Và bất ngờ tôi nhớ lại Xviatôgo, nơi mùa xuân năm ngoái tôi đã đến; tôi như nhìn thấy trước mặt đám người đi lễ từ khắp nơi đến đứng cạnh tường tu viện bên bờ sông Đôn-xơ, nhìn thấy anh chàng trợ tế mà tôi đã phải săn đuổi một cách vô ích khắp sân tu viện rồi cuối cùng cũng không nhờ được anh ta thu xếp cho một chỗ ngủ qua đêm; anh ta nhún vai, chạy khỏi chỗ tôi đứng, tay chân vung cao, mái tóc cùng vạt áo đều phát phơ bay; cái eo lưng của anh ta thật thon thả và mềm mại như trẻ thơ, mặt đầy tàn hương, đôi mắt xanh đầy sợ hãi, mái tóc dày vàng óng ả, sợi mảnh mai nhẹ như tơ...

Rồi tôi lại nhớ tới những ngày xuân khi tôi có cảm giác mình đang trôi xuôi vô tận theo dòng sông Đơnhép... Rồi bình minh tới một thảo nguyên

nào đó... tôi bừng tỉnh trên chiếc ghế băng ở một toa tàu, toàn thân tê cóng vì cái lạnh buổi sớm, cửa kính bám đầy hơi nước đóng băng trắng xóa không nhìn thấy gì bên ngoài, – hoàn toàn không biết tàu đang chạy qua đâu! – Tôi cảm thấy rằng chính sự bí ẩn đó mới thật là kỳ thú... tôi chồm dậy mở cửa sổ, chống khuỷu tay lên đó, bên ngoài là buổi sáng mờ mờ sương trắng đục phảng phất hương vị mùa xuân, tàu chạy nhanh, hơi lạnh buốt nhói phả lên mặt, lên tay...

XIV

Có lần không hiểu vì sao tôi ngủ quá giờ định sẵn. Tỉnh dậy rồi, tôi vẫn nằm yên ở tư thế đã nằm – nhìn ra cửa sổ, nhìn cái ánh sáng trắng trắng nhờ nhờ buổi sớm mùa đông, lòng cảm thấy bình yên vô cùng, đầu óc thật là tỉnh táo, thế giới xung quanh thật nhỏ bé dung dị. Tôi cứ nằm thế một lúc lâu với cảm giác căn phòng tôi ở sao mà nhẹ nhõm thế, – nó dường như nhỏ hơn cả tôi, không hề gấn bó chút nào với tôi cả. Sau đó tôi rời khỏi giường, đi rửa mặt, mặc quần áo rồi làm dấu trước bức ảnh thánh treo phía đầu chiếc giường sắt rẻ tiền tôi nằm. Kế cũng lính bức phù điêu đó giờ đây đang được treo trong phòng ngủ của tôi: đó là một tấm gỗ nhỏ màu nâu sẫm viền khung bạc khá thô, trên đó tạc hình nổi ba vị thiên thần ngồi sau chiếc bàn của Avơraam. Bức phù điêu này là di vật khích lệ tôi bước lên đường đời, đưa tôi bước vào thế giới từ những năm tháng ấu thơ có gì giống giống như cảnh tu hành, cái thời giờ đây dường như đã thành một thời khác thường, kỳ diệu như trong huyền thoại; cái thời ấy đã lùi xa nổi dường như nó đã trở nên một mảnh đời riêng biệt, xa lạ với cả chính tôi...

Làm dấu xong, tôi đi mua mấy thứ mà tôi đã nghĩ ra khi còn đang nằm. Trên đường đi, tôi nhớ lại giấc mơ đêm qua: vào dịp lễ tổng tiền mùa đông, tôi lại sống ở nhà Rôxtôpxép, ngồi cạnh bố trong rạp xiếc, nhìn lên vũ đài, một đàn sáu con ngựa thấp lè tè chạy ra, chúng đều được thắt yên cương nhỏ có đính chuông, chúng phi chậm chậm thành hàng lối đều đặn, chuông rung leng keng, đầu cúi xuống đầy vẻ dữ tợn, ngang ngược; các chú ngựa này, lông giống nhau như tạc, dáng vóc bằng nhau chẵn chẵn, hai bên hông đều phình ra, chân ngắn cùn cùn; chúng chạy ra vũ đài được một lúc thì bỗng đứng sững lại, nhai nhai hàm thiếc, rung rung gù lưng buộc trên cổ... Vị chủ gánh xiếc mặc áo đuôi tôm quất tháo một hồi, quất roi vun vút, cuối cùng mới bắt được mấy chú ngựa ấy quỳ chân trước xuống chào khán giả, sau đó một điệu nhạc rộn rã vang lên với nhịp điệu rất nhanh thúc cả đàn ngựa chạy thành hàng dài quanh vũ đài như rượt đuổi nhau... Tôi rẽ vào

cửa hàng giấy bút, mua mấy cuốn vở dày bọc bì nhựa đen. Trở về nhà, tôi ngồi uống trà và nghĩ: “Thôi được rồi, từ giờ mình chỉ đọc thôi, thỉnh thoảng nếu hứng lên thì ghi chép ngắn ngọn đôi điều về mọi suy nghĩ, tình cảm, quan sát...” Tôi chấm bút vào lọ mực rồi nắn nét viết rành rẽ:

Aléxây Ácxênhép. Ghi chép.

Sau đó tôi ngồi rất lâu nghĩ xem nên ghi lại cái gì, hút thuốc nhả khói đầy phòng, nhưng tôi không cảm thấy bị dẫn dắt mà chỉ buồn buồn, lặ lặ. Cuối cùng tôi hạ bút ghi:

– Vị công tước N, một môn đồ nổi tiếng của giáo thuyết Tônxtôi, đã tới toà soạn yêu cầu đăng báo cáo của ông ta về việc quyên góp và chi tiêu trợ giúp cho những người bị đói ở vùng Tula. Ông không cao, thân hình khá béo. Da ủng mềm kiểu Kapcadơ, mũ lông cừu, bành tô với cổ lông cừu, – mấy thứ này đều thuộc loại sang trọng đắt tiền, tuy sờn cũ nhưng rất sạch sẽ, – chiếc áo sơ mi vải mềm mịn, màu xám, thắt dây lưng hằn rõ cái bụng căng tròn, đeo kính vàng. Thái độ ông ta tỏ ra rất khiêm nhường, nhưng tôi cảm thấy rất khó chịu với cái bộ mặt bảnh bao nhẵn nhụi, trắng nhợt nhạt và đôi mắt lạnh tanh của ông ta. Ngay lập tức tôi ác cảm với ông ta. Tất nhiên tôi không phải là môn đệ của giáo thuyết Tônxtôi. Nhưng dù sao thì tôi cũng hoàn toàn không giống như mọi người khác nghĩ. Tôi mong sao cho cuộc sống và con người trở nên thật đẹp, gọi được tình yêu và niềm vui, và tôi căm ghét những gì ngăn cản điều đó.

– Cách đây không lâu. Tôi đi ngược lên theo phố Bônkhốpxcaia, và trông thấy cảnh tượng thế này: mặt trời đã xuống, giá lạnh, khoảng trời phía tây như thoáng đặng thêm ra, và từ phía chân trời lạnh giá đang ngả màu xanh lục trong trong ấy, một ánh chiều thanh thản đang chum lên thành phố, cái ánh chiều ấy chứa một nỗi buồn khó tả; và trên vĩa hè là ông già rách rưới, mặt mày lạnh tím tái đang đứng quay quay chiếc đàn hộp, âm thanh trầm bổng nghe như tiếng sáo lan đi giữa bóng chiều lạnh lẽo, một giai điệu mơ màng du dương vừa cổ kính, vừa xa xôi là lạ làm tê tái lòng người, tiếng đàn như đang giải bày một nỗi mơ ước, một niềm trắc ẩn...

– Ở đâu tôi cũng nếm trải nỗi buồn và sợ hãi. Cho đến giờ trước mặt tôi như vẫn hiển hiện cái cảnh tôi đã nhìn thấy từ hai tuần trước. Đó là một buổi tối, trời u ám, không trăng sao. Tình cờ tôi ghé vào một ngôi nhà thờ nhỏ, qua bóng tối tôi nhìn thấy những ngọn nến leo lét cháy cạnh cái bệ cách sàn nhà rất thấp; tôi lại gần và lạng người đi: ba ngọn nến nhỏ đặt phía trên đầu chiếc quan tà đưa bé, hắt ánh sáng yếu ớt, ảm đạm lên chiếc quan tài hồng hồng với đường hoa văn bằng giấy dán quanh mép và gương mặt đưa bé nằm trong đó với nước da bánh mật, cái trán nghiêng nghiêng. Hoàn toàn có thể tưởng tượng rằng nó đang ngủ, nếu không để ý đến vẻ mặt cứng đờ bất động của nó, nếu không thấy vệt quầng tím tím dưới mi mắt đã khép lại và bên cái miệng nhỏ chúm chím hình tam giác, nếu xung quanh nó không phải là cái cảnh vô cùng im lặng, vĩnh viễn cách xa với cả thế giới bên ngoài.

– Tôi đã viết và in hai truyện ngắn, nhưng mọi điều trong đó đều giả tạo và nhạt thếch: một truyện viết về những người dân quê bị đói mà thực ra là tôi cũng không nhìn thấy; truyện kia đề cập đến một đề tài nhàm cũ về sự phá sản của các nhà điền chủ cũng thông qua sự hư cấu thế mà tôi rất muốn chỉ viết về cây dương tán lá sum sê, thân cành trắng bạc mọc trước ngôi nhà của vị điền chủ nghèo R và về cái con chim ưng nhồi bất động đặt trên tủ trong buồng riêng của ông ta, đôi mắt màu vàng trong trong của nó cứ mãi mãi nhìn xuống, đôi cánh màu nâu sặc sỡ cứ dang rộng ra. Nếu viết về sự phá sản thì tôi chỉ thể hiện cái khía cạnh thi vị của nó. Những đồng ruộng xơ xác, những gì tiêu điều còn sót lại ở một trang trại nào đó, ở một mảnh vườn, góc sân, chuồng ngựa, mấy ông già, bà già này đã là “những ông chủ cũ” sống tạm bợ trong những phòng xép phía sau, còn toà nhà phía trước thì đã nhượng lại cho đám người trẻ tuổi – những chuyện đó thật đáng buồn rầu, xúc động. Tôi cũng muốn nói tới cả các vị “chủ nhân trẻ tuổi” ấy: bọn này đều xuất thân là kẻ bần tiện, vô học, vô công rồi nghề, tất thấy chúng đều nghĩ rằng chúng thuộc hạng người cao quý duy nhất. Chúng đội mũ lưới trai kiêu quý tộc, áo sơ mi cổ chéo, quần rộng ống, đi ủng da... Mỗi khi tụ tập thì đều tổ chức ăn nhậu, hút thuốc, tâng bốc nhau. Uống rượu trắng bằng những cốc lớn xưa kia vẫn dùng để uống sâm banh, vừa

cười hô hố, vừa nạp đạn vào súng săn và bắn vào những ngọn nển, làm tắt nển bằng cách đó. Một tay trong số “ông chủ trẻ” ấy có tên là P,uyễn hẳn chỗ ở từ trang ấp tiêu điều ra nơi đặt cối xay nước của mình, chiếc cối này từ lâu đã không hoạt động nữa, gã sống trong túp nhà đó với một mục nhân tình mũi tẹt gí. Gã ngủ với mục ta trong hang đất, trên ổ rơm, hoặc ở “trong vườn”, tức là dưới gốc cây táo cạnh túp nhà. Trên thân cây táo có treo một mảnh gương vỡ in hình những đám mây trắng. Gã rầu rĩ ngồi không, chốc chốc lại ném đá vào đàn vịt của dân làng đang bơi lội trong cái ao gần nơi đặt cối xay nước; mỗi lần đá rơi xuống là một lần cả đàn vịt hốt hoảng kêu vánh lên và bơi tán loạn.

– Ông lão mù Ghêraxim, trước đây ở nhà tôi, giống như mọi người mù khác, lúc đi, mặt hơi ngửa lên, tai như đang cố lắng nghe cái gì, tay cầm gậy quờ quạng tìm đường bằng một thứ bản năng nào đó. Ông già sống một mình trong túp nhà ở rìa làng, chỉ nuôi một con chim cun cút trong chiếc lồng gỗ, suốt ngày nó nhảy nhót trong đó, như muốn chui qua các nắp bằng vải thô, lông trên đầu nó xác xơ ra vì chạm vào nắp hết ngày này sang ngày khác. Buổi sớm mùa hạ, dù đã mù loà, lão Ghêraxim vẫn ra đồng bắt chim cút, thường thức tiếng chim hót đối đáp với nhau thoảng đi trên cánh đồng theo làn gió hè ấm áp đang phả vào mặt lão. Lão nói rằng trên đời này chẳng có gì bồi hồi sung sướng hơn cái phút mà chim bước lại gần lưới bắt mà chỉ lát sau là thấy nó vùng vẫy mỗi lúc một dữ hơn trong đó. Đấy, ông lão này mới thật đúng là một chân thi sĩ đầy trong sáng, vô tư!

XV

Tôi không muốn đến toà soạn ăn sáng. Tôi tới một quán nhỏ ở phố Maxcôpxcaia. Tại đây tôi uống mấy chén rượu vốtca nhắm với cá trích: chiếc đầu cá nhỏ nằm trên đĩa, tôi liếc nhìn và nghĩ: “cả điều này nữa cũng nên viết – cá trích có cái mang màu vỏ trai”. Sau đó tôi ăn món bắp cải xào như với thịt đặt luôn trong một cái xanh nh. Khách ăn khá đông, mùi bánh trắng, mùi cá ướp rán thơm phức; ở gian bếp đầy khói bay, đám đầu bếp, hầu bàn mặc áo trắng chạy đi chạy lại, lưng cúi xuống, cổ hơi ngả về phía sau. Ông chủ quán, một kiểu người khá tiêu biểu cho cái gọi là “chất Nga”, đảo mắt soi mói liếc nhìn từng người trong đám làm thuê; ông ta đứng rất kiểu cách sau quầy hàng, thuần thực đóng cái vai trò ông chủ đầy nghiêm khắc và công minh. Có mấy nữ tu vận đồ đen đi hài xảo thô kệch như những con quạ lạng lẽ qua các dãy bàn khách ăn ngồi đây, khẽ cúi chào họ và chìa ra cuốn sách màu đen kèm theo tấm thánh giá nhỏ bằng bạc đặt trên bìa, đám khách nhăn mặt lục tìm trong ví mấy đồng xu xấu xí nhất... Cảnh này trông như là đoạn tiếp giấc mơ của tôi; hơi ngà ngà say vì uống rượu với món bắp cải xào như và ám ảnh bởi những hồi ức thời thơ ấu, tôi cảm thấy nước mắt sắp trào ra... Trở về nhà, tôi nằm xuống giường và thiếp đi. Trời đã ngả về chiều khi tôi tỉnh dậy với tâm trạng buồn rầu và ân hận; tôi chải đầu, ngắm nhìn mình trong gương, chợt thấy khó chịu với cái vẻ nghệ sĩ thái quá của mái tóc dài, tôi liền đi tới hiệu cắt tóc. Trong hiệu cắt tóc có ai đó thấp bé đang ngồi dưới tấm áo choàng trắng, đầu trọc lốc, tai vểnh ra như tai dơi. Bác phó cạo bôi rõ nhiều xà phòng trắng xóa trên mép và má. Bác khéo léo đưa dao cạo hớt đi cái đám bọt màu sữa ấy, bôi thêm một ít xà phòng lên phía dưới cằm rồi lại cạo đi bằng những động tác giật qua, giật lại. Cái ông “dơi” đó khệnh khạng đứng dậy, kéo theo trên mình cả tấm áo choàng, rồi cúi xuống, mặt đỏ gay, một tay giữ lấy áo choàng phía trước ngực, một tay thì rửa mặt.

– Ngài xúc nước hoa chứ ạ? – bác phó cạo hỏi.

– Cứ việc, – ông “dơi” đáp.

Và bác phó cạo bóp xì xì bình nước hoa, rồi lấy chiếc khăn nhỏ khê xoa xoa lên mặt lấm tẩm nước hoa của ông ta.

– Xong rồi đấy a, – bác phó cạo rành rẽ nói, tay cời chiếc ào choàng trên mình khách. Ông “dơi” đứng dậy và bây giờ mới thấy rõ diện mạo ông ta gồm giết thế nào: đôi tai to tướng vểnh ra trên cái đầu trọc lốc, mặt to bè bè và xương xấu, da dẻ đỏ au, đôi mắt mở to sáng như mắt trẻ, mồm miệng thâm đen, dáng vóc thì lùn tè, vai u, cổ ngắn, cặp chân khăng khiu và khuynh khuynh như vẫn thấy ở người Tácta. Thường thêm cho bác phó cạo ít tiền, ông ta mặc lại chiếc áo bành tô đen rất đẹp, đội chiếc mũ hình ống, châm lửa hút điếu xì gà rồi bước ra. Bác phó cạo nói với tôi:

– Anh biết ai đấy không? Một người giàu có bậc nhất, nhà buôn Eromacốp đấy. Anh có biết lần nào cũng như lần nào ông ta thưởng thêm cho tôi bao nhiêu không? Ngần này này!

Bác phó cạo xòe bàn tay ra, phá lên cười vui vẻ và nói:

– Đúng 2 xu!

Sau đó theo thói quen, tôi đi lang thang trên các phố. Nhìn thấy mảnh sân trước nhà thờ, tôi ghé vào đấy rồi bước vào trong nhà thờ, – tôi đã bắt đầu có thói quen đến nơi ấy vì cảm giác cô đơn, trống trải. Bên trong nhà thờ ấm áp, một khung cảnh buồn buồn trang nghiêm gợi lên từ ánh sáng lung linh của hàng chòm nến cháy trên những giá đỡ đặt vòng quanh chiếc bàn cao, trên mặt bàn dốc nghiêng có đặt cây thánh giá bằng đồng đính những hạt ngọc giả. Trước cây thánh giá là mấy nhà tu hành đang rầu rĩ kéo dài giọng ê a “Chúng con xin nghiêng mình trước thánh giá của Người, hồi đắng chí tôn...” Trong bóng tối mờ mờ cạnh lối vào có một ông già cao lớn đang đứng, mình khoác chiếc áo dạ dài, chân đi giày da, trông ông lão vạm vỡ, thô kệch như một con ngựa già; lão cất giọng ồm ồm hát theo như cố ý giễu cợt ai.

Trong đám người đứng trước chiếc bàn cao còn có một bàn đạo hành hương. Ông ta trông gầy gò một cách thâm trầm, gương mặt xương xương khắc khổ như gương mặt một thánh tông đồ nào đấy bị những món tóc dài đen sẫm che đi gần hết, mái tóc xõa xượi như tóc đàn bà thời tiền sử phủ

đầy bên má; tay trái ông cầm một chiếc gậy chống đã trơn bóng lên vì dùng lâu năm, phía sau vai đeo một chiếc túi da đen; ông đứng đơn đt động, tách biệt với mọi người. Tôi nhìn người hành hương và nước mắt lại chực trào ra, ngực tôi bỗng ứ nghẹn dâng lên một tình cảm dịu nhẹ, buồn rầu về tổ quốc, về nước Nga với cái vẻ xa xưa u tối.

Có ai đó từ đằng sau khẽ đập cây nến vào vai tôi; tôi quay lại – đằng sau tôi là một bà già lưng còng mặc áo bông dài, quàng tấm khăn san lớn, có một chiếc răng khểnh trông hiền lành: “Cậu cầm lấy này!” Tôi sung sướng ngoan ngoãn đón nhận cây nến từ bàn tay bà lão gầy guộc lạnh giá với những cái móng thâm tím, tôi bước lại gần chiếc giá đặt nến đang tỏa sáng, tự cảm thấy ngỡ ngàng với sự vụng về lóng ngóng của mình, tôi đặt qua quýt cây nến của mình xuống đó bên cạnh những cây nến khác. Bất chợt một ý nghĩ lóe lên trong đầu tôi: “Đi khỏi đây thôi!” Tôi lùi lại một bước, cúi mình xuống, lát sau tôi thận trọng lần đi trong bóng tối về phía cửa, để lại đằng sau mình ánh sáng gần gũi, ấm cúng của nhà thờ. Ngoài mái hiên che trên cửa vào, bóng tối đen kịt lạnh nhạt đón tôi, gió rít lên đầu đó trên cao... “Đi thôi!” – Tôi tự nhủ mình, đội mũ vào và quyết định đi Xmôlêncơ.

Sao lại đi Xmôlêncơ? Trong mơ ước của tôi trước kia thường vẫn hiện ra cái xứ Brianxcơ... Đến một hẻm phố tôi ghé vào một quán rượu. Trong quán một anh chàng bán thiu, đầu rũ xuống bàn, giả làm như say gào rống lên: “Bởi lỗi lầm ghê gớm, ta rơi vào cảnh khổ sai!”. Từ phía một chiếc bàn khác có kẻ nào đó đang khinh bỉ nhìn sang, tay này để ria mép đen lơ thơ, đầu hơi ngả về phía sau, – cứ trông vào cái cổ dài ngoằng với cái cục xương yết hầu nhòn nhọn nhô cao dịch lên dịch xuống sau làn da mỏng cũng có thể đoán rằng đó là một tên trộm. Bên cạnh chiếc bàn dài có một mù đàn bà say đang ngật ngưỡng đứng đấy, bộ váy áo dài ướt nhèm dán sát vào đôi chân gầy gò, chắc mù là thợ giặt. Mù đang kể lể cho người bán hàng về sự đốn mạt của ai đó, mù đập đập những ngón tay xương xẩu trắng nhợt xuống mặt bàn; chiếc cốc nhỏ vát cạnh đựng đầy vốtca đặt trước mặt mù, chốc chốc mù lại cầm một lúc, không đưa lên miệng uống rồi lại đặt xuống, nói huyên huyên một hồi, bàn tay đập đập xuống bàn. Tôi muốn uống bia,

nhưng không khí ẩm thấp trong quán quá hôi hám, ngọn đèn cháy quá leo lét, nước nhỏ long tong từ bậu cửa sổ nhỏ, từ đám giẻ lau bẩn thiu đặt ở đó...

Thật không may là ở nhà Avilôva có khách ngồi trong buồng ăn. “A,a! – nàng thốt lên.– Nhà thơ đáng yêu của chúng ta đây rồi! Các anh không quen nhau phải không?” Tôi cất tiếng chào nàng và cúi chào khách. Bên cạnh Avilôva là một vị khách già nua, mặt đầy nếp nhăn, ria mép tía gọn nhuộm màu hạt dẻ, mái tóc giả màu hạt dẻ, mặc áo gilê màu trắng, áo đại lễ màu đen; ông ta đứng dậy rất nhanh, cúi mình chào lại tôi một cách vô cùng lịch sự với một dáng điệu quá uyển chuyển so với lứa tuổi của ông; vạt áo đại lễ của ông ta có viền một cái đai đen mà bao giờ tôi cũng thấy thích. Tôi ghen tỵ và ao ước có một bộ cánh như thế. Ngồi chính giữa bàn là một bà luôn mồm nói rất khéo, bà ta chìa bàn tay đầy đặn trông như chân con hải cẩu, trên mu bàn tay còn in lại hình những ô trám của găng tay. Bà tay nói rất nhanh và lưu loát, chốc chốc có thể thấy bà ta dừng lại lấy hơi: bà ta hoàn toàn không có cổ, thân hình đầy đà, béo lẳn, đặc biệt là phía sau, gần bả vai, eo lưng tròn căng và chắc nịch. Trên vai bà ta quàng dải lông màu xám, mùi của nó trộn lẫn với mùi nước hoa ngọt ngào, mùi váy áo bằng dạ và hơi người gây một cảm giác ngọt ngọt.

Lúc trước mười giờ các vị khách đứng dậy, nói mấy lời đưa đẩy xã giao rồi ra về.

Avilôva bật cười.

– Chà, bây giờ mới được thoát đây! – Nàng nói.– Thôi, sang phòng tôi ngồi đi. Ở đây phải mở cửa sổ nhỏ cho đỡ bí... Nhưng mà anh bạn thân mến của tôi, trông anh làm sao ấy? – nàng dịu dàng trách tôi, chìa cả hai tay cho tôi.

Tôi cầm tay nàng và đáp:

– Ngày mai tôi đi rồi...

Nàng sợ hãi nhìn tôi

– Đi đâu?

– Đi Xmôlenxơ.

– Để làm gì?

– Tôi không thể sống tiếp thế này mãi được...

– Ở Xmôlenxcơ thì có gì mới chứ? Nhưng mà ngồi xuống đây đã... Tôi chẳng hiểu gì cả...

Chúng tôi ngồi xuống đi vắng phủ lớp vải sọc dùng vào mùa hè.

– Chị có máy thứ vải này không? – tôi nói. – Chính là thứ vải vẫn thường thấy trên toa tàu. Thậm chí tôi cũng không thể bình thản mà nhìn thứ vải này được, thoát thấy nó là muốn lên đường rồi.

Nàng ngồi lùi vào phía thành ghế, chân nàng để sát cạnh tôi.

– Nhưng sao lại đi Xmôlenxcơ? – Nàng hỏi và nhìn tôi bằng cặp mắt khó hiểu.

– Sau đó tôi sẽ đến Vitép... đến Pôlốt...

– Để làm gì?

– Tôi cũng không biết nữa. Nhưng trước tiên là tôi rất thích cái tên: Xmôlenxcơ, Vitép, Pôlốt...

– Không nói nghiêm chỉnh thì sao?

– Tôi không đùa đâu. Chẳng lẽ chị không biết rằng có một số từ nghe rất thú vị sao? Ngày xưa Xmôlenxcơ vô số lần bị cháy, luôn luôn bị vây hãm. Thậm chí tôi còn có cảm giác gần gũi thân thiết với thành phố đó – chính ở đây xưa kia, một vụ cháy khủng khiếp đã thiêu hủy cả một số văn bản của thành phố chúng ta, vì thế mà chúng ta chúng ta mất đi những quyền thừa kế nào đó và không còn hưởng những ưu tiên này nọ về dòng họ...

– Thế thì mỗi lúc lại một chán hơn thối buồn lắm phải không? Cô ta không viết thư cho anh à?

– Không. Nhưng chuyện đâu phải ở đây. Cả cái cuộc đời sống ở Ôriôn này chẳng hợp với tôi. “Hươu lang thang biết nơi rừng của nó...” Thêm vào nữa chuyện viết lách của tôi cũng chẳng vào đâu. Ngồi nhà suốt buổi mà trong đầu toàn những chuyện vớ vẩn, cứ hết như là tôi đã hóa điên rồi. Tôi sống bằng cái gì vậy? Đây như ở Baturinô quê tôi, một ông hàng xén có một cô con gái lẽ thì, cô ta hết hy vọng lấy chồng vì thế mà chỉ còn sống bằng thói thóc mách, soi mói người đời. Hình như tôi cũng đang lâm vào cảnh như vậy.

– Chao ời, anh còn trẻ con quá! – Nàng dịu dàng nói và xoa xoa tóc tôi.

– Chỉ những sinh vật thấp kém mới phát triển nhanh thôi – tôi đáp lại. – Thêm nữa, có ai lại không trẻ con? Đấy có lần, trên đường đi Ôriôn, tôi ngồi cạnh một ông ủy viên toà án vùng Êlét, trông ông ta bề vệ, nghiêm trang, giống như hình ông vua trên con bài pích... Ông ta ngồi rất lâu đọc tờ “Thời mới”, sau đó đứng dậy ra khỏi nơi ngồi và biến đâu mất. Tôi cảm thấy lo lắng, cũng đứng lên và mở cửa bước ra đầu toa. Do tàu chạy ầm ầm nên ông không biết tôi ra – và chị có biết tôi nhìn thấy cảnh gì không? Ông ta đang nhảy múa một cách đầy hăng say, chân gõ rất mạnh xuống sàn toa theo nhịp bánh con tàu.

Nàng ngược nhìn tôi rồi bất ngờ khẽ hỏi một câu đầy ý nghĩa:

– Anh có muốn chúng mình cùng đi Matxcova chơi một chuyến không?

Bất chợt tôi thấy rùng mình kinh sợ... Tôi đỏ mặt lấp bắp nói lời cảm ơn và từ chối... Cho đến bây giờ tôi còn nhớ lại phút ấy, với một nỗi đau mất mát lớn.

XVI

Đêm hôm đã ở trên tàu, trong ngăn buồng trợ trợ của loại vé hạng ba. Chỉ có một mình tôi trong đó, đến nỗi cảm thấy hơi sờ sợ. Ánh sáng yếu ớt từ ngọn đèn treo lung linh buồn buồn, chao đảo trên những tấm ghế băng. Tôi đứng bên khung cửa sổ màu đen, gió lạnh buốt thổi qua những lỗ hở không nhìn thấy, tôi lấy tay che ánh đèn hắt trên mặt, chăm chú nhìn vào bóng đêm cùng những cánh rừng. Hàng nghìn đốm lửa đỏ hồng bay lượn như ong ngoài kia, thỉnh thoảng lẫn trong gió đồng mát lạnh đưa lại mùi gỗ hương trầm, mùi củ cháy trong đầu tàu... Ôi, đêm rừng hôm nay sao âm đạm, nghiêm trang, kỳ vĩ đến thế! Con đường rừng nhỏ hẹp như kéo dài vô tận, bên đường là bóng những hàng thông trăm tuổi, cao vòi vọi, tán lá sum sê đen sẫm, đứng lặng yên mơ ngủ. Những ô cửa sáng nghiêng nghiêng in hình di động lên vạt tuyết trắng nằm dọc theo bìa rừng, chốc chốc lại thoáng hiện lên một cột điện thoại – rồi tất cả lùi lại đằng sau, chìm trong màn đêm bí ẩn.

Hôm sau một cảm giác tỉnh táo, hứng khởi đầy bất ngờ chợt đến: chung quanh yên ắng, trời đã sáng, tàu đang đỗ lại – đã là Xmôlenxơ, một ga lớn. Tôi nhảy ra khỏi toa, say sưa hít thở làn không khí trong lành... Trước cửa ga có đám đông người tụ tập: tôi chạy lại – trên mặt đất là xác một con lợn rừng săn được, thô kệch, to tướng, bị lạnh cứng lại, mình phủ đầy lông xám dính tuyết khô, đôi mắt nhắm nghiền, hai chiếc răng nanh dài thò ra. Ở lại đây chẳng? – tôi nghĩ – Không, đi tiếp thôi, đến Vitép.

Khoảng chập tối thì tôi đến Vitép. Trời băng giá, xung quanh ánh sáng nhờ nhờ. Khắp nơi tuyết trắng xóa, thanh sạch và vắng vẻ; tôi có cảm giác thành phố này thật cổ kính và không có vẻ gì là Nga cả: những ngôi nhà cao mái rất dốc, với những chiếc cửa sổ bé và cổng vào hình bán nguyệt thô kệch ở tầng dưới. Thỉnh thoảng lại gặp mấy ông già Do Thái mặc áo dài, đi tất trắng, giày vải, tóc dài để xõa xượi xoắn tít như lông cừu, đôi mắt trắng bệch lộ vẻ buồn buồn dò hỏi. Trên đường phố chính đang có cuộc vui

– một đoàn rất đông các cô gái đẩy đà chậm chậm bước trên hai hè phố; các cô ăn vận sặc sỡ kiểu Do Thái tỉnh lẻ, mình khoác những chiếc áo nhung dày, màu tím màu xanh, màu đen tuyền. Đi sau đám con gái ấy là mấy chàng trai khiêm nhường, lẻ loi đi phía sau, đầu đội mũ hình ống, tóc cũng để dài và xoăn, gương mặt bầu bĩnh, mịn màng như thiếu nữ, cổ áo lông dựng cao sát má, cặp mắt nhìn mệt mỏi như mắt linh dương... Tôi đi như người say, ngây ngất trong đoàn người ấy, giữa cái thành phố và tôi cảm thấy là thật cổ kính, giữa những điều mới mẻ kỳ diệu mà nó vừa đem tới cho tôi.

Trời tối hẳn, tôi đến một quảng trường nào đó, ở đấy có một ngôi nhà thờ màu vàng xây theo kiểu Ba Lan với hai tháp chuông. Bước vào trong nhà thờ tôi nhìn thấy những hàng ghế dài trong bóng tối mờ mờ, đằng trước trên bệ xây cao là một dãy nệm xếp thành hình vòng cung. Ngay lúc ấy, từ phía trên đầu tôi, bỗng chậm chậm cất lên tiếng đàn đại phong cầm đầy trầm tư, tiếng đàn nghe êm đềm xa vắng, mỗi lúc một to dần rồi bất ngờ rung lên, âm thanh lạnh lói vang xa trong vòm, thần tiên... Phía trước gần chỗ đặt nệm vọng ra lời hát cầu kinh lên bổng xuống trầm với những âm latin nghe qua giọng mũi. Dọc hai bên tường với những hàng cột đá đồ sộ nhòa trong bóng tối chập choạng, thấp thoáng hiện ra hình bóng đen đen những tượng binh sĩ mặc áo giáp sắt đứng trên sàn thấp xuống. Trên nóc nhà thờ mờ mờ hiện ra ô cửa sổ lớn....

XVII

Ngay đêm hôm đấy tôi lên đường đi Pê-téc-bua. Rời khỏi nhà thờ, tôi quay trở lại ga, đón tàu đi Pô-lốt: tôi muốn đến ở một khách sạn cũ kỹ nào đó tại thành phố ấy, không cần biết vì lẽ gì lại sống hoàn toàn đơn độc một thời gian. Tàu hỏa đi Pô-lốt rời ga rất muộn. Sân ga tối tối và vắng tanh. Trong quầy điểm tâm chỉ có mỗi ngọn đèn đặt trên bàn cao leo lét cháy, chiếc đồng hồ treo tường gõ nhịp thật chậm chậm như thể thời gian đã sắp cạn kiệt. Tôi ngồi một mình trong cảnh yên lặng như tờ với cảm giác lâu vô tận. Khi cuối cùng không biết từ đâu bay lại mùi nước trà nóng ấm xamôva và nhà ga bắt đầu nhộn nhịp, đèn thắp sáng lên, lúc ấy, không hiểu mình đang làm gì, tôi vội vàng lại mua vé đi Pê-téc-bua.

Ở đấy, trong nhà ga Vitép khi vô vọng chờ tàu đi Pô-lốt, tôi đã ném trái cái cảm cảm giác tách biệt đầy ghê sợ với cả thế giới xung quanh, cái cảm giác ngạc nhiên đầy khó hiểu không biết vì những gì đang hiện ra trước mắt, vì lẽ gì, vì sao tôi lại rơi vào giữa cái cảnh này? Quầy điểm tâm yên ắng, tranh tối tranh sáng với chiếc bàn cao và ngọn đèn leo lét cháy trên đó; khoảng không mờ mờ của gian nhà ga vừa dài vừa cao, với chiếc bàn lớn choán hết khoảng giữa, bày biện giống hệt như ở các ga khác; một ông già coi ga trông như đang ngái ngủ, lưng còng còng, vạt áo dài đằng sau buông thõng xuống. Khi mùi nước trà giữa đêm hôm từ ấm xamôva bay ra, ông già nọ lại lập cập trèo lên ghế cạnh tường, tay run run châm mấy ngọn đèn đặt giữa quả cầu kính dùng đục...; một viên sen đầm cao lớn gõ giày đình cồm cộp đầy hãnh diện đi qua quầy điểm tâm ra sân ga, trên mình khoác chiếc áo dạ capốt dài chấm gót, vạt áo xẻ đằng sau gợi nhớ tới một con ngựa nòi, tất cả cái đó là cái gì vậy? Để làm gì? Vì sao? Và cái mùi mát lạnh của đêm đông, của tuyết lạnh tỏa ra từ viên sen đầm, khi y đi từ sân sau ra ngoài ga, cái mùi vị ấy chẳng giống bất cứ cái gì! Đấy, đúng lúc ấy, tôi choàng tỉnh khỏi trạng thái bất động, vô cảm và không hiểu vì lẽ gì tôi bất ngờ quyết định đi Pê-téc-bua.

Ở Pôlốt trời mưa, cái mưa mùa đông nhỏ hạt, đường phố nhấp nháy bắn thiu. Tôi chỉ nhìn thành phố ấy qua những con tàu đang đỗ và cảm thấy thú vị với sự thất vọng của mình. Trên đường đi tiếp đó tôi ghi vào sổ tay: *“Một ngày dài vô tận. Trái dài ra vô tận là những cánh rừng và tuyết trắng. Ngoài cửa sổ lúc nào cũng vẫn là một màu trời nhợt nhạt và tuyết. Con tàu lúc chạy giữa rừng rợp bóng cây, lúc lại ra những cánh đồng bằng phẳng tuyết trắng xóa, mãi tận phía chân trời có cái gì ánh lên màu xám xám nhờ nhờ. Các nhà ga đều làm bằng gỗ... Ôriôn, đây mới đúng là miền Bắc!”*

Đối với tôi Pêtecua đã là tận cùng phương Bắc. Người xà ích đánh xe đưa tôi đi trong gió tuyết bịt bùng qua những con phố nhà cao giống nhau, ngăn nắp một cách khác lạ đối với tôi; xe chạy về phía phố Ligôpca, phía nhà ga Nhicôlaép. Mới ba giờ chiều mà chiếc đồng hồ tròn đặt trên toà nhà ga đồ sộ đã sáng lên qua màn gió tuyết. Tôi dừng lại gần bên ga, phía phố Ligôpca chạy dọc theo bờ kênh. Ở đây cảnh tượng thật đáng sợ – nào là kho chứa củi, nào là nơi đỗ xe ngựa, quán trà, hiệu ăn, quán bia. Tôi ngồi rất lâu trong khách sạn, nơi người xà ích khuyên tôi đến; cứ mặc nguyên áo ấm, từ độ cao của tầng sáu, tôi nhìn qua khung cửa sổ buồn bã, ngoài kia là trời đầy tuyết u ám sắp về chiều, người tôi mệt bã vì đoạn đường dài đã đi, trên con tàu lắc mạnh... Ôriôn, Pêtecua! Tôi cảm nhận điều này thật rành rẽ: tôi đang ở trong lòng thành phố ấy, bao bọc quanh tôi là vẻ kỳ vĩ âm u đáng sợ của nó. Trong khách sạn có đốt lò sưởi ấm áp, ngọt ngào mùi các tấm rèm che cửa bằng da cũ kỹ, chiếc đi văng cũng cũ kỹ như vậy, thứ nước sơn hồng hồng mà người ta vẫn dùng để lau cọ sàn nhà khách sạn loại tồi tỏa ra một thứ mùi nặng nặng. Tôi bước ra chạy vội xuống theo cầu thang xoáy tròn ốc. Dưới đường phố bão tuyết mịt mù lạnh buốt phủ vào mặt tôi; tôi tóm được một chiếc xe thoáng hiện qua màn tuyết và phóng nhanh tới ga Phần Lan để nhận biết cảm giác sắp ra nước ngoài. Ở đây tôi uống vội mấy chén rượu, đầu bốc hơi men – bất ngờ tôi gửi đi cho nàng một bức điện: *“Ngày kia anh sẽ đến”*

Matxcova cổ kính, rộng mênh mông và đông nghịt người đón tôi bằng ánh nắng mặt trời chói chang của một ngày ấm áp, tuyết tan, nước chảy

thành khe nhỏ, đọng lại từng vũng. Tiếng xe ray ngựa kéo chạy âm âm, chuông rung leng keng, nườm nượp những xe cộ, người đi chen chúc huyên náo, những chiếc xe trượt nặng nề với hàng hóa chất cao, khu điện Kremlanh với dãy tường bao quanh và những toà nhà nguy nga hiện ra như trong tranh khắc dân gian, những tháp tròn nhà thờ vàng óng nổi lên giữa đây. Tôi từng sờ nhìn ngắm nhà thờ Vaxili Blagiennưi, lân la trong các nhà thờ ở khu vực Krenlanh, ăn sáng tại nhà hàng Êgorốp nổi tiếng trên phố Hàng Săn. Tại đây cảnh tượng thật kỳ thú: ở tầng dưới là đám khách thương nhân đông đúc, ồn ào, còn trên gác có hai phòng trần thấp rất sạch sẽ, thoáng đãng, yên tĩnh, – thậm chí còn không ai được hút thuốc trên ấy, căn phòng sáng sủa, ấm áp trong ánh mặt trời chiếu qua khung cửa sổ bắt đầu từ phía sân, chú chim hoàng yến đứng trong lồng chốc chốc lại hót líu lo. Một ngọn đèn sáng trắng đặt ở góc phòng, chiếm cả phần trên một mặt tường là một bức tranh sơn mài màu sẫm, trên tranh vẽ hình mái nhà uốn cong xếp lổm đổm, một mái hiên dài và mấy người Trung Quốc kích thước lớn không cân xứng với cảnh chung quanh, mấy người này mặt đều vàng, mặc áo dài màu vàng, đội mũ chòm nhọn màu xanh trông giống như cái chao trên những chiếc đèn rế tiền... Ngay tối hôm đó tôi rời khỏi Matxcơva...

Ở thành phố của chúng tôi người ta đã không còn đi xe trượt nữa, ngoài ga gió từ biển Adốp thổi về dữ dội. Nàng chờ tôi trên sân ga khô ráo, không còn tuyết. Gió thổi rung rung chiếc mũ mỏng nàng đội, che khuất tầm mắt nàng. Tôi nhìn thấy nàng từ đằng xa, – nàng đang nhăn mặt vì gió, ngờ ngác đưa mắt nhìn tôi trên những toa tàu đang chạy. Trông nàng có vẻ gì xúc động, đáng thương, cái vẻ vẫn thường làm chúng ta ngỡ ngàng nơi người thân sau một thời gian xa cách. Nàng gầy đi ăn mặc tuềnh toàng. Khi tôi nhảy ra khỏi toa tàu, nàng muốn nâng tấm mạng che mặt lên nhưng không được, nàng lúng túng hôn tôi qua tấm mạng, mặt tái nhợt đi.

Trên xe ngựa nàng im lặng ngả đầu về phía trước hứng gió, chỉ thỉnh thoảng lại thốt lên một câu khô khốc đầy cay đắng:

– Anh đã gây ra cho em chuyện gì vậy, em đã phải chịu đựng biết bao!

Sau đó nàng nói với tôi với giọng nghiêm trang:

– Anh đến khách sạn “*Quý tộc*” chứ? Em sẽ đi cùng anh.

c vào phòng, – một phòng lớn trên gác hai,– nàng ngồi xuống đi vắng nhìn anh hầu phòng đỡ đặt chiếc va li của tôi lên tấm thảm đặt giữa nhà. Làm việc đó xong xuôi, người hầu phòng hỏi có cần sai bảo gì nữa không.

– Không cần gì nữa đâu,– nàng trả lời thay tôi.– Ông đi thôi.

Nàng cười mũ ra.

– Sao anh cứ im lặng mãi thế, không nói gì với em à?– nàng lãnh đạm hỏi, cổ mím đôi môi run run.

Tôi quỳ xuống ôm đôi chân nàng, đặt môi hôn qua lần vải, nước mắt trào ra. Nàng nâng đầu tôi lên– và tôi lại được biết, được cảm nhận đôi môi thân quen, đắm đuối ngất ngây của nàng, lại thấy trái tim hai đứa lặng đi trong niềm hạnh phúc tột cùng. Tôi đứng bật dậy, chạy ra khóa trái cửa, bàn tay lạnh ngắt hạ tấm rèm trắng nơi cửa sổ, – ngoài cửa sổ bóng cây xuân đang chao đảo trước gió, trên cây là một con quạ đang nhảy nhót và cất tiếng kêu đầy âu lo...

– Ba yêu cầu một điều, – nàng khẽ nói sau đó, lúc nằm yên bất động – cố lui lễ cưới lại dù chỉ nửa năm thôi. Anh cố chờ anh ạ, dù thế nào thì bây giờ đời em đã ở trong tay anh rồi, anh muốn đối xử với em thế nào chẳng được.

Mấy ngọn nến không thắp đứng nguyên trên giá gương, tấm rèm trắng nhờ nhờ rủ xuống bất động, từ trên trần nhà quét vôi hiện lên những hình thù trang trí đắp nổi dị kỳ.

XVIII

Chúng tôi cùng đi về một thành phố vùng Ucraina, nơi mà anh Ghêorghì của tôi đã chuyển từ Kháccốp đến sinh sống ở đấy. Cả hai chúng tôi đều nhận việc làm ở phòng thống kê nông thôn. Một bộ phận mà anh tôi phụ trách. Cả tuần lễ phục sinh chúng tôi ở Baturinô. Mẹ và em gái tôi đã rất yêu quý và chiều chuộng nàng, còn bố tôi thì đã thân thiết gọi nàng là “con”, sáng sáng đưa tay cho nàng hôn. Chỉ có anh Nhicôlai thì có vẻ giữ gìn, đối xử một cách lịch sự, chu đáo. Nàng lặng lẽ và bối rối đón nhận hạnh phúc, niềm vui mới mẻ được gắn bó với gia đình chúng tôi, với ngôi nhà, trang ấp của gia đình, với căn phòng mà thời thơ ấu của tôi đã trôi qua, – căn phòng giờ đây đã trở nên đẹp đẽ thân thương với nàng, nàng rụt rè sung sướng cầm xem những cuốn sách của tôi... Sau đó chúng tôi ra đi.

Tàu chạy đêm tới Ôriôn. Rạng sáng chúng tôi chuyển tàu sáng Kháccốp.

Khi chúng quanh đã chan hoà ánh mặt trời buổi sớm, chúng tôi đứng ngoài lối đi trên toa tàu bên khung cửa sổ nóng bức.

– Nghĩ cũng lạ thật anh ạ, trước đây em chưa từng đến đâu ngoài Ôriôn và Lipét! Nàng thốt lên.– Sắp đến Kurxcơ hử ảnh? Với em đã là miền Nam rồi đấy.

– Phải rồi, với anh cũng thế.

– Chúng mình sẽ ăn sáng ở Kurxcơ nhé, được không anh? Anh biết không, trong đời em chưa từng bao giờ được ăn sáng ngoài ga cả...

Qua Kurxcơ, càng đi xuống phía Nam, càng thấy ấm áp, háo hức hơn. Dọc hai bên đường sắt cỏ đã mọc xanh um, hoa đã nở, bướm trắng lượn bay – bướm bay là hè đã đến.

– Hè này chắc sẽ nóng lắm đấy!– Nàng mỉm cười nói.

– Anh anh viết thư nói rằng cả thành phố anh ấy ở đã chìm trong những vườn cây.

– Ờ, đấy là thuộc vùng Tiểu Nga rồi. Em chưa bao giờ nghĩ tới... Anh xem kìa, nhìn kìa, những cây dương kia cao thế! Lá thì xanh rờn rồi! Sao

lại nhiều cối xay bột thế kia?

– Gọi là cối xay gió đăi cối xay bột đău. Chốc nữa là thấy dãy núi trắng, sau đó là Bengôrốt rồi.

– Bây giờ em mới hiểu anh, em cũng không thể sống mãi ở miền Bắc, thiếu ánh sáng như thế này.

Tôi hạ tấm cửa sổ xuống. Gió nóng hoà trong khói từ đầu tàu mang theo mùi than cháy. Nàng nheo nheo mắt, nắng chiếu thành vệt dài trên mặt nàng, nắng rung rinh trên những món tóc mềm mượt xoà ra bên trán, nắng lóa sáng trên tấm áo vải hoa đơn sơ nàng mặc.

Trong thung lũng gần Bengôrốt đây đó hiện ra những vườn anh đào hoa nở khiêm nhường dịu nhẹ, những ngôi nhà trắng trắng. Ở ga Bengôrốt tôi được nghe giọng nói nhanh nhanh êm ái của mấy người phụ nữ Ucraina rao bán bánh mì vòng.

Nàng xuống ga mặc cả mua mấy thứ lật vặt, nét mặt nàng lộ vẻ hài lòng với việc làm nội trợ của mình, với việc sử dụng từ ngữ của vùng Tiểu Nga.

Buổi tối ở Khắccốp, chúng tôi lại đổi tuyến đường

Gần sáng tàu đã sắp tới nơi chúng tôi định đến.

Nàng còn đang ngủ. Nến trong toa tàu chỉ còn leo lét cháy, ngoài thảo nguyên bóng đêm còn bao phủ, nhưng ở tít tận chân trời phía đông một vệt sáng mờ mờ xanh lục đã dần hiện lên. Miền đất này thật chẳng giống miền quê tôi, – ở đây cánh đồng bằng trơ trọi trải dài ra vô tận, lác đác nổi lên những gò đất xanh rì. Một ga xép lặng yên như tờ vụn thoáng qua, xung quanh ga không một bóng cây, không một bụi cây, còn chính giữa ga thì xây bằng đá trần trụi, trắng trắng xanh xanh giữa thời khắc xuất hiện bí ẩn của bình minh... Những nhà ga ven đường mới đơn độc làm sao!

Và trên toa tàu ánh sáng mờ ảo của một ngày mới mẻ cũng đang dần dần hiện ra. Phía dưới sàn hãy còn nhờ nhờ tối, nhưng phía trên đã sáng mờ mờ. Trong giấc ngủ, nàng chột chui đầu vào dưới gối, hai chân co lại. Tôi nhẹ đắp lên mình nàng tấm khăn san bằng lụa cổ xưa mà mẹ tôi đã tặng nàng.

XIX

Nhà ga ở cách thành phố khá xa, trong một vùng đất trũng rộng. Nhà ga nhỏ nhắn và sạch sẽ. Trong ga các nhân viên phục vụ đều niềm nở, các phu khun vác ăn nói ngọt ngào, mấy người xà ích tốt bụng ngồi trên những chiếc xe bốn bánh đẹp mắt do hai ngựa kéo.

Cả thành phố chìm trong những khu vườn rợp bóng cây, ngôi nhà thờ lớn nằm trên sườn đồi cao quay về phía đông và phía nam. Trong thung lung phía đông lẻ loi hiện ra một ngọn đồi cao với tu viện cổ kính xây trên đỉnh, đằng sau đồi là cánh đồng xanh trồng trái nối tiếp với thảo nguyên. Thung lũng phía nam, nằm bên kia sông, với những cánh đồng cỏ xanh rờn, ánh mặt trời rọi xuống đến lóa mắt.

Trong thành phố nhiều đường phố trông như hẹp lại vì những khu vườn rậm rạp, những hàng dương mọc trên hè, nơi thường rất hay gặp một cô gái ngực nở nang kiêu hãnh, mặc váy sọc bó sát bên đùi, vai gánh đôi thùng nước đầy nặng. Những cây dương ở đây cao lớn, sum suê khác thường, tán lá rậm rì xanh rờn, mùi hương tỏa ra thơm ngát! – Mùa xuân ở đây bao giờ cũng rục rờ, đầy náo nức; mùa hè nóng bức, mùa thu kéo dài, trời xanh trong; mùa đông không lạnh lắm, gió ẩm ướt thổi về, những chiếc xe trượt găng chuông kêu leng keng, âm thanh mơ hồ nghe thật dễ thương.

Chúng tôi ở thuê nhà ông già Kôvancô, người cao lớn, vạm vỡ, nước da rám nắng, mái tóc bạc trắng cắt tỉa trong quanh đầu. Dinh cơ của ông già nằm trên một đường phố rợp bóng cây xanh có sân rộng, có nhà chính, nhà phụ và khu vườn phía sau nhà. Bản thân ông già thì ở trong ngôi nhà nhỏ nằm lọt giữa vườn và cho chúng tôi thuê cả ngôi nhà chính quét vôi trắng ẩn giữa bóng mát của khu vườn phía sau và gian nhà lớn tường lắp kính chạy dài phía tiền sảnh. Ông già một công sở nào đó; mỗi khi đi làm về, ông ăn thật no, nghỉ ngơi thoải mái, rồi sau đó trên mình chỉ vận đồ lót, ông ngồi bên cửa sổ mở toang nghe ngao hát, chốc chốc lại ngâm tâu hút thuốc.

Các phòng trong nhà trần đều thấp, bày biện sơ sài; ngoài hành lang nơi cửa vào có đặt một chiếc rương cổ trên phủ một tấm vải thô. Phục dịch trong nhà chúng tôi là một phụ nữ trẻ người kaxắc với vẻ đẹp có nét gợi nhớ đến người Nôgai.

Anh tôi tỏ ra dịu dàng và tốt bụng hơn xưa. Hy vọng của tôi đã thành sự thật – giữa anh và nàng ít lâu sau đã có quan hệ thân mật, gần gũi: mỗi lần có chuyện cãi cọ giữa tôi và nàng, hoặc giữa tôi và anh ấy, hai người luôn đứng cùng một “phe” với nhau.

Giới bạn bè đồng nghiệp quen biết của chúng tôi (bác sĩ, luật sư, công chức hội đồng địa phương) cũng giống giới bạn bè của anh tôi ở Kháccốp, – tôi gia nhập giới này khá dễ dàng, hài lòng được gặp trong số đó Lêontôvích và Vaghin, hai người này cũng mới chuyển từ Kháccốp đến. Giới bạn bè tôi giao du ở đây khác giới bạn bè Kháccốp ở chỗ những người ở đây điềm đạm hơn, cung cách sống cũng na ná như cảnh quan thành phố này, như cái vẻ hiền lành của xứ Mirôgôrôt; họ không phải chỉ niềm nở gặp gỡ với đủ hạng người trong thành phố mà cả với cảnh sát trường cũng giữ thái độ như vậy.

Chúng tôi thường tụ tập tại nhà một thành viên trong ban quản trị: ông ta là chủ nhân của năm nghìn mẫu ruộng và một đàn súc vật đông tới một vạn con, để làm vừa lòng gia đình, ông luôn tạo cho ngôi nhà mình một vẻ giàu sang, quý phái, còn bản thân ông, – một người thấp bé khiêm tốn, ăn mặc xuề xòa, trước đây đã từng ở miền Tacút, – thì lại trông như một người khách nghèo hèn trong ngôi nhà đó.

X

Trong sân có một cái giếng cổ xây bằng đá, trước ngôi nhà nhỏ là hai cây dạ hợp thân trắng, gần hiên là một cây hạt dẻ cao, tán lá màu sẫm tỏa bóng mát che nửa bên phải của gian nhà kính. Về mùa hè khoảng bảy giờ sáng cả ngôi nhà đã bắt đầu nóng rực sáng sủa, đầy ánh mặt trời, chốc chốc từ phía chuồng gà lại vọng tới tiếng cục ta cục tác đầy xáo xác hoang mang của mấy con gà mái. Nhưng bên trong nhà, nhất là ở mấy buồng phía sau cửa sổ hướng ra vườn, thì vẫn còn mát mẻ. Trong phòng ngủ, nơi nàng đang rửa mặt, chân đi đôi giày tácta nhỏ nhắn, bộ ngực để trần lạnh giá, mùi nước hoa, mùi xà phòng man mát; nàng ngượng ngùng quay mặt còn ướt về phía tôi, xà phòng còn dính trên gáy, và giậm gót xuống sàn nhà: “anh ra ngoài đi!” Lát sau từ phía cửa sổ hướng ra gian nhà kính thoảng bay lại mùi nước trà mới pha, – ở đây chị hầu phòng người kazắc đang đi đi lại lại: chị ta chân đi hài xảo không tất, chiếc cổ đeo chuỗi hạt hổ phách, mái đầu đen, đôi mắt xếch sáng quắc.

Anh tôi tới phòng uống trà, tay cầm điếu thuốc lá, nụ cười trên môi cùng dáng điệu của anh như thừa hưởng của bố; với tầm vóc thấp, béo trông anh không giống bố, nhưng cử chỉ quý phái của bố vẫn phần nào truyền lại được sang anh. Dạo này anh ăn mặc rất chỉnh tề; khi ngồi anh vắt chân chữ ngũ trông rất tự nhiên oai vệ, dáng điệu anh cầm thuốc hút cũng ra dáng quyền quý lắm. Trước đây mọi người đều tin rằng tương lai của anh sẽ rất xán lạn, chính anh cũng đã từng tin như vậy; bây giờ thì anh hoàn toàn bằng lòng với vai trò của mình ở cái chốn hẻo lánh này của miền Tiểu Nga. Khi tới chỗ uống trà, đôi mắt anh sáng lên, anh cảm thấy sức lực tràn trề, chúng tôi đã trở thành một bộ phận thân thiết của gia đình anh. Anh vẫn cùng chúng tôi đến sở, nơi một nửa công việc là hút thuốc lá và tán gẫu. Chuyện này đã là thú vui hàng ngày của anh. Cuối cùng khi thấy nàng ăn mặc chỉnh tề chải chuốt theo kiểu mùa hè vui vẻ bước vào, anh vui ra mặt, khẽ cúi hôn t

Chúng tôi đi dọc theo hàng dương đẹp đẽ, lấp lóa ánh mặt trời, bên những bờ tường và khu vườn nóng nực. Cái ô bằng lụa vàng của nàng mở tròn căng hiện ra giữa màu xanh rờn xung quanh. Sau đó chúng tôi qua một quảng trường nắng chang chang rồi đi vào ngôi nhà vàng của sở. Ở đây phía tầng dưới thoang thoang mùi ừng của mấy người gác công sở, mùi thuốc lá khen khét mà họ hút. Trên thang gác dẫn lên tầng hai mấy anh viên chức văn phòng tay cầm công văn, giấy tờ lên xuống với vẻ mặt đầy ưu tư, đầu hơi cúi xuống, mình vận áo vestông dạ đen bóng,— họ là hạng người khôn khéo, ranh ma tuy bề ngoài có vẻ giản dị chất phác. Chúng tôi đi qua cầu thang vào phía sâu trong tầng một, đến mấy căn buồng trần thấp, nơi bộ phận chúng tôi làm việc. Mấy căn buồng này đối với chúng tôi thật dễ chịu vì ở đây có những người đồng nghiệp ăn mặc xoàng xĩnh nhưng thông và linh hoạt... Tôi cảm thấy lạ lùng khi nhìn nàng ngồi trong những căn phòng này bên cạnh những tờ phiếu điều tra đủ loại mà nàng phải gấp gáp để vào phong bì gửi đi các huyện.

Đến trưa thì mấy người gác sở đưa cho chúng tôi nước trà đựng trong những chiếc cốc tồi tàn, cùng những chiếc đĩa xấu xí xếp mấy lát chanh; vẻ sơ sài lặp đi lặp lại này dạo đầu đem lại cho tôi một cảm giác thích thú nào đó. Bạn bè chúng tôi từ mấy bộ phận khác cũng thường ghé sang chỗ chúng tôi tán gẫu và hút thuốc. Anh chàng Xulima, thư ký của sở, cũng hay tới. Đây là một anh chàng khá đẹp trai, lưng hơi gù gù, đeo kính gọng vàng, mái tóc và bộ râu đen nhánh; dáng đi của anh cũng rất nhẹ nhàng uyển chuyển, nụ cười kín đáo và nói năng cũng vậy; anh ta lúc nào cũng mỉm cười, thường xuyên phô bày dáng vẻ mềm mại, uyển chuyển của mình; anh ta là một người rất thích ví von, tu viện đóng trên đỉnh đồi giữa thung lũng anh ta gọi là một hoà âm lặng lẽ. Anh ta hay sang phòng tôi và càng ngày càng nhìn nàng một cách đầy náo nức và bí ẩn. Bước lại gần bàn nàng ngồi, anh ta cúi sát bên tay nàng, nâng cặp kính lên và khẽ mỉm cười đầy dịu dàng ưu ái: “cô đang gửi đi các nơi cái gì thế?”. Vì thái độ ấy mà nàng càng làm ra vẻ đang chăm chú tập trung vào công việc, cố trả lời sao cho lịch sự hơn và cũng đơn giản hơn. Tôi hoàn toàn thấy yên tâm, bây giờ chẳng phải ghen tuông với ai nữa.

Cũng giống như hồi làm việc tại toà soạn báo “Tiếng nói” ở Ôriôn, ở sở này tự nhiên tôi cũng giữ một vị trí đặc biệt; dưới góc độ một nhân viên thì tôi vẫn thường bị mọi người nhìn nhận một cách giễu cợt đầy bao dung. Tôi ngồi và chậm rãi tính toán, lập thành những biểu thống kê, ở xã nào đó thuộc huyện nào đó người ta đã trồng được bao nhiêu thuốc lá, bao nhiêu củ cải đường, ở đây người ta đã dùng những biện pháp gì để chống lại côn trùng phá hoại củ cải. Đôi khi tôi chỉ đọc một cái gì đó, không để ý gì đến câu chuyện của mọi người xung quanh. Tôi rất mừng là mình đã có được một chiếc bàn riêng và tôi có thể yêu cầu văn phòng cấp cho với số lượng tùy thích bút mực, bút chì mới và giấy viết loại thượng hạng.

Hai giờ chiều công việc mỗi ngày kết thúc; anh tôi đứng dậy, nhoẻn miệng cười kêu, lên “nào về nhà thôi, các bạn!”. Mọi người hào hứng tìm mũ đội lên đầu, kéo cả bọn ra quảng trường bắt tay nhau rồi ai về nhà nấy.

XXI

Cho đến năm giờ chiều cả thành phố vắng tanh, các vườn cây như bị thiêu dưới nắng. Anh tôi đi nghỉ trưa còn chúng tôi thì nằm nghỉ trên chiếc giường rộng của nàng. Mặt trời đã vòng qua nhà, rọi vào cửa sổ buồng ngủ từ phía vườn cây; khu vườn cây xanh rờn in bóng trong chiếc gương treo trên chỗ rửa mặt. Ngày xưa, Gôgôn đã học ở thành phố này, cả vùng quanh đây đều in dấu chân ông, – Mirogôrôt, Ianôpsina, Sisaki, Iarexki, – chúng tôi thường cười và cùng nhau nhớ lại câu Gôgôn đã viết: “Cái ngày hè ở vùng Tiểu Nga thật là kỳ diệu và đáng say mê!”

– Dù sao thì cũng nóng quá! nàng nói và vui vẻ thở dài. – Mà sao nhà mình ở lẩm ruồi thế! À, tiếp theo cây là đoạn về vườn cây thế nào anh nhỉ?

– “Những côn trùng bé xíu với lớp vỏ óng ánh đủ sắc màu như ngọc bám trên tán là vườn cây...”

– Cảnh này tuyệt thật đấy anh ạ. Em ao ước được tới miền Mirogôrôt. Thế nào cũng phải đi anh ạ. Đúng không? Chúng mình cùng đi anh nhé! Nhưng mà sao cái ông Gôgôn ấy bình sinh tính lập dị hay cau có thế.

Trong đời mình, ngay cả khi còn trẻ, ông ta chẳng bao giờ phải lòng ai hết...

– Phải rồi, cả thời trẻ ông ta chỉ một lần duy nhất hành động ngu ngốc – ấy là đi Liubéch.

– Đại loại như chuyến đi Pêtécbua của anh... Vì sao mà anh thích đi thế?

– Thế vì sao em thích nhận thư?

– Bây giờ thì em nhận thư của ai mới được chứ!

– Dù vậy thì em vẫn thích nhận thư. Con người ta luôn luôn chờ đợi cái gì đó thật thú vị, hạnh phúc, mơ ước có một niềm vui nào đó, gặp một sự kiện nào đó khác thường. Rồi còn luyện ý chí nữa chứ, được thấy những khoảng trời bao la... những gì mới lạ bao giờ cũng hứa hẹn niềm vui, cho ta cảm giác rằng mình đang được sống. Mà tất cả chúng ta thực ra chỉ đi tìm cái đó, tìm trong mọi tình cảm mạnh mẽ.

– Phải rồi, phải rồi, đúng thế đấy.

– Em vừa nói chuyện anh đi Pê-téc-bua. Giá như em biết lúc ấy anh sợ hãi thế nào, ở đấy anh đã hiểu ngay ra một chân lý vĩnh viễn với anh rằng tự sâu thẳm tâm hồn mình anh là người miền Nam. Gô-gôn viết từ Italia rằng: “Pê-téc-bua, tuyết trắng, bọn đê tiện và các công sở, trong mơ tôi nhìn thấy đủ thứ như vậy: tình dục tôi tưởng mình đang ở quê hương”. Anh cũng đã choàng tỉnh như vậy. Anh không thể bình tâm m những từ như: Trighirin, Trerơ-kát, Khô-rôn, Lúp-nư, Trerơ-tô-mi-ức, Đic-ô-ê Pô-lê; anh không thể đứng đưng mà thấy những mái nhà lợp cói, những mái tóc đàn ông cắt ngắn, những bà nhà quê đi ủng màu vàng, màu đỏ, gánh trên vai những túi, sọt đan bằng vỏ cây đưng đầy anh đào và mận. Séptrencô đã viết những câu thơ về miền đất ấy. Ông quả là một nhà thơ tuyệt diệu! Chẳng có xứ sở nào trên thế giới đẹp hơn vùng Tiểu Nga. Điều chủ yếu là bây giờ nó không còn lịch sử nữa,— đời sống lịch sử của nó từ lâu đã chấm dứt vĩnh viễn rồi. Chỉ còn lại quá khứ với những bài ca, những huyền thoại về nó,—một cái gì đó đứng ngoài thời gian. Điều này làm anh say mê hơn cả.

– Anh thì lúc nào cũng nói – say mê, ngưỡng mộ

– Cuộc sống chính là phải trở thành niềm say mê đấy em ạ.

Mặt trời đã xế bóng, nắng rọi qua khung cửa sổ mở toang chiếu xuống sàn nhà, ánh nắng phản chiếu từ chiếc gương rung rinh trên trần. Những bậu cửa sổ lóa ánh mặt trời, ngoài đó ruồi bay loạn xạ. Chốc chốc có con lại bám lên đôi vai trần mát lạnh của nàng. Một chú chim sẻ bỗng đậu xuống bên cửa sổ, nó lác lác nhìn quanh rồi lại bay vụt lên, biến mất trong màu xanh lấp lánh của vườn cây đã bắt đầu đón ánh mặt trời trong trong sắp lặn.

– Anh kể gì nữa đi, – nàng nói.— Này anh, chúng mình liệu có lúc nào đó cùng đi chơi Krưm không? Ồ, giá như anh biết được em mơ ước đến đấy thế nào! Nếu được tới đó, thì anh có thể viết được một truyện nào đấy,— em có cảm tưởng rằng anh sẽ viết rất tuyệt anh ạ,— nếu chúng mình có tiền thì chúng mình xin nghỉ phép... Vì sao anh lại thôi không viết? Anh như thế là người tiêu ma, phá tan những khả năng của mình!

– Trong đám người kazác thường có những kẻ lang thang. Chắc anh cũng là một kẻ lang thang như vậy. Trong sổ tay ghi chép của Gôgôn có đoạn tả thật hay thế này:”Một con chim âu thảo nguyên với cái mào cao cao hình bán nguyệt từ d đường vụt bay lên... Dọc hai bên đường, ngăn cách với đồng bằng mênh mông bất tận chỉ là những hàng cây ké xanh thâm thấp mọc. Đây đó những cành hướng dương mọc nhô cao bên bờ rào và những rãnh sâu, thấp thoáng mái lợp rơm trên những ngôi nhà quét vôi trắng xóa với ô cửa sổ xinh xinh chung quanh có khung sơn màu đỏ... Ôi, miền đất Nga cổ xưa, nơi đây tình cảm con người như chân thành hơn, thiên nhiên Xlavơ hiền hoà hơn!”

Nàng chăm chú lắng nghe. Sau đó bất chợt nàng hỏi:

– Anh này, sao hôm nọ anh lại đọc cho em một đoạn của Gôgơ thế? Đoạn ông ấy rời khỏi nàng Phơrêdêrica và bất ngờ nhìn thấy một chàng kỵ sĩ đang đi đầu đầy, mình vận chiếc áo cộc tay màu xám viền kim tuyến. Đoạn này rồi thế nào nữa anh nhỉ?

– *“Chàng kỵ sĩ này chính là ta. Trên mình ta là chiếc áo xám cộc tay viền kim tuyến, chiếc áo trước đây ta chưa hề mặc”*

– Ủ mà cái cảnh này cũng vừa tuyệt vời vừa đáng sợ thật. Sau đó anh có nói tiếp là mỗi người khi còn trẻ đều có chiếc áo cộc viền kim tuyến đúng như trong mơ ước... Tại sao ông ta lại bỏ rơi nàng?

– Ông ta nói rằng ông ta luôn luôn bị “con quỷ” của ông ta xui khiến.

– Phải rồi, cả anh nữa ngày mai đây cũng chán em thôi. Nói thật cho em nghe nào – anh ao ước điều gì nhất.

– Anh ao ước điều gì ư? Được làm một vị lãnh chúa cổ xưa nào đó ở miền Krưm và sống với em trong lâu đài Bắctrixarai... Cả vùng Bắctrixarai nằm lọt giữa hẻm núi đá nóng kinh người nhưng trong lâu đài thì lúc nào cũng chìm dưới bóng cây mát mẻ, chung quanh là đài phun nước, ngoài cửa sổ là những rặng dâu xanh...

– Không, anh nói nghiêm chỉnh cơ.

– Anh nói nghiêm chỉnh đấy. Lúc nào anh cũng sống với những điều tưởng tượng vô lý ghê sợ. Chẳng hạn như là con chim âu thảo nguyên ấy, nó chứa đựng trong mình cả thảo nguyên lẫn biển... Anh Nhicôlai có lần

cười nói với anh rằng bấ sinh anh là một kẻ ngu si: anh cảm thấy khổ sở vì câu nói đó. Cho đến khi một lần tình cờ đọc được câu Đêcắc viết rằng trong đời sống tinh thần của ông những ý nghĩ sáng sủa hợp lý bao giờ cũng chiếm một phần không đáng kể.

– Thôi được rồi, thế trong lâu đài có phần dành cho phụ nữ ở không? Em hỏi nghiêm chỉnh đấy. Chính anh có lần chứng minh với em, anh còn nhớ chứ, rằng trong tình yêu của đàn ông có pha trộn nhiều thứ tình cảm yêu đương khác nhau, rằng tình yêu ấy anh đã từng cảm thấy khi ở gần bà Nhiculina, rồi sau này là với chị Nadia Avilôva... Đôi lúc anh tỏ ra thành thật với em một cách tàn nhẫn! Cách đây không lâu anh còn nói câu gì đó đại loại như vậy về cái chị người kazác ở thuê cho chúng ta.

– Anh chỉ nói rằng khi nhìn chị ta anh rất muốn đi tới miền thảo nguyên khô cằn nào đó, và sống trong một túp lều bạt.

– Đấy thấy chưa, chính anh nói rằng anh muốn sống với chị ta trong lều bạt.

– Anh không nói là với chị ta.

– Thế thì với ai? – Ôi, lại chim sẻ! Em rất sợ mỗi lần chim sẻ bay vào và đập phải gương!

Nàng chồm dậy, vồ vồ thật nhanh và vụng về. Tôi ôm choàng lấy nàng, hôn lên vai, lên chân... Làn da trên mình nàng chỗ mát lạnh, chỗ nóng hôi hổi; điều này khiến tôi ngỡ ngàng hơn cả.

XXII

Về chiều nắng nực giảm đi. Mặt trời đã khuất phía sau nhà. Chúng tôi ngồi uống trà trong phòng kính, bên cạnh cửa sổ mở ra sân. Lúc này nàng đọc rất nhiều những giờ ấy nàng hay đặt nhiều câu hỏi với anh tôi, và anh tôi thích thú chỉ dẫn cho nàng cặn kẽ. Chiều thật yên ắng, lặng gió, – chỉ có mấy chú nhạn thoáng bay qua sân rồi bỗng vút lên cao, mất hút trong thình không xa thẳm. Họ nói chuyện với nhau, còn tôi thì lắng nghe tiếng ai đang hát. Bài ca hát về mấy người dân quê đang gặt lúa trên mấy cánh đồng cao cao. Âm điệu bài ca phẳng lặng, ngân dài, thấm đượm nỗi buồn ly biệt, tiếp đó là những âm thanh rần rỏi, hùng dũng về những đoàn quân.

Bài ca như buồn bã dỗi theo đoàn quân kazắc đang chậm chậm tiến qua thung lũng, dẫn đầu là vị tướng Đô-rô-sen-cô vinh quang...

Tôi lắng nghe tiếng bài hát, trong lòng cảm thấy buồn buồn pha chút ghen tỵ ngọt ngào.

Vào lúc hoàng hôn chúng tôi đi dạo chơi, thình thoảng đi lên phố, có lúc tới vườn hoa nhỏ trên bờ đất thoai thoải gần nhà thờ, có khi ra cánh đồng ngoài thành phố. Trong thành phố có vài đường phố lát đá, – đó là khu buôn bán của người Do Thái với một số lượng nhiều đến khó hiểu những hiệu đồng hồ, thuốc tân dược và hiệu thuốc lá. Những đường phố này còn giữ nguyên cái nóng sau một ngày mặt trời thiêu đốt, trên những ngã tư có quầy giải khát, ở đó khách bộ hành có thể uống những cốc xirô đủ màu sắc. Điều này nhắc tôi nhớ tới niềm Nam, thúc giục tôi đi xa hơn về phía Nam, – tôi vẫn còn nhớ dạo ấy không hiểu sao tôi rất hay nghĩ tới miền Kerosơ. Nhìn từ trên nhà thờ xuống thung lũng, tôi mừng tượng ra mình đang đi đến Krêmemtrúc, đến Nhicôlêp. Ra cánh đồng ngoài thành phố chúng tôi thường đi qua vùng đầu ô phía tây trông hệt như thôn quê. Những ngôi nhà, vườn cây, ruộng dưa hầu năm sát bên con đường thẳng tắp dẫn đến Mirogôrôt. Tít tận đằng xa trên con đường dọc theo hàng cột dây thép có chiếc xe do hai con bò kéo đang chậm chậm lăn bánh rồi dần dần mất hút

đi trên biển thảo nguyên như hàng cột điện cũng dần dần trở nên bé như cái que rồi không còn thấy nữa. Đó là đường tới Ianópsina, Iarexca, Sisaki...

Nhiều khi chúng tôi dạo chơi buổi tối trong công viên thành phố. Ở đây có dàn nhạc chơi, hàng hiên sáng ánh đèn của nhà hàng nổi bật lên từ xa như một cái sân khấu. Anh tôi đi thẳng vào nhà hàng, còn tôi và nàng thỉnh thoảng đi về phía vườn giáp với bờ sông cao cao. Đêm tối đen, ấm áp. Trong bóng đêm phía dưới, đây đó thấp thoáng ánh đèn, những bài ca khi bỗng khi trầm nghiêm trang vọng lại – đó là những đám thanh niên vùng ngoại ô đang hát. Bài ca như hoà lẫn vào bóng đêm yên tĩnh. Đoàn tàu với những ô cửa sáng rầm rập chạy qua, tiếng động của nó nhỏ dần, nhỏ dần – lúc đó tôi cảm thấy thật rõ cái thung lũng này xa, sâu đến thế nào, vệt sáng đoàn tàu dần mất hút trong đó như thể nó chui sâu xuống đất. Tiếng hát lại nghe rõ, cả vòng cung chân trời bên thung lũng như chìm trong tiếng ếch kêu mơ hồ không dứt.

Khi chúng tôi bước lên hàng hiên đông đúc người ở nhà hàng, ánh sáng ở đây khiến chúng tôi ngỡ ngàng lóa mắt. Anh tôi lúc này đã ngà ngà say, vẻ mặt hiền hoà, ngay lập tức vẫy tay gọi chúng tôi lại bàn, nơi anh ngồi cùng Vaghin, Lêontêvích, Xulima. Mọi người hồ hởi xếp chỗ ngồi cho chúng tôi, cho gọi thêm rượu vang trắng, đưa thêm cốc và đá. Lát sau tiếng nhạc đã ngừng, vườn cây quanh hiên đã vắng vẻ chìm trong bóng tối, thỉnh thoảng có làn gió nhẹ từ đâu thổi tới, mấy ngọn nến đặt trong chụp thủy tinh bám đầy côn trùng bé lấm tấm; nhưng mọi người vẫn tiếp tục nói chuyện, thời gian còn sớm sủa. Cuối cùng thì mọi người đều thấy rằng đã đến lúc phải ra về. Tuy nhiên chúng tôi cũng không chia tay ngay – chúng tôi kéo cả đoàn đi về nhà, vừa đi vừa nói to, nện gót giày cồm cộp. Vườn cây đã yên lặng như tờ, che phủ một màn đen bí ẩn, trăng muộn màng nhô lên trên đường chân trời tỏa ánh sáng vàng mờ nhạt, ấm áp. Khi chỉ còn anh em tôi cùng nàng đi vào sân nhà mình, ánh trăng đã rọi xuống đầy, soi sáng gian nhà kính; có tiếng con chim chích chón nào kêu khe khẽ; mỗi một cái lá cây dạ hợp mọc gần ngôi nhà nhỏ, mỗi cành cây đều in bóng rõ ràng mềm mại lên bức tường màu trắng.

Trước lúc ngủ là những phút dịu dàng thân thương nhất. Trên chiếc bàn nhỏ, ngọn nến sáng mờ mờ. Làn gió đêm mát lạnh từ ngoài cửa sổ thổi vào như mang theo niềm hạnh phúc trẻ trung, tươi mới. Nàng khoác chiếc áo ủ ngồi ở mép giường, đôi mắt đen sẫm nhìn lên ngọn nến và tết đuôi sam mềm mại.

– Đây, anh cứ ngạc nhiên vì thấy em thay đổi, – nàng nói. – Những giá anh biết được rằng chính anh thay đổi thế nào. Chỉ có điều là anh ngày càng ít để ý đến em hơn! Nhất là khi không phải chỉ có chúng mình bên nhau. Em sợ rằng em đã thành cái gì đó như không khí đối với anh; không thể sống thiếu nó, nhưng cũng chẳng để ý tới nó. Có đúng thế không? Anh nói rằng chính cái đó mới là thứ tình yêu lớn nhất. Còn em lại cảm thấy rằng điều này có nghĩa là với anh chỉ có em thôi thì chưa đủ.

– Chưa đủ, chưa đủ đâu, – tôi vừa đáp vừa cười. – Với anh bây giờ tất cả cũng chưa đủ.

– Em muốn nói thêm là: anh lúc nào cũng muốn đi đâu đấy. Anh Ghêorghi đã nói với em là anh đang xin đi công tác nhiều nơi với một số nhân viên thống kê. Để làm gì vậy? Đội nắng mà đi, ngồi xe mà hứng bụi đường, sau đó thì ngồi trong trụ sở nóng bức của hội đồng hàng xã mà hỏi đám dân quê theo các phiếu điều tra mà em đã gửi đi khắp nơi...

Nàng ngược nhìn lên, vắt đuôi sam ra sau vai.

– Điều gì đã thôi thúc anh đi như vậy?

– Chỉ có một điều là anh thấy hạnh phúc, quả thật với anh bây giờ tất cả còn là chưa đủ.

Nàng cầm lấy tay tôi:

– Có đúng là anh thấy hạnh phúc không?

XXIII

Lần đầu tiên tôi về đúng cái nơi mà nàng đã rất muốn đi cùng tôi,— theo con đường Mirogôrôt. Vaghin được cử đến Sisaki về việc gì đó và anh ta đưa tôi đi cùng.

Tôi vẫn còn nhớ lần ấy nàng và tôi đều sợ ngủ quá giờ cần phải dậy,— phải lên đường trước khi trời nắng, càng sớm càng tốt,— nàng nhẹ nhàng đánh thức tôi, bản thân nàng thì dậy từ lúc trời chưa sáng, pha trà cho tôi. Nàng cố nén nỗi buồn lo cho tôi phải đi một mình. Trời mát mẻ và âm u, chốc chốc nàng lại nhìn ra cửa sổ: chẳng lẽ mưa sẽ làm trở ngại cho chuyến đi của tôi sao? Cho đến giờ tôi vẫn còn nhớ cái cảm giác êm dịu xốn xang trong lòng khi hai đứa chúng tôi choàng dậy vì nghe tiếng chuông rung ngoài cổng; chúng tôi vội vàng chia tay nhau và chạy ra cổng tới bên cạnh chiếc xe ngựa mà trên đó anh chàng Vaghin khoác áo dài rộng và đội mũ lưỡi trai màu xám đang ngồi.

Sáu đó tiếng nhạc ngựa như chìm đi trong khoảng không vô tận: một ngày mới đang đến khô ráo và nóng bức; chiếc xe ngựa chạy đều đều trên con đường ngập bụi; cảnh tượng xung quanh đơn điệu đến mức một lúc sau đã không còn đủ sức nhìn ra phía chân trời xa sang sáng mơ hồ, cũng như căng thẳng chờ đợi một cái gì đó từ đấy. Đến trưa cánh đồng lúa mì rộng bát ngát chìm trong biển nắng này bỗng hiện ra một cảnh đầy vẻ du mục: đó là những trại chăn nuôi cừu của Kôtrubây. Ngồi trên xe lắc lư, tôi vội ghi vào sổ tay: *“Trưa nắng, những trại cừu. Bầu trời xám đi vì oi nồng, lác đác thấy chim ưng và chim sẻ... Tôi cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc!”* Ở Ianôpsina tôi ghi lại về một quán trọ: *“Ianôpsina, một quán trọ cũ kỹ, bên trong lúc nào cũng tối. Ông chủ người Do Thái bảo rằng ông ta không có bia “mà chỉ có nước giải khát” thôi. – “Nước gì vậy?” – thì nước giải khát mà! Nước giải khát Phianka”*. Ông Do Thái này người gầy gò, mặc chiếc áo vạt dài; còn nước giải khát thì lại do một cậu học trò mang từ phòng trong ra; cậu ta người phục phịch to béo, chiếc thắt lưng mới quàng

qua tấm áo choàng màu xám nhạt; mặt mũi đẹp đẽ khôi ngô giống như kiểu người Ba Tư: đây là con trai ông ta.

Qua vùng Sisaki tôi liền nhớ ngay tới ghi chép của Gôgôn: “*Giữa con đường bằng bồng gặp một nơi đất trũng – bờ đất thoải dốc sâu xuống – phía dưới sâu là rừng cây xanh rì, cánh rừng này nối tiếp cánh rừng kia – xa xa là dải cát vàng lấm tấm ánh bạc... Bên bờ sông nước xiết có chiếc cối xay gió với cánh quạt dài đang lừ đừ quay, phát ra tiếng kêu cọt kẹt...*” Dưới thung lũng sâu, phía dưới bờ ao, dòng sông Pơxiôn lượn vòng uốn khúc, một khu làng lớn với những vườn cây xanh hiện ra. Chúng tôi vào làng và tìm rất lâu ở đây nhà một ông tên là Vaxilencô, người có công chuyện với Vaghin. Khi tìm được rồi thì ông ta đi vắng, chúng tôi phải ngồi chờ lâu dưới gốc cây bồ đề cạnh nhà ông, chung quanh là bãi cỏ ẩm ướt với tiếng ếch nhái kêu ra rả. Sau khi chủ nhân về, cả buổi tối chúng tôi ngồi luôn ở đây trò chuyện với Vaxilencô, cùng ăn uống; ngọn đèn hắt ánh sáng lên những lá cây xanh, nhưng xa hơn một chút bao quanh chúng tôi là màn đêm đen kịt.

Sau đó từ trong bóng đêm bất ngờ có tiếng cánh cổng bị đẩy ra và cạnh bàn chúng tôi ngồi xuất hiện cô bạn của Vaxilencô, vốn là y tá của làng; gương mặt cô ta trắng xanh, nhợt nhạt. Tất nhiên là liền đó cô ta biết Vaxilencô đang có khách từ trên tỉnh về. Phút đầu tiên cô ta ngượng ngùng không biết phải xử sự thế nào, nói năng rời rạc, lát sau cô ta đã chạm cốc uống với chúng tôi ít rượu và bắt đầu cười phá lên mỗi lần tôi pha trò. Cô ta có vẻ rất dễ xúc động, lưỡng quyền cao, mắt đen sắc sảo, đôi tay gân guốc, xương bả vai nhô ra, bộ ngực căng đầy lên sau lớp áo mỏng màu xanh da trời, eo lưng thon thả, đùi vế chắc lẳn. Đến khuya tôi tiễn cô ta về. Chúng tôi đi trong bóng đêm lần theo cái rãnh khô của một hẻm nhỏ nào đấy. Đến gần bờ giậu, cô ta dừng lại và bất ngờ gục đầu vào ngực tôi. Phải cố lắm tôi mới rời được cô ta để quay lại...

Ngay hôm sau, tôi cùng Vaghin trở về tới nhà rất muộn. Nàng đang nằm trên giường đọc sách; trông thấy tôi nàng ngạc nhiên mừng rỡ chồm dậy – “Anh về rồi đấy ư?”. Tôi nhanh nhẩu thuật lại cho nàng nghe cả chuyến đi của mình; vừa cười vừa kể cả chuyện cô y tá làng, nàng bèn ngắt lời tôi

– Sao anh lại kể với em chuyện đó?

Mắt nàng rân rân lệ.

– Sao anh nhẫn tâm với em thế! – Nàng vừa nói vừa lật đật đi tìm chiếc mùi xoa dưới gối. – Anh bỏ em lại một mình còn chưa đủ sao?...

Sau này trong đời bao lần tôi đã nhớ những giọt nước mắt ấy! Tôi còn nhớ nguyên những gì đã đến với tôi vào hai mươi năm sau cái đêm ấy. Chuyện này xảy ra ở một nhà nghỉ nằm bên bờ biển Bétxarabi. Tôi đi tắm về và đang nằm trong phòng. Đó là trưa hè đầy nắng, gió: ngoài vườn xung quanh nhà đưa lại tiếng gió ào ào lướt qua tán lá, cây cối nghiêng ngả đung đưa, nằm trong bóng râm, nơi lóa ánh mặt trời... Mỗi lần gió rào rào cuốn tới, nó rẽ đôi khu vườn cây mọc ngoài cửa sổ phòng tôi, để lộ bầu trời nắng chang chang; ngay lúc đó trần nhà quét vôi trắng như cũng chuyển sang màu tím ngắt. Lát sau, chung quanh dần yên ắng trở lại, gió biến mất ở phía cuối vườn, nơi giáp với bờ biển trải dài thấp xuống. Tôi nhìn cảnh vật ấy, lắng tai nghe và bất chợt nghĩ: hai mươi năm về trước, ở một nơi hẻo lánh của miền Tiểu Nga đã lụi sâu vào quên lãng, nơi chúng tôi mới bắt đầu cuộc sống chung, cũng đã từng có một buổi trưa giông giống thế này.

Hôm đó tôi thức dậy muộn, – nàng đã đi làm – cửa sổ trông ra vườn cũng mở toang, và bên ngoài gió cũng gào rít, cây lá cũng nghiêng ngả lấp lóa ánh mặt trời thế này. Một cơn gió lạnh ấm áp tạt vào nhà đưa lại mùi xào nấu thơm thơm của bữa sáng sắp tới. Tôi mở mắt, hít thở làn gió ấy, chống khuỷu tay lên gối mình, nhìn sang chiếc gối đặt cạnh còn thoáng đượm hương tóc nàng, chiếc khăn mùi xoa còn lại đó: sau khi nàng làm lành với tôi, nàng vẫn để nguyên chiếc khăn đó trong tay. Tôi chợt nhớ lại ngày hôm ấy, nhớ lại rằng đã một nửa đời tôi trôi qua thiếu vắng nàng; tôi đã chứng kiến bao điều trên thế giới này, và lúc này vẫn còn sống tiếp, còn được thấy tiếp, mà nàng thì từ lâu lắm rồi không còn nữa, giữ đời này. Đầu óc tôi bỗng lạnh toát, tôi bỏ chân từ đi vắng xuống rồi bước ra ngoài: chân tôi bước nhẹ tênh trên con đường rợp bóng cây về phía bờ đất cao cao, từ trên đó nhìn xuống vịnh biển màu xanh xanh lúc này sao bỗng trở nên vừa thật đáng sợ, vừa kỳ diệu với vẻ đẹp mới mẻ nguyên sơ...

Đêm hôm ấy tôi thề với nàng rằng chẳng bao giờ tôi đi đâu nữa. Rồi vài ngày sau tôi lại lên đường.

XXIV

Dạo chúng tôi ở Baturinô, anh Nhicôlai nói với tôi:

– Anh thật lòng tiếc cho em! Em đã sớm đeo thánh giá lên cổ mình.

Nhưng tôi chẳng cảm thấy mình đeo thánh giá.

Tôi coi công việc tôi làm là chuyện tình cờ và cũng không thể nhìn nhận mình như người có vợ. Chỉ một ý nghĩ thoáng qua rằng đời mình thiếu vắng nàng đã đủ làm tôi kinh sợ, nhưng tôi cũng khó tin rằng chúng tôi có thể mãi mãi sống bên nhau không rời một bước: lẽ nào trong tương lai chúng tôi sẽ cặp kè bên nhau và sống như thế cho đến khi đầu bạc răng long, sẽ như mọi người là có nhà cửa, con cái? Lúc ấy tôi không thể nào hình dung được mình sẽ có nhà và có con.

– Ít nữa chúng mình sẽ làm lễ cưới anh ạ,– nàng vừa nói vừa mơ màng nghĩ đến mai sau.– Em vẫn rất muốn thế anh ạ, mà, sau nữa, có gì đẹp hơn lễ cưới không! Có lẽ rồi chúng mình sẽ có con... Anh không muốn thế sao?

Có gì ngọt ngào bí ẩn khiến trái tim tôi se lại. Nhưng tôi lại nói đùa:

– “Người bất tử thì sáng tạo, còn kẻ hữu hạn thì sản sinh ra những cái giống mình”

– Còn em? – nàng hỏi. – sẽ sống thế nào, khi tình yêu và tuổi trẻ của chúng ta qua đi và anh không cần gì đến em nữa?

Nghe nàng nói lời đó thật buồn, và tôi hăng hái đáp lại:

– Không bao giờ có cái gì qua đi cả, không bao giờ anh thôi cần có em đâu!

Bây giờ đến lượt tôi (như đi dạo ở Ôriôn là nàng) muốn được yêu và yêu mà vẫn là người tự do, giữ ưu thế trong mọi chuyện.

Cái phút tôi xúc động nhất là khi nàng tết xong đuôi sam trước lúc đi ngủ, nàng bước lại gần hôn tôi và chúc tôi ngủ ngon, tôi thấy nàng thật bé bỏng, nàng đứng sát bên tôi và ngược mắt nhìn lên.

Tôi cảm thấy tình yêu của mình đối với nàng ghen ứ trong lòng những khi thấy nàng tỏ ra trung thành tuyệt đối với tôi, nàng từ bỏ bản thân mình và tin vào cái gọi là quyền của tôi được có thứ tình cảm và hành vi đặc biệt.

Chúng tôi thường hay nhớ lại cái mùa đông đầu tiên của chúng tôi ở Ôriôn, nhớ lại cảnh chúng tôi đã chia tay nhau thế nào, tôi bỏ đi Vitép ra sao. Tôi nói:

– Đây, còn Pôlốt nữa, vì sao anh lại thích đến đây? Cái tên Pôlốt này từ lâu đã khiến anh nhớ ngay tới truyền thuyết cổ xưa về vị công tước Kiép tên là Voxêláp mà anh đã học được ở đâu đó từ hồi bé. Công tước Voxêláp bị người em tước mất quyền bính, ngài phải bỏ chạy đến một miền hẻo lánh, sống nghèo khổ lay lắt, phải làm lụng vất vả, ký ức thì luôn hồi tưởng lại những ngày còn được hưởng chức trọng quyền cao ở Kiép xưa kia; tối tối nghe tiếng chuông cầu nguyện ở Pôlốt, ngài mừng tượng như vắng ra từ nhà thờ Xôphia ở Kiép. Từ đạo ấy Pôlốt của thời xa xưa ấy luôn luôn hiện ra trong tâm trí anh như là một thành phố kỳ lạ vừa cổ kính vừa xác xơ: ở đây, một ngày đông u ám hoang sơ, có thành quách xây bằng gỗ súc với những ngôi nhà thờ cũng làm bằng gỗ, những túp nh đen, những bãi tuyết đầy in dấu chân người, ngựa. Khi cuối cùng anh đến được Pôlốt thật thì lẽ tự nhiên là anh không tìm thấy ở đó cái gì na ná giống với cảnh anh đã tự tượng tượng ra. Tuy nhiên, đến nay trong anh vẫn còn tồn tại cả hai Pôlốt – Pôlốt trong tưởng tượng và ngoài cảnh thật. Và cả cái cảnh Pôlốt thật bây giờ anh vẫn thấy đầy thi vị: phố xá thì buồn tẻ, ẩm ướt, lạnh giá, u ám, còn ở ngoài ga thì có một gian phòng lớn ấm áp với những cửa sổ to hình bán nguyệt, những chùm đèn đã được thắp sáng tuy ngoài trời vẫn còn chưa tối hẳn: trong phòng rất đông người, dân sự có, quân nhân có, bọn họ đang ăn vội ăn vàng trước khi tàu đi Pêtécbua tới, đâu đâu cũng nghe thấy tiếng người trò chuyện, tiếng dao thìa chạm đĩa lách cách, mùi nước sốt, mùi canh cải bốc lên từ những khay thức ăn đặt trên tay mấy người hầu bàn lượn đi lượn lại...

Lần nào cũng vậy, vào những phút như thế, bao giờ nàng cũng chăm chú lắng nghe tôi kể lể, và nghe xong rồi, nàng tỏ thái độ đồng tình: “Phải rồi, phải rồi, em rất hiểu anh!” Nhân cơ hội ấy tôi gợi ý cho nàng nghĩ tiếp:

– Gơơ nói rằng: “Bản thân chúng ta phụ thuộc vào những người được chúng ta che chở”. Có những xúc cảm mà anh hoàn toàn không cưỡng lại được: đôi khi hình dung của anh về một điều gì đó gợi cho anh nỗi dần vật khát khao đến cái nơi mà anh đã thấy cái gì đó, tức là đến với cái ẩn sau hình dung ấy, – em hiểu không: “ẩn đằng sau!” – thế cho nên anh không thể diễn tả rõ ràng với em được!

Có lần tôi và Vaghin đi tới Kazatri Brôđư, một làng cổ ở hạ lưu sông Đơnhép; chúng tôi tới chứng kiến cuộc di dân ở đây tới tỉnh Útxuri. Sáng hôm sau chúng tôi trở về bằng tàu hỏa. Khi tôi từ ga về, nàng và anh tôi đã đến nhiệm sở rồi. Da dẻ tôi rám nắng, trong lòng cảm thấy khoan khoái thú vị với chính mình, khao khát kể càng sớm càng hay cho nàng và cho anh tôi nghe về cảnh tượng hiếm hoi mà tôi đã được chứng kiến, – cả một đoàn hàng nghìn người khởi hành ngay trước mắt tôi đến cái xứ lạ lùng cách xa làng họ tới vạn dặm đường. Tôi bước nhanh qua gian nhà trống trải đã được thu dọn gọn gàng, bước vào buồng ngủ để rửa mặt và thay quần áo. Một cảm giác vừa sung sướng vừa đau đáu chọt đến với tôi, khi tôi nhìn thấy nhìn đồ dùng lặt vặt của nàng, từ chiếc lược, cái gương đến chiếc gối nhỏ viền đăng ten lăn lóc trên giường. Những đồ vật ấy thật thân thiết quý giá đối với tôi, vẻ cô đơn của chúng khiến tôi thấy mình vừa hưởng hạnh phúc vừa có lỗi với nàng. Tôi bỗng thấy trên chiếc bàn nhỏ một cuốn sách đang đọc dở, tôi dừng lại một lát: đó là cuốn “Hạnh phúc gia đình” của Tônxtôi. Trên trang đang để mở có mấy dòng nàng viết: *“Những ý nghĩ hồi đó, những tình cảm hồi đó tôi có thực ra đã không phải là của tôi mà những ý nghĩ, tình cảm của anh ấy đã bất ngờ trở thành của tôi...”*. Tôi lật thêm mấy trang tiếp theo và lại thấy mấy chỗ nàng viết bên lề: *“Mùa hè năm nay đã nhiều lần vào buồng ngủ, tôi không còn mang theo nỗi buồn khát khao hy vọng về tương lai nữa, tôi chỉ còn chìm trong nỗi lo cho hạnh phúc hiện tại... Một mùa hè như thế đã qua đi, và tôi cảm thấy mình thật cô đơn. Anh ấy lúc nào cũng đi đây đi đó không thương tiếc và không sợ để tôi lại một mình...”*

Tôi đứng lặng đi mấy phút. Hóa ra trước đây tôi không hề ngờ rằng nàng đã có thể có (và đang có) những tình cảm và ý nghĩ sâu kín, buồn rầu, giấu

điểm. Những cảm xúc đó được diễn đạt bằng thời quá khứ! “Những ý nghĩ hồi đó, những tình cảm hồi đó... Mùa hè năm nay đã nhiều lần vào buồng ngủ...”. Bất ngờ nhất là câu cuối cùng: “Một mùa hè như thế đã qua đi, và tôi cảm thấy mình thật cô đơn...” Có nghĩa rằng những giọt nước mắt của nàng đêm ấy, khi tôi từ Sasaki trở về, hoàn toàn đã không phải là tình cờ?

Tôi đến sở, vào phòng làm việc với tâm trạng đầy hứng khởi, tôi hôn nàng và anh tôi một cách vui vẻ, luôn mồm trò chuyện cười đùa. Tôi giấu kín nỗi dằn vặt khổ sở, cố chờ cho đến lúc chỉ còn mình tôi với nàng, tôi liền dẫn giọng nói:

– Hóa ra khi vắng anh, em đã đọc cuốn “Hạnh phúc gia đình” phải không?

Nàng đỏ bừng mặt.

– Em có đọc, nhưng sao cơ?

– Anh ngạc nhiên với những đoạn em viết bên lề!

– Sao vậy?

– Vì qua đó hoàn toàn rõ ràng là em đã cảm thấy cay đắng sống với anh, em thấy cô đơn và tuyệt vọng.

– Sao anh bao giờ cũng hay phóng đại mọi chuyện thế! – nàng nói. – Tuyệt vọng gì mới được chứ? Chẳng qua là em thấy hơi buồn một chút, và quả tình em đọc cũng thấy mấy chỗ giống giống... Em muốn anh tin rằng chẳng có gì giống như điều anh đã tưởng tượng ra đâu.

Nàng muốn ai tin? Muốn tôi hay muốn chính mình tin? Tuy nhiên tôi cũng rất mừng được nghe những lời ấy– tôi rất muốn tin nàng, tin nàng thì càng hay cho tôi. Mấy câu Gôgôn viết lại bất chợt hiện ra trong tâm trí tôi “Con chim Âu thảo nguyên với cái mào cao cao hình bán nguyệt từ dệ đường bay vút lên... Nàng chạy đi, dải vải xanh thắt ngang eo lưng, bộ ngực rung rung sau lần vải, đôi chân không giày để trần đến đầu gối, hồng hào, khỏe mạnh...” Còn bao điều “ẩn đằng sau” những cảnh ấy nữa! Và làm sao tôi có thể từ chối những cái đó được! Thêm nữa tôi nghĩ rằng những cái đó hoàn toàn hoà hợp được với nàng. Tôi viện đủ lý do cổ thuyết phục nàng một điều rằng: “Hãy chỉ sống bằng anh và cho anh, đừng tước đi tự do của anh, – anh yêu em và vì thế mà chỉ càng yêu em hơn”. Tôi có

cảm rằng tôi yêu nàng đến mức muốn làm gì cũng được, lỗi lầm nào cũng đáng tha thứ.

XXV

– Anh khác đi rất nhiều đấy,– nàng nói. – Trông anh có vẻ răn rỏi hơn, hiền hoà hơn, dễ thương hơn. Anh đã trở thành người yêu đời.

– Ấy thế mà anh Nhicôlai cũng như ba em đều tiên đoán trước là chúng mình sẽ rất bất hạnh.

– Đó là do anh Nhicôlai chẳng hề có chút cảm tình nào với em. Em đã phải chịu đựng thái độ lịch sự lạnh nhạt của anh ấy ở Baturinô thế nào anh cũng không thể hình dung ra đâu.

– Ngược lại thế em ạ, anh ấy nói đến em với tình cảm đầy dịu dàng, quý mến. Anh ấy nói rằng anh ấy rất thương em, em còn bé bỏng thế mà rồi cái gì đang chờ em ở phía trước: cuộc sống của chúng mình ít năm nữa sẽ có khác gì đâu so với cuộc sống của một viên chức thuế vụ phố huyện? Em có nhớ anh đã có đùa đùa vẽ ra viễn cảnh mai sau của mình chứ? Căn hộ ba buồng và lương năm mươi rúp một tháng...

– Anh ấy chỉ thương anh thôi.

– Thương thế chẳng hay – anh ấy nói thêm rằng anh ấy chỉ còn mỗi hy vọng là cái thói “buông tuồng” của anh sẽ cứu chúng mình, rằng anh sẽ không đủ khả năng để leo lên bậc thang công danh, rằng chẳng bao lâu nữa chúng mình sẽ chia tay nhau: hoặc là anh sẽ nhẫn tâm bỏ em, hoặc là em sẽ bỏ anh, sau một thời gian ngồi làm cái việc thống kê nhàn nhã ấy và chợt hiểu ra số phận mai sau mà anh đã sắp đặt sẵn cho em.

– Anh ấy hy vọng về em như vậy là vô ích thôi – em không bao giờ bỏ anh đâu. Em chỉ xa anh trong trường hợp em thấy mình không còn cần cho anh nữa, rằng em làm phiền anh, cản trở tự do của anh, thiên chức của anh...

Khi con người gặp điều bất hạnh, anh ta thường trở đi trở lại mãi với một ý nghĩ day dứt vô bờ: điều bất hạnh ấy đâu từ bao giờ và bằng cách nào vậy? Nó bắt nguồn từ những điều gì và sao tôi lại bỏ qua cái điều có thể cảnh tỉnh trước cho tôi? “Em chỉ xa anh trong trường hợp...” Sao tôi lại

không để ý tới lời lẽ như vậy, thế nghĩa là dù sao nàng cũng không loại trừ khả năng có một trường hợp như thế.

Tôi đánh giá quá cao vào thiên chức của mình, sử dụng tự do của mình ngày càng buông thả hơn – anh Nhicôlai nói đúng. Thế rồi càng ngày tôi càng thấy khó ngòi ở nhà hơn: cứ hễ có ngày nào rồi là tôi lập tức lên đường đi đâu đó.

– Em ở đâu về mà rúm nắng thế này? – Anh tôi hỏi trong bữa ăn, – em lại biến đi đâu thế?

– Em đến tu viện, ra bờ sông và nhà ga...

– Và bao giờ cũng đi một mình, – nàng trách móc nói. Bao nhiêu lần anh ấy hứa sẽ cùng đi với em đến tu viện, em chỉ mới tới đấy có một lần, tu viện đẹp thật. Ở đó có tường thật dày, có các tu sĩ và rất nhiều chim nhạn...

Tôi ngượng ngùng và đau đớn ngẩng lên nhìn nàng. Nhưng sợ mình mất tự do, tôi chỉ nhún vai đáp:

– Em cần nhìn gì các tu sĩ?

– Thế anh cần gì?

Tôi cố gắng lái câu chuyện sang hướng khác:

– Hôm nay ở ngoài nghĩa địa anh thấy một chuyện lạ lùng: một cái huyệt đào sẵn còn để trống – một vị tu sĩ nào đó đã chuẩn bị trước phần mình một cái mộ có trồng cây thánh giá đã ghi rõ tên người chôn ở đây, sinh ngày nào năm nào, thậm chí còn ghi sẵn cả chữ “tạ thế” – chỉ có điều ngày chết còn để trống. Khắp nghĩa địa chỗ nào cũng sạch sẽ, ngăn nắp với những con đường nhỏ và hoa tươi – thế rồi bất ngờ có cái mộ chờ người chôn

– Đấy, anh thấy chưa.

– Thấy cái gì mới được.

– Anh cố tình không muốn hiểu em. Nhưng thôi cái đó tùy anh thôi. Tuốcghênhép đã nói rất đúng rằng...

Tôi ngắt lời:

– Hình như bây giờ em chỉ đọc sách với mục đích tìm cái gì đó giống giống chuyện mình và anh. Ừ mà tất cả phụ nữ đều đọc sách theo kiểu vện vào mình như vậy cả.

– Cũng được thôi, dù em có là đàn bà thì em cũng chẳng ích kỷ như thế...

Anh tôi nhẹ nhàng nói chen vào:

– Thôi, xin các bạn ngừng đi cho!

XXVI

Đến cuối mùa hè năm ấy vị trí của tôi trong sở đã được ổn định thêm hơn: trước đây tôi chỉ làm theo hợp đồng, còn bây giờ thì được tuyển vào biên chế và nhận một cương vị hết sức phù hợp với tôi: trở thành người trông coi thư viện của sở – cái gọi là thư viện ấy bao gồm những sách báo tích tụ lại dưới tầng hầm của sở từ bao lâu nay. Xulima đã nghĩ ra chức danh ấy cho tôi, và theo quy định của sở thì phận sự của tôi là phân loại, sắp xếp ngăn nắp số sách báo đó, đưa chúng vào một nơi dành riêng cho thư viện – đó là một phòng dài có trần hình vòm nằm ở phía trên tầng hầm, với những giá sách và tủ đứng. Tiếp nữa tôi phải trông coi số sách báo đó và phát cho nhân viên trong sở sử dụng tạm thời những sách báo nào mà phòng này, phòng nọ cần đến vào những dịp khác nhau. Tôi đã phân loại, sắp xếp, chuyển số sách báo đó đi, và bắt đầu trông coi chúng, chờ người nào cần thì phát cho mượn. Nhưng chẳng phải cho ai mượn cả, – các phòng chỉ cần đến tài liệu này nọ vào mùa thu, trước kỳ họp các hội đồng địa phương, – nên tôi chỉ còn phải làm mỗi việc trông coi, tức là ngồi trong căn phòng trần hình khum khum này, nơi mà tôi hết sức thích thú bởi những bức tường dày đồ sộ, bởi sự yên tĩnh tuyệt đối, – không một âm thanh nào có thể lọt vào đó. Căn phòng có những ô cửa sổ nhỏ, nằm tít trên cao, qua đó ánh sáng mặt trời lọt vào và có thể nhìn thấy những bụi cây, cỏ dại mọc trên mảnh đất hoang sau ngôi nhà của sở. Cuộc sống của tôi từ đấy trở nên tự do hơn: suốt ngày này qua ngày khác tôi ngồi trơ trọi một mình trong cái ngôi nhà mờ ảo ấy mà viết, mà đọc. Khi nào muốn, tôi có thể cả tuần không lộ mặt tới đây, khóa trái cái cửa gỗ sồi thấp lè tè và đi đâu tùy thích.

Không biết vì lẽ gì tôi hay đến Nhicôlaép, nhiều lần đi một mình tới một ngôi làng ngoại ô, nơi có hai anh em theo giáo thuyết Tônxtôi đến sống một cuộc sống khổ hạnh. Có một dạo, chủ nhật nào tôi cũng đi tới một ngôi làng lớn toàn dân Ucraina nằm sau cái ga đầu tiên ngoài thành phố, rồi trở về nhà rất muộn bằng chuyến tàu đêm... Việc gì phải đi như thế? Nàng cảm

thấy bên cạnh một số lý do, còn có một lý do thầm kín đã là mục đích những chuyến lang thang của tôi. Câu chuyện tôi kể về cái cô y tá ở Sisaki đã ám ảnh nàng nhiều hơn tôi tưởng. Từ dạo ấy trong con người nàng tình cảm ghen tuông ngày càng lớn dần lên, nàng luôn cố gắng che giấu tình cảm ấy, nhưng không phải lúc nào cũng làm được. Chừng hai tuần sau khi nghe tôi kể câu chuyện ở làng Sisaki, ngược hẳn với tính cách một cô gái phúc hậu, cao thượng, nàng đã bất ngờ hành động như một “bà chủ” thực sự – nàng kiếm được một cơ gì đó và dứt khoát trả tiền công bà giúp việc người kazắc và cho thôi việc:

– Em rất biết, – nàng khó chịu nói với tôi, – là chuyện này làm anh phiền lòng: còn thế nào khác được, như anh vẫn nói đấy, chị ta đi lại trong ngôi nhà này rất chi là điệu đà, cổ chân tròn lẳn, đôi mắt xếch sáng quắc! Nhưng anh quên mất rằng chị ta tính tình xấc xược, ngang bướng mà sức chịu đựng của em thì có ạn...

Tôi hoàn toàn chân thành đáp lại nàng:

– Sao em lại đi ghen với anh? Đấy, anh cứ nhìn đôi tay tuyệt vời của em và nghĩ rằng vì một cánh tay của em thôi anh chẳng bao giờ thêm dòm dỏ gì hết đến mọi mỹ nữ trên đời này. Nhưng anh là nhà thơ, là nghệ sĩ, thế mà vô luận thứ nghệ thuật nào, theo Gơơ, cũng đều mang sắc thái cảm giác.

XXVII

Một lần vào tháng tám, trước khi trời tối, tôi đi đến làng để gặp mấy người theo giáo thuyết Tônxtôi. Thành phố vắng ngắt vào cái giờ vẫn còn nóng nực, thêm nữa hôm đấy là thứ bảy. Tôi đi ngang những cửa hiệu của người Do Thái còn đóng kín, qua những dãy phố buôn bán cổ. Chuông nhà thờ chậm chậm điểm giờ cầu kinh buổi chiều, bóng những ngôi nhà, vườn cây đã đổ dài ngoài phố, nhưng trời vẫn còn oi nồng, cái oi nồng thường thấy ở các thành phố phương Nam vào cuối mùa hạ, khi các khu vườn đều bị hun nóng từ ngày này qua ngày khác, khi mà khắp mọi nơi, trong thành phố, cũng như ngoài thảo nguyên, trên những ruộng trồng dưa – đậu đậu cũng bao trùm một không khí mệt mỏi, bất hảo của một mùa hè kéo dài.

Trên quảng trường gần giếng nước của thành phố, có một người phụ nữ Ucraina đang đứng yên như pho tượng nữ thần, chị ta đi hài xỏ không tất, đôi mắt màu hạt dẻ, cái trán rộng như vẫn thường thấy ở người Ucraina và người Ba Lan. Ánh chiều muộn dọi xuống con phố từ quảng trường dẫn tới chân đồi, in trên thung lũng. Xuôi theo đường phố ấy, tôi rẽ vào một hẻm nhỏ nằm giữa hai trang ấp một vùng ngoại ô, rồi ra một bãi cỏ để leo lên ngọn đồi trông xuống thảo nguyên. Trên bãi cỏ, lác đác những ngôi nhà trát đất sét quét vôi màu trắng, màu xanh, nổi lên giữa những ngôi nhà ấy là bãi đập lúa mì lợp mái che; đang đập lúa ở đây là những người dân quê mm nào vừa cất tiếng hát hoang dã, tuyệt vời vào những đêm mùa hạ. Từ trên đồi nhìn xuống, cả thảo nguyên mênh mông cho đến hút tầm mắt là cả một màu rơm rạ vàng óng của cánh đồng lúa mì mới gặt. Trên con đường rộng đất bụi phủ dày đến nỗi có cảm giác như đang đi trong ủng nhung. Xung quanh, cả thảo nguyên và cả bầu trời – đều sáng loà lên dưới ánh mặt trời sắp lặn. Mé trái con đường, chỗ rẻo đất cao nằm lên thung lũng, có một ngôi nhà tường trắng xóa – đó chính là nơi ở của mấy người theo giáo thuyết Tônxtôi. Tôi rời đường đi đến khu đất ấy bằng qua cánh đồng còn trơ gốc rạ. Cả khu trang trại vắng ngắt, trong nhà cũng như quanh đều trống

trái. Tôi nhìn qua ô cửa sổ để mở – trong nhà cơ man nào là ruồi đen bám đầy tường, trần và những chiếc bình để trên giá chạn, chúng bay loạn xạ. Tôi nhìn qua cửa buồng súc vật để toang – trong đấy cũng chỉ thấy bóng chiều đỏ quạch đang chiếu lên đám phân khô. Tôi bước ra ruộng dưa và nhìn thấy cô vợ của người ít tuổi hơn trong số môn đồ của Tônxtôi. Cô ra ngồi ở bờ rìa ruộng dưa. Tôi lại gần – cô ta không thấy tôi hay là làm ra vẻ như không nhìn thấy: cô vẫn ngồi nghiêng bất động, dáng vóc nhỏ nhắn, cô đơn, đôi chân trần doãi về một bên, một tay chống xuống đất, tay kia cầm cọng rơm ngậm trong miệng.

– Chào cô, – tôi bước lại gần lên tiếng trước – Sao cô trông buồn vậy?

– Chào ông, ông ngồi xuống đi, – cô ta mỉm cười nói, vứt cọng rơm đi và chìa bàn tay rám nắng về phía tôi.

Tôi ngồi xuống và ngắm cô: hoàn toàn còn đang là một cô bé gái canh ruộng dưa. Mái tóc vàng hoe vì hứng nắng mặt trời, chiếc áo sơ mi kiểu thôn quê với đường xẻ rộng nơi cổ, chiếc váy đen bằng vải thô bó sát cặp đùi nở nang. Đôi chân trần không giày dép của cô nhỏ xinh và cũng rám nắng, – tôi thầm nghĩ, làm cô ta có thể cứ chân trần như thế mà đi trên những chỗ đầy phân súc vật hoặc nơi có cỏ mọc nhọn sắc! Cô ta là dân cùng miền chúng tôi, nơi người ta không thích để lộ chân trần, vì thế mà tôi cảm thấy vừa lúng túng, ngượng ngùng, vừa khát khao nhìn đôi chân cô. Nhận ra cái nhìn của tôi, cô rút chân lại.

– Người nhà của cô đi đâu cả rồi?

Cô lại mỉm cười.

– Mỗi người đi một ngả rồi anh ạ. Một ông thì ra bãi cỏ đập lúa mì giúp bà góa nghèo túng nào đó, một ông thì đem thư vào thành phố cho một vị giáo sư khả kính: đó là báo cáo trong tuần lễ về mọi lỗi lầm, cám dỗ mà chúng tôi gặp phải và đã vượt qua được. Thêm nữa còn một chuyện mà cũng cần thông báo: ở Kháccốp người ta đã bắt ông Pavilốpxki vì tội rải truyền đơn – tất nhiên là truyền đơn chống bắt lính.

– Hình như tâm trạng cô không được vui.

– Em chán lắm, – cô nói, đầu lắc lắc rồi hơi ngả về phía sau. – Em không thể chịu được nữa, – cô khẽ khàng nói tiếp. – Không chịu gì mới được?

– Không thể chịu được mọi thứ. Ông cho em xin điều thuốc.

– Thuốc lá ư?

– Phải rồi, thuốc lá.

Tôi đưa thuốc cho cô, bật diêm lên, cô ta vội vã và lóng ngóng cầm lấy thuốc, hít mấy hơi ngắn rồi chụm môi nhả khói theo kiểu đàn bà. Cô im lặng đưa mắt nhìn về khoảng trời xa sau thung lũng. Mặt trời xuống thấp là mặt đất, vẫn còn rọi nắng lên vai chúng tôi, lên những trái dưa nặng nề nằm bên chúng tôi trên thửa ruộng khô cằn giữa những bụi dưa như rắn bò dài trên mặt đất...

Bất ngờ, cô quăng điều thuốc đi, gục đầu xuống chân tôi mà khóc nức nở. Tôi vội an ủi cô, xoa xoa lên đôi vai và cúi hôn mái tóc thơm thơm mùi nắng gió...

Còn ở thành phố Nhicôlaép thì sao? Sao tôi lại cần đến nó? Trên đường đi tới tôi ghi vài đoạn:

– Vừa mới đi khỏi Krêmentrúc, đang là buổi chiều. Tại Krêmentrú, tại sân ga, trong quầy điểm tâm, đâu cũng đông nghịt người. Trời phương Nam oi bức. Chen chúc theo kiểu người miền Nam. Trên toa tàu cũng vậy. Phần lớn là phụ nữ miền Ucraina, tất cả đều trẻ trung, nước da bánh mật, dáng vẻ nhanh nhẹn, đường xa và cái nóng khiến họ có vẻ hăng hái, xông xáo. Mọi người đều đi về phía Nam, tìm việc làm. Mùi hơi người nóng hôi hổi, mùi quần áo thôn quê tỏa ra: đâu cũng thấy ăn uống, cười nói rào rào

– Một chiếc cầu dài, rất dài bắc qua sông Đơnhép, mặt trời đỏ ối chói loà ở phía cửa sổ bên tay phải, dưới sâu là mặt nước vàng đục đầy ắp. Trên doi cát vươn ra ngoài sông, nhiều phụ nữ cởi trần đang tắm tấp thoải mái. Đây, lại vừa thấy một bà vắt chiếc áo ra phía sau, chạy tới đằng trước, rồi vụng về ngã tùm xuống nước, hai bàn chân đập mạnh, nước bắn lên tung tóe...

– Tàu đã qua sông Đơnhép rất xa. Bóng chiều đã ngã trên cánh đồng trống trải cao cao, nơi chỉ còn trơ những gốc rạ và bãi cỏ đã cắt. Không biết vì sao tôi lại nhớ đến Xviatôpônco: cũng vào một buổi chiều thế này ông đã cưỡi ngựa đi trước một đoàn quân thừa thớt qua thung lũng này – ông đi đâu và nghĩ ngợi điều gì? Chuyện này xảy ra từ nghìn năm trước, và

cảnh vật đến giờ vẫn đẹp như thế. Không, đấy không phải là Xviatôpônco, đó là một người dân quê man dã nào đấy đang ngồi trên mình ngựa thủng thẳng đi bước một giữa bóng núi, ngồi đằng sau ông là một phụ nữ tay bị trói sau lưng, tóc xõa xượi, đôi chân trần để lộ, môi mím lại, nhìn vào sau gáy ông, còn ông thì căng mắt nhìn về phía trước...

– Một đêm trăng âm ướt! Ngoài cửa sổ là thảo nguyên bằng phẳng, là những con đường bùn lầy đen sẫm. Mọi người trong toa đều ngủ cả, xung quanh là bóng tối nhờ nhờ, ngọn nến cháy trong chiếc đèn treo đầy bụi. Qua khe cửa đã hạ xuống, mùiội ẩm ướt lọt vào bên trong, hoà trộn một cách lạ lùng với mùi không khí ngai ngái của toa tàu: một số bà người Ucraina nằm ngủ, hai tay dang ra, mồm hơi he hé. Một bà vừa chột tỉnh và đưa mắt nhìn chăm chăm về phía tôi...

Làng mà tôi thường đến vào ngày chủ nhật nằm cách ga không xa, giữa một thung lũng rộng và bằng phẳng. Có lần tôi đã tới ga này vô mục đích, xuống tàu ở đấy rồi đi bộ tiếp. Hôm đó, mặt trời đã lặn, giữa các mảnh vườn phía trước hiện ra những ngôi nhà trắng trắng, gần hơn, giữa bãi chăn súc vật, một chiếc cối xay gió đen sẫm đứng yên. Bên cối xay gió tụ tập một đám người đông đúc và đằng sau đám đông vút lên tiếng đàn vĩ cầm, tiếng chân người đang nhảy múa... Mấy tối chủ nhật liền tôi đến đứng trong đám đông ấy, nghe tiếng đàn, tiếng hát cho đến đêm khuya. Có lần tôi bước lại gần một cô gái tóc hung, đôi môi mọng, bộ ngực căng đầy, cặp mắt nhìn là lạ. Ngay lúc đó, giữa đám đông người chen sát nhau, chúng tôi kín đáo cầm tay nhau. Chúng tôi đứng yên, không cố nhìn sang nhau – cả hai đều hiểu rằng sẽ không hay ho gì cho tôi, nếu cánh trai làng nhận ra được lý do vì sao tự nhiên lại có một chàng công tử thị thành hay xuất hiện ở gần cối xay gió này thế. Lần đầu tiên chúng tôi tình cờ đứng gần nhau, sau đó, hễ cứ thấy tôi bước tới là ngay lập tức cô quay lại; và khi cảm thấy tôi đã đứng sát bên, cô liền nắm lấy tay tôi suốt cả buổi tối. Trời càng tối, cô càng siết chặt tay tôi hơn, càng ghé sát vai hơn. Đêm xuống khi đám người xem đã thưa dần, cô lặng lẽ bước ra sau cối xay gió, đứng khuất sau đó, còn tôi thì lững thững quay ra ga, và chờ tới khi mọi người bên cối xay gió đã về hết, tôi bèn cầm đầu chạy ngược trở lại. Chúng tôi thỏa thuận với

nhau như thế mà không cần nói một lời nào, chúng tôi yên lặng đứng bên nhau dưới cối xay gió ấy, cùng hưởng những phút say mê, khắc khoải, ngọt ngào...

Có lần cô đưa tiễn tôi. Còn nửa giờ nữa tàu mới chạy, cả khu ga tối đen và yên ắng – chỉ có tiếng dế gáy đều đều xung quanh, tí ngoài xa phía làng, mặt trăng đỏ lừ đang nhô ra khỏi những vườn cây sẫm đen. Trên đường sắt phụ có một toa tàu hàng đang đỗ, cánh cửa bị đẩy sang bên. Bất giác tôi dắt tay cô gái chạy về phía toa tàu, tự cảm thấy kinh sợ với việc đang làm; tôi lách người vào toa, cô ta nhảy lên theo tôi và ôm chầm lấy cổ tôi. Tôi bật diêm nhìn ra xung quanh và sợ hãi lùi lại: ánh lửa soi rõ hình một chiếc quan tài dài thô kệch nằm giữa toa. Cô ta bèn quay mình ra khỏi toa, tôi chạy theo sau... Xuống mặt đất rồi, cô ta cười khanh khách, tới tập hôn tôi với niềm vui thú đầy man dại, còn tôi thì không nghĩ tới việc trở về nhà bằng cách nào. Sau lần ấy, tôi không ló mặt tới làng nữa...

XXVIII

Mùa thu chúng tôi cùng sống qua những ngày đầy không khí lễ lạc hội hè thường vẫn thấy ở thành phố vào dịp cuối năm, khi mà đại biểu các hội đồng địa phương từ khắp nơi kéo về dự họp ở tỉnh. Tiếp đó, mùa đông cũng trôi qua đầy vui vẻ với chúng tôi: nhà hát kịch Ucraina với các diễn viên Dancôvétxcaia và Xăcxaganxki về biểu diễn, những buổi hoà nhạc của các nghệ sĩ danh tiếng ở thủ đô như Trerơnốp, Iacốplép, Mơravina. Còn có không ít những buổi dạ hội, vũ hội, hóa trang, những bữa tiệc sang trọng với số khách mời định trước. Sau dịp họp hành tôi đi Mátxcơva, tới nhà Tônxtôi. Sau khi tôi về tôi đặc biệt thích thú tận hưởng mọi lạc thú của người đời. Những lạc thú ấy đã thay đổi hẳn cuộc sống bề ngoài của chúng tôi – dường như không tối nào chúng tôi ở nhà. Dần dà quan hệ giữa hai đứa chúng tôi cũng đổi thay, trở nên lạnh lùng xa cách.

– Anh lại hóa thành một người khác rồi đấy, có lần nàng nói vậy. – Hoàn toàn thành đàn ông rồi. Không hiểu sao lại còn để râu quai nón theo kiểu Pháp nữa chứ.

– Em không thích à?

– Sao lại không? Chỉ có điều là tất cả đều thay đổi

– Phải rồi. Chính em bây giờ cũng ra dáng một thiếu phụ trẻ tuổi hơn. Em gầy đi một chút và trông càng xinh đẹp hơn.

– Và anh lại bắt đầu ghen chứ gì. Em đã thấy sờ sợ phải thú nhận với anh rằng...

– Thú nhận điều gì mới được?

–... rằng em muốn dự buổi vũ hội hóa trang sắp tới với một bộ váy áo mới. Một kiểu gì đó không đắt tiền lắm, hoàn toàn giản dị. Chiếc mặt nạ đen và một bộ đồ nào đó màu đen, thật dài và mỏng nhẹ...

– Thế là định ám chỉ gì?

– Ám chỉ màn đêm.

– Thế là lại bắt đầu một chuyện gì đó na ná như hồi ở Ôriôn chắc. Lại màn đêm! Điều này tầm thường quá đấy!

– Em chẳng thấy có gì là giống Ôriôn, là tầm thường ở đây cả, – nàng trả lời khô khan, đầy vẻ tự chủ và tôi hoảng sợ cảm thấy trong cái giọng khô khan, bướng bỉnh ấy quả là có cái gì đó giống giống hồi trước – Chẳng qua là anh lại bắt đầu ghen em rồi.

– Sao lại bắt đầu ghen?

– Em không biết

– Không em biết đâu. Vì em lại bắt đầu xa lánh anh, lại muốn mọi người thích thú mình, muốn đón nhận sự ngưỡng mộ của cánh đàn ông.

Nàng cười khẩy với vẻ đầy khó chịu:

– Lẽ ra anh không nên nói tới chuyện đó mới phải. Cả mùa đông vừa rồi có lúc nào anh rời cái bà Trerơcaxôva đâu.

Tôi đỏ mặt

– Sao lại không rời! Em nói cứ thể như là anh có lỗi, nếu chị ta có mặt đúng cái nơi mà anh và em đến. Điều anh cảm thấy chua xót hơn cả là em ngày càng tỏ ra ít cởi mở với anh hơn, hết như em đã có điều bí ẩn gì đó giấu anh. Em nói thẳng ra xem nào: điều gì vậy? Điều gì em đang giấu diếm anh?

– Em giấu điều gì ư? – nàng trả lời. – Em buồn rằng tình yêu trước đây của chúng mình không còn nữa. Nhưng mà nói tới chuyện đó làm gì nữa...

Nàng dừng lại một lát rồi nói tiếp:

– Còn về vũ hội hóa trang thì em sẵn sàng dứt khoát thôi không dự, nếu chuyện đó làm anh khó chịu. Chỉ có điều em thấy anh quá ư khe khắt với em, ý muốn nào của em anh cũng cho là tầm thường, anh tước bỏ của em mọi thứ quyền, còn mình thì tha hồ muốn làm gì thì làm...

Mùa xuân và mùa hè năm sau tôi lại ngao du phiêu bạt nhiều nơi. Đầu thu tôi gặp lại Trerơcaxôva (cho tới lúc đó quả tình giữa tôi và chị ta hoàn toàn không có chuyện gì) và được biết rằng chị ta sắp chuyển về Kiép.

– Tôi sắp phải xa anh mãi mãi rồi, bạn thân mến ạ, – chị nói, cặp mắt sắc như mắt chim ưng nhìn xói vào tôi. – Chồng tôi đã chờ tôi ở đấy rồi. Anh

có muốn đưa tiễn tôi tới Krêmentrúc không? Đương nhiên là anh phải giấu kín chuyện này. Ở đấy tôi sẽ phải nghỉ lại cả một đêm để chờ tàu thủy...

XXIX

Chuyện này xảy ra vào tháng mười một; cho đến giờ tôi còn nhìn thấy, còn cảm thấy rành rẽ những ngày lạnh lẽ, u ám ấy trong cái thành phố hẻo lánh miền Tiểu Nga với những phố xá vắng tanh, bờ hè lát tấm gỗ hẹp vanh vách, với những khu vườn tối sẫm ẩn sau hàng giậu, những câyường cao vút trơ cành trụi lá dọc theo các con phố lớn, công viên thành phố trơ trọi với những quán ăn cửa sổ đóng kín mít, những ngày khí trời ẩm ướt với mùi lá mục đầy thê lương. Những ngày ấy tôi chờ dẫn lang thang vô định trên những con phố, trong công viên, trong đầu tôi chỉ ám ảnh bấy nhiêu ý nghĩ và hồi tưởng... Những hồi tưởng nặng nề, đáng sợ đến nỗi phải có lời cầu khẩn riêng xin thoát khỏi sự ám ảnh của chúng.

Vào một giờ phút bi thảm, nàng bất chợt như phát điên lên với những nỗi đau thầm kín mà đôi lúc nàng đã nhắc đến thoáng qua. Anh Ghêorghi hôm đó đi làm về muộn, tôi còn về muộn hơn, – nàng biết rằng cả hai chúng tôi đều sẽ về muộn, dạo đó sở lại đang chuẩn bị cho cuộc họp hằng năm. Nàng ở nhà một mình, mấy ngày liền không đi đâu – tháng nào nàng cũng nghỉ ở nhà mấy ngày như vậy. Vào thời gian đó, tính tình nàng thường khang khác. Nàng nửa ngồi, nửa nằm trên chiếc giường kê trong phòng ngủ, hai chân co lên theo thói quen và hút rất nhiều thuốc. Cách đấy không lâu, nàng bắt đầu hút thuốc, không chịu nghe theo lời tôi khẩn khoản xin nàng đừng làm cái việc chẳng thích hợp chút nào với nàng. Chắc là nàng chăm chăm nhìn vào một điểm nào đó trước mặt, rồi sau đó bất chợt đứng dậy viết liền mấy dòng, không tẩy xóa gì hết, lên mảnh giấy nhỏ mà anh tôi, khi trở về nhà, đã tìm thấy ở bàn trang điểm của nàng. Viết xong mấy dòng ấy, nàng vội vã nhạt nhanh thu xếp đồ đạc của mình, mấy thứ còn lại thì vất đi. Mấy thứ nàng để vương vãi trong nhà ấy một thời gian dài tôi đã không đủ dũng cảm động vào, thu xếp lại và giấu đi đâu đó. Đến đêm thì nàng đã ở một nơi rất xa, trên đường trở về nhà với bố...

Vì lẽ gì tôi đã không đuổi theo nàng ngay lúc đó? Có thể là vì gương ngùng xấu hổ, và vì tôi đã biết quá rõ tính dứt khoát của nàng trong một vài thời điểm của cuộc đời. Tôi đã gửi liền mấy bức điện và thư đến nhà nàng và cuối cùng chỉ nhận được câu trả lời vắn tắt: “con tôi đã rời nhà, nơi ở của mình Lika cấm báo cho bất kỳ ai”

Những ngày liền sau, không biết có chuyện gì đã xảy ra với tôi, nếu không có người anh bên cạnh (tuy anh cũng hoàn toàn bất lực bối rối trước việc ấy). Mấy dòng nàng viết để giải thích lý do sự ra đi của mình, anh tôi không chuyển lại ngay mà mới đầu còn cố chuẩn bị tinh thần cho tôi một cách vụng về. Cuối cùng anh quyết định đưa cho tôi, nước mắt lặng lẽ trào ra. Trên mảnh giấy nhỏ là mấy hàng chữ rần rỏi: “Em không thể tiếp tục chứng kiến cái cảnh anh cứ mỗi ngày một xa em thêm, em không còn đủ sức để tiếp tục chịu đựng những điều xúc phạm mà anh ngày càng gây ra nhiều hơn cho tình yêu của em, em không thể giết chết tình yêu ấy trong em, em không thể không hiểu rằng mình bị khinh rẻ hoàn toàn, đã bước xuống nấc thang cuối cùng của sự tuyệt vọng đối với mọi điều hy vọng và mơ ước ngu ngốc của mình, em cầu trời ban cho anh sức lực chịu đựng sự chia tay này, cầu mong cho anh quên em và được hạnh phúc trong cuộc đời mới hoàn toàn tự do của mình...”.

Tôi đưa mắt đọc lướt qua mấy dòng ấy với cảm giác đất dưới chân mình đang sụt xuống, da trên mặt và trên đầu lạnh toát. Tôi lẩm bẩm một mình với giọng bất cần:

– Cũng được thôi, kết cục thế này nên chờ từ trước rồi, một chuyện “tuyệt vọng” bình thường!

Sau đó tôi lấy hết dũng cảm bước sang buồng ngủ và ra vẻ điềm nhiên nằm xuống giường. Khi trời bắt đầu tối, anh tôi thận trọng ghé nhìn vào buồng – tôi nhắm mắt lại, giả vờ ngủ. Anh giống tính bố, thường không chịu nổi và mất thăng bằng mỗi khi gặp điều bất hạnh. Anh vội tin ngay rằng quả thật là tôi đang ngủ, bèn an tâm từ từ mặc đồ vào rồi đi dự buổi họp tối ở sở...

Vào đêm ấy tôi đã không rút súng ra tự sát chỉ vì nghĩ rằng nếu đêm nay không tự sát thì ngày mai thế nào cũng làm việc đó. Khi trong phòng đã

sáng lên bởi ánh trăng mờ mờ đang rọi xuống khu vực cửa sổ, tôi xuống phòng ăn, châm đèn lên, mở tủ lấy rượu vodka uống một chén, rồi hai chén... Bước ra khỏi nhà, tôi lần theo các phố, – phố xá về đêm trông thật đáng sợ: lặng ngắt, ẩm áp, ẩm ướt; xung quanh một làn sương trắng đục hoà với bóng trăng bao phủ trên những khu vườn, những hàng dương trở trọi... Trở về nhà, châm nến lên trong buồng ngủ, tôi càng kinh hãi hơn khi thấy trong ánh sáng mờ mờ của ngọn nến vương vãi những đôi tất, đôi giày, bộ váy áo mặc hè của nàng và tấm áo ngủ sặc sỡ nàng hay mặc, tấm áo che thân thể ấy đã bao lần tôi ôm ấp, tôi hôn lên gương mặt nàng, hơi ngửa ngửa ra sau, cảm thấy hết hơi thở ẩm áp của nàng. Tôi nấc lên, nước mắt giàn giụa; thoát được khỏi nỗi hoảng loạn này chỉ còn một cách là có nàng ngay bên cạnh, ngay trước mặt, mà nàng thì đã biến đi xa!

Một đêm khác lại đến. Vẫn cái ánh sáng leo lét của ngọn nến tỏa ra trong căn buồng ngủ lặng yên, bất động. Ngoài cửa sổ tối đen đưa vào tiếng mưa đêm cuối thu đều đều tí tách. Tôi nằm và ngược nhìn lên góc tường – chênh chéch trên cao có treo bức tranh thờ cổ kính mà tối tối nàng vẫn đứng trước đó cầu nguyện: đó là tranh vẽ hình Đức Mẹ mặc áo choàng, vàng chói trên nền đỏ, gương mặt Đức Mẹ buồn buồn, nghiêm trang với cặp mắt đen tối. Một ý nghĩ chợt hiện ra trong đầu tôi: sao lại có sự kết hợp trớ trêu, đáng sợ như vậy giữa Đức Mẹ và hình ảnh nàng, giữa bức tranh thờ và mấy thứ đồ đạc phụ nữ vất lăn lóc khắp phòng, khi nàng vội vàng, điên dại bỏ trốn đi!

Một tuần, rồi hai tuần trôi qua, một tháng trôi qua. Tôi đã bỏ việc từ lâu, không xuất hiện trước mọi người ở bất cứ chỗ nào. Tôi lần lượt chịu đựng hết hồi ức này đến hồi ức khác, ngày này sang ngày khác, đêm này sang đêm khác. Không hiểu vì sao tôi liên tưởng đến cảnh: ngày xưa ở một nơi nào đó, những người dân quê Xlavơ đã nai lưng ra kéo những chiếc thuyền gỗ lớn nặng nề mới đóng theo những con đường rừng, qua miền đất trũng này đến miền đất trũng

XXX

Suốt một tháng liền tôi chịu đựng vất vả khổ sở. Cuối cùng cảm thấy không còn đủ sức chịu đựng nỗi khổ ấy, tôi quyết định về Baturinô, sống ở nhà một thời gian, không cần biết sau đó sẽ ra sao.

Tôi cảm thấy lạ lùng bước vào toa tàu đã bắt đầu chuyển bánh, sau khi vội vã ôm từ biệt người anh lần cuối, – tôi bước vào toa tàu và tự nói với mình: thế đấy, mình lại như một cánh chim trời tự do! Đó là một buổi chiều mùa đông u ám, không có tuyết, tàu chạy âm âm giữa bầu không khí khô ráo. Tôi ngồi vào góc toa cạnh cửa, đặt bên mình chiếc vali nhỏ và nhớ lại cái câu tục ngữ Ba Lan mà tôi vẫn thường hay nói với nàng: “Chim sinh ra để bay, người sinh ra để sống hạnh phúc” – tôi cứ nhìn chăm chăm vào ô cửa tối đen của toa tàu đang âm âm chạy để không ai nhìn thấy nước mắt của tôi. Đêm nay tàu chạy tới Kháccốp. Hai năm trước đây, cũng vào một đêm như thế này, tàu đi từ Kháccốp, dạo ấy đang là mùa xuân, một ngày mới đang tới, nàng ngủ say trong toa tàu đã dần dần mờ sáng... tôi ngồi yên dưới ánh đèn leo lắt, trong toa tàu chật chội thô kệch và nôn nóng chờ buổi sáng đến với cảnh người nhộn nhịp đi lại, với tách café nóng sẽ được uống ngoài ga Kháccốp...

Sau đó tàu đến Kurxcơ, lại một thành phố in trong ký ức: một buổi trưa mùa xuân., tôi cùng ăn với nàng trong ga, nàng sung sướng thốt lên: “Lần đầu tiên trong đời em được ăn sáng ở ngoài ga!” Còn bây giờ, khi mùa đông băng giá âm đạm đang qua, con tàu khách dài một cách khác thường đang đỗ bên nhà ga ấy, con tàu với nhiều toa hạng ba kèn càng, nặng nề như vẫn thường thấy ở tuyến đường sắt Kurxcơ - Kháccốp - Adốp. Tôi ra khỏi toa, thơ thẩn đứng nhìn. Đầu tàu màu đen nằm tít đằng xa, trông bé hẳn lại. Từ cửa các toa tàu, hành khách theo nhau nhảy xuống, tay cầm ấm trà, trông mặt ai đăm đăm, – bọn họ đều vội đến quầy điểm tâm lấy nước sôi. Những người cùng toa ngồi cạnh tôi cũng xuống ga: đó là một thương nhân lạnh nhạt, trông mệt mỏi vì thân hình quá nặng nề phức phịch và một

chàng trai trẻ quá hoạt bát và hiếu kỳ, mặt mũi khô khan, thô kệch què mùa, trông thật đáng ghét. Anh ta chốc chốc lại ném sang tôi một cái nhìn dò xét, nghi ngờ, bởi tôi suốt ngày cũng đã gây cho anh ta sự chú ý: sao lại có cái anh chàng ngồi lì lì, im như thóc thễ kia, chẳng ra công tử cũng chẳng ra con nhà bình dân! Tuy nhiên anh ta vẫn nhanh mồm thân mật nhắc tôi:

– Anh lưu ý nhé, ở ga này lúc nào cũng có bán ngỗng quay, rẻ không thể tưởng được!

Tôi đứng lại, hình dung ra khung cảnh quầy điếm tâm, nơi tôi không dám tới gần, – ở đó còn cái bàn mà trước đây tôi và nàng đã cùng ngồi ăn. Mùa đông Nga đến thật rồi, tuy tuyết còn chưa rơi. Một cuộc sống hiu hắt thế nào đang chờ tôi ở Baturinô! Cảnh sống già lão của bố mẹ, sự tàn tạ héo mòn của người chị bất hạnh, vẻ tiêu điều của những ngôi nhà trong trang ấp, khu vườn cây xác xơ, trơ trọi hứng làn gió lạnh băng, mùa đông với tiếng chó sủa, mùa đông, khi những cơn gió như thế thổi đến, những cơn gió là lạ không ai cần đến và trống trải vô tận... Con tàu hôm nay tôi đi như cũng dài vô tận. Phía đối diện, ngoài bờ rào ngăn sân ga, những ngọn cây dương trụ lá mọc vút cao, sau hàng dương, trên mặt đường nhóp nháp có mấy người xà ích từ các nơi hẻo lánh đang chờ khách, vẻ mặt họ gợi cho ta nhớ đến cái buồn, cái tẻ nhạt của một miền được gọi là Kuroxcơ. Dưới hàng dương trên sân ga là mấy bà đầu trùm khăn kín mít chỉ để lộ mặt tím tái vì lạnh; các bà đua nhau rao hàng, chào mời khách – chính họ đang bán ngỗng quay “giá rẻ không thể tưởng được”, những con ngỗng to tướng, lạnh ngắt, da sù sì lỗ đố. Những người đã lấy xong nước sôi hơn hờ từ ga chạy ngược trở lại phía những toa tàu ấm áp, thú vị hưởng cái giá rét, vừa chạy vừa vui vẻ mà cả trêu chọc mấy bà bán hàng nọ... Cuối cùng, chiếc đầu tàu tí đặng xa kia rít lên một hồi còi nghe thật náo nê như đe đưa tôi đi tiếp con đường xa thăm... Điều khổ sở tuyệt vọng với tôi hơn cả là tôi đã không biết nàng bỏ đi đâu. Nếu không thì tôi đã có thể cam chịu mọi sự xấu hổ mà tìm đến chỗ nàng ở đâu đó và bằng mọi giá nào đưa nàng về lại với mình, – hành động kỳ dị của nàng rõ ràng là kết quả một cơn rồ dại mất trí mà cũng chỉ sự xấu hổ mới ngăn cản nàng hối hận về hành động đó.

Trở về quê nội lần này không còn giống như lần cách đây ba năm. Bây giờ tôi nhìn tất cả bằng con mắt khác. Cảnh tượng Baturinô trên thực tế còn tồi tệ hơn hình dung của tôi lúc đi đường: làng mạc tiêu điều, những con chó chạy rông gầy gò xác xơ, những chiếc xe chở nước thô kệch nằm nằm bên ngưỡng cửa, mảnh sân trống trải trước ngôi nhà nặng nề xấu xí với những ô cửa sổ buồn bã, với những mái nhà cao một cách vô lý xây từ thời ông bà, cụ kỵ, hai hàng hiên tôi tối ẩn dưới mái che với những vì kèo bằng gỗ đã xám xịt vì cũ kỹ, – tất cả đều gợi ấn tượng cổ lỗ, hoang tàn, vô vọng. Có ngọn gió lạnh lẽo vô định nào làm nghiêng ngọn cây thông quen thuộc nhô lên sau mái nhà, giữa khu vườn thê lương, trơ trụi mùa đông... Cảnh sinh hoạt trong nhà tôi đã thấy thêm nhiều nét nghèo nàn lộ liễu: những vết nứt bên bếp lò được trát lại bằng đất sét, để bớt lạnh nền nhà được trải bằng những tấm vải thô kệch trước đây dùng để phủ lên mình ngựa... Chỉ một mình bố tôi là cố giữ một nếp sống trái ngược với cảnh tượng trong nhà: ông gầy đi, nhỏ lại, tóc đã bạc phơ, nhưng bây giờ lúc nào cũng cạo râu nhẵn nhụi, tóc chải mượt mà, ăn vận không còn luộm thuộm như xưa – thật là day dứt khi phải nhìn thấy cái thanh lịch chải chuốt của tuổi già và cái nghèo, – ông luôn cư xử với mọi người một cách vui vẻ, đầy hào hứng (chắc có lẽ là vì tôi, cho tôi khuây khỏa phần nào trước nỗi bất hạnh ê chề). Một lần, ông run run cầm điều thuốc trong bàn tay khô gầy, nhìn tôi với vẻ buồn buồn dụi dàng và nói:

– Biết làm thế nào được hở con, mọi chuyện đều có quy luật của nó cả – ọi nỗi xúc động, lo âu, mọi niềm vui nỗi buồn tuổi trẻ, và sự yên tĩnh của tuổi già... có câu thơ về điều này... thế nào ấy con nhỉ? – ông nói, mắt nheo nheo lại cười: – “vui lạc thú cuộc đời”, chà, đúng thật:

Giữa làng quê quanh hiu cô tịch

Trong túp nhà mộc mạc đơn sơ

Phóng đảng khí trời ta hít thở

Và cùng vui lạc thú cuộc đời...

Mỗi lần nhớ lại bố, bao giờ tôi cũng cảm thấy ân hận, dường như tôi đã quý trọng và yêu mến ông chưa đủ mức. Lần nào tôi cũng thấy mình có lỗi vì biết quá ít về đời ông, nhất là quãng đời tuổi trẻ, – tôi đã rất ít quan tâm

hỏi han ông, khi còn có thể làm được chuyện đó! Tôi luôn cố hiểu ông một cách đầy đủ mà vẫn không thể tự giải đáp được điều rằng ông là con người thế nào, – con người của một thời đại hoàn toàn đặc biệt; ông thật khác thường ở cái tài năng đa dạng, tuyệt vời, nhẹ nhàng, hào phóng mà lại hoàn toàn vô bổ; ông có một tâm hồn thật linh hoạt, một trí tuệ thật tinh nhanh, chỉ cần thoáng qua là hiểu hết mọi chuyện, tính tình cởi mở thẳng thắn, bề ngoài thì hết sức giản dị, mộc mạc, nhưng bên trong thì thật phức tạp, phong phú; ánh mắt nhìn tinh táo và trái tim mơ mộng ngọt ngào. Mùa đông năm ấy, tôi hai mươi tuổi, còn ông thì sáu mươi. Thật là khó tin, lúc ấy tôi mới hai mươi tuổi, sức lực tuổi trẻ đang thời nở rộ bất chấp mọi trắc trở gặp phải! Còn ở ông cả cuộc đời đã lùi lại phía sau. Thế mà vào mùa đông năm ấy, không ai hiểu rõ như ông về những gì tâm hồn tôi đang trải qua, và chắc là cũng không ai như ông cảm thấy hết được sự pha trộn giữa nỗi buồn đau và tuổi trẻ trong lòng tôi.

Ngày hôm ấy, tôi ngồi cạnh bố trong căn phòng của ông. Tuyết đã rơi, một ngày mùa đông êm ả, dịu nhẹ, nắng vàng hoe. Ánh nắng chiếu xuống mảnh sân phủ đầy tuyết hiền hoà hiện ra ngoài cửa sổ thâm thấp của căn phòng ấm áp, khói thuốc lá vẫn vơ. Căn phòng bừa bộn mà ấm cúng thân thiết với tôi tự thuở ấu thơ, căn phòng bày biện sơ sài gắn liền trong trí nhớ của tôi với mọi thói quen, ý thích của ông. Và ông, sau khi đọc mấy câu thơ về cái “vui lạc thú cuộc đời” ấy, đã bỏ điếu thuốc ra, lấy cây đàn ghita trên tường xuống rồi bắt đầu hát một bài dân ca ông yêu thích, đôi mắt ông ánh lên niềm vui rần rần như còn giấu kín điều gì đó trong lòng. Tiếng hát ông hoà theo âm thanh cây đàn ghita vừa dịu dàng, vừa vui vui, vừa buồn buồn gợi nhớ đến những gì thân yêu đã mất, mọi chuyện trên đời này dù sao vẫn đi qua và khóc than nào có ích gì—

Ít lâu sau khi trở về nhà, tôi không nén nổi, rời khỏi nhà, xăm xăm lên thành phố, – và ngày hôm đó quay về, thất vọng hoàn toàn: người ta dứt khoát không cho tôi vào nhà ông bác sĩ. Với vẻ táo bạo tuyệt vọng tôi nhảy ra khỏi chiếc xe trượt dừng lại trước cái cổng thân quen nay đã trở nên đáng sợ, kinh hãi nhìn lên những khung cửa sổ rèm che chưa kín của phòng ăn, nơi bao ngày trước kia tôi đã cùng nàng ngồi trên chiếc divăng, – những

ngày thu đầu tiên của hai đứa tôi! – rồi giật chuông... Cánh cửa mở ra, trước mặt tôi hiện ra cậu em trai của nàng, mặt tái đi, rành rọt nói từng tiếng:

– Ba tôi không muốn gặp anh. Còn chị Lika thì, như anh biết đấy, không có nhà.

Đó chính là cậu học trò mà vào mùa thu năm ấy đã nô đùa với con chó Vôntrơ, hết chạy lên thang gác rồi lại chạy xuống. Còn lúc này thì trước tôi đã là một chàng trai trẻ, vẻ mặt nghiêm nghị nước da bánh mật vận áo sơ mi cổ chéo kiểu sĩ quan, đi ủng cao cổ, để bộ ria mép đen, đôi mắt đen nhỏ bé chăm chăm nhìn tôi với vẻ đầy khó chịu:

– Anh làm ơn ra khỏi đây cho, – anh ta khẽ nói thêm, và có thể thấy rõ đằng sau làn áo sơ mi tim anh ta đang đập dồn dập.

Tuy thế suốt cả mùa đông năm ấy, hôm nào tôi cũng nôn nao chờ thư nàng, – tôi không thể tin rằng nàng lại có thể lạnh lùng, hóa đá, nhẫn tâm đến thế.

XXXI

Mùa xuân năm sau tôi mới được tin rằng trở về tới nhà, nàng bị sưng phổi và một tuần sau thì mất. Tôi cũng được biết thêm là chính nàng đã dặn mọi người giấu tin nàng qua đời với tôi càng lâu càng tốt.

Đến nay tôi vẫn còn giữ được cuốn vở bìa bọc da nâu mà nàng đã mua tặng tôi bằng tiền lấy trong tháng lương đầu tiên của mình: vào cái ngày có lẽ là xúc động nhất trong cả cuộc đời nàng. Trên trang đầu của cuốn vở này đến giờ còn có thể đọc được mấy hàng nàng viết cho tôi khi đưa tặng, – nàng đã viết nhầm hai chỗ vì xúc động, vì vội vã, ngượng nghịu...

Cách đây ít lâu, tôi nhìn thấy nàng trong mơ – lần duy nhất trong cả cuộc đời dài dặc thiếu vắng nàng. Nàng vẫn ngần ấy tuổi như hồi ấy, vào tháng năm trẻ trung đầu tiên chúng tôi chung sống, nhưng trên gương mặt của nàng đã thoáng hiện vẻ đẹp của người thiếu phụ. Nàng gầy gầy, trông có vẻ gì tang tóc. Tôi nhìn thấy nàng mờ mờ nhưng với một tình yêu, một niềm say mê mãnh liệt, với cảm giác gần gũi da diết về tâm hồn và thể xác mà trong cả cuộc đời, tôi chưa từng nếm trải.

Bờ biển Anpơ, 1933



Table of Contents

Mở đầu

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

XIII

XIV

XV

XVII

XVIII

XIX

XX

XXI

XXII

XXIII

XXIV

XXV

XXVI

XXVII

XXVIII

XXIX

XXX

XXXI